

Dương Hùng Cường

# Lính Thành Phố

NGHỆ THUẬT xuất bản 1969

## MUC LUC

1. Lính Thành Phố
2. Mười Năm Ngồi Trên Cao
3. Lên Một Cái Dốc, Xuống Một Cái Dốc
4. Cư Xá Độc Thân
5. Biết Từ Đâu Tới Tơi Đâu Thì Hết...
6. Mắt Trời Ở Xa
7. Chuyên Tình Phương Và Dương
8. Đi Xa Thành Phố

## 1. LÍNH THÀNH PHỐ

Lòng tôi lúc nào cũng chỉ băn khoăn thắc mắc về những hình ảnh không bền, không vững chắc, như những đám mây kia, trôi lang thang khắp bầu trời, khi gặp núi thì ngừng lại. Nhưng núi giữ mây lại để làm gì? Suốt ngày, nằm buồn tênh, nhìn xuống cái thung lũng cô đơn rồi tan dần, tan dần. Núi càng cao thì mây tụ lại càng nhiều. *“Vạn lý sầu lên, núi tiếp mây”*.

Ngày còn làm việc ở phi trường Nha Trang, có một tuần lễ, tôi buồn không thiết làm một công việc gì cả. Trước mặt tôi là núi, đằng sau lưng là biển. Ngược mắt nhìn lên chỉ thấy trời cao. Tôi bị vây chặt ở đây. Cuộc đời cứ mòn đi, cứ rĩ đi. Tôi bước xuống cầu thang vào trong quán rượu. Tuần lễ ấy, tiền ghi sổ của quán rượu phi trường lên gần tới nửa tháng lương. Tôi thấy lòng mình thật trống rỗng và khắc khoải, trở lại cái buồn của tuổi mười sáu khi nghe tin người yêu đi lấy chồng.

Một thằng bạn khuyên tôi:

- Mày đừng uống rượu nữa. Mới đầu mày buồn, mày đi uống rượu. Nhưng rồi về sau mày mà không uống thì buồn không thể nào chịu nổi...

Tôi biết như vậy lắm...Tôi nhìn vào tận đáy ly, có đôi mắt tôi ở trong đó. Tôi xoay ly để nghe tiếng nước đá chạm vào thành ly lạnh canh...Mày không hiểu được tao...Nha Trang vào tháng chín, trời đầy những đám mây sẫm màu chì. Biển in thành mây nên bớt đi màu xanh của trời. Người ta gọi những người tuổi còn trẻ là những người tóc còn xanh, nhưng nhìn vào tấm gương trước mặt tôi thấy tóc tôi màu đen.

Tóc tôi không còn màu xanh, có phải rằng tôi không còn trẻ nữa...

Buổi tối, khoảng mười giờ đêm, con tắc-kè ở đầu dãy cư xá, tắc lười kêu lên mấy tiếng. Mấy thằng trong cư xá reo ầm lên:

- Kia, mấy cái thằng Bắc-kỳ, nó gọi chúng mày, sao chúng mày không dạ đi..

Chẳng có thằng nào tức giận, vì đây là ở trong trại lính. Cái đùa dởn thật hồn nhiên, không có một tí gì kỳ thị. Có nhiều khi cái thằng nói câu đó lại là một thằng chính cống Bắc-kỳ.

Tôi uống rượu say ban đêm để cố tìm một giấc ngủ. Một giấc ngủ không mộng mị, lúc thức dậy là thấy mặt trời, chứ không phải cái ánh sáng vàng vọt của mặt trăng sừng trâu nằm chênh chếch về phía núi.

Tôi làm việc ở Đài Kiểm-soát phi trường. Đài kiểm-soát ở trên nóc phi cảng. Tầng lầu giữa là quán ăn. Phi cơ tới thường đậu dưới chân tôi. Cánh cửa phi cơ mở ra, từng đoàn người đi xuống, những tà áo xanh, áo đỏ bay phát phới trong gió biển lộng thổi. Từ trên cao, chúng tôi thường lấy ống nhòm theo dõi những người đẹp điểu qua trước mặt mà phê bình với nhau: "Cô này cằm dài không biết mệt; cô kia mặt dài, mặt tròn, lá vông, lá tre...". Rồi tàu bay cất cánh, sân đậu của phi cảng lại trở trên nằm dưới nắng. Chiếc ống kính bị gió thổi, cố vươn mình lên nằm ngang. Nhìn quanh, chỉ thấy phi đạo, đường vận chuyển, hăng-ga, ngàn đời vẫn nằm yên, buồn nản ...

Từ ngày tôi uống rượu, thiên hạ không dám bắt tôi làm việc. Không ai mà đại gì trao sinh mạng cho một thằng say, mồm bốc hơi lửa, thờ ra muốn cháy cả chiếc micro. Tôi giữ chân bán hỏa pháo. Tôi kéo ghế ra ngồi, tay cầm súng, dưới chân, một đồng hồ hỏa pháo xanh, đỏ, trắng. Hỏa pháo màu xanh: cho phép cất cánh, cho phép hạ cánh. Hỏa pháo màu đỏ, không được cất cánh, không được hạ cánh. Hỏa pháo màu trắng: trở về

sân đầu. Thường thường, tôi chỉ dùng hoả pháo màu đỏ. Lệnh cấm mới truyền nhanh chứ lệnh cho phép thì cứ tà tà, đàm thoại bằng vô tuyến cũng là quá đủ rồi...

Nhiều khi, tôi nghĩ thương cho chính phủ. Cứ phải trả lương cho tôi, lương của một thằng chuyên viên cao đẳng, chỉ để bắn hoả pháo. Vậy mà cũng không nên thân. Có một lần, tôi bắn hoả pháo rớt gần một chiếc phi cơ đang đổ xăng làm thiên hạ hoảng hồn. Cái thằng tôi, thật là vô ích. Mà tôi thật vô ích như vậy, tại sao không cho tôi giải ngũ?... Cũng may là cái thời gian chán nản qua mau. Tôi lại làm việc như thường. Vẫn còn vài ba chiếc phi cơ lên xuống, phi cơ hạ cánh và cất cánh ngược chiều gió để thu ngắn khoảng cách chiều dài phi đạo.

Những chiếc phi cơ kia là máu, còn phi trường kia là con tim. Máu đi khắp cơ thể rồi lại trở về tim. Còn tôi, tôi ngồi ở giữa phi trường. Tôi là con tim của con tim. Nhưng chung quanh tôi, không phải là màu đỏ của máu mà chỉ toàn là màu xanh. Màu xanh của biển, màu xanh của trời, màu xanh của núi, màu xanh của tuổi trẻ. Cái buồn nản vẫn bàng bạc trong tôi, vài hôm lại len lén trở về, nhưng không còn mãnh liệt như trước.

Nhiều thằng bạn tôi, thằng nào cũng thú thật rằng đũa nào cũng có một thời kỳ chán nản như vậy. Ngồi nói chuyện với nhau một lúc, chúng tôi thường đổ tội cho thời thế...

Nhưng cái thời thế này, nào có tội tình gì. Sống thì thật là dễ. Làm quan còn dễ dàng hơn là đàn bà dễ. Đàn bà dễ còn phải cần 9 tháng 10 ngày chứ làm quan chỉ cần có sáu tháng học trường Thủ Đức.

Chiếc đồng hồ treo trên tường bụi phủ mờ mặt kính. Chiếc kim dài muốn nhích lên, vượt qua con số 12. Chiếc kim ngắn nằm đè lên một nửa con số 9. Trên trần nhà chiếc quạt nhiều bụi bám không kém gì chiếc đồng hồ, quay uể oải, uể oải...

- Sao giờ này mà lão đốc-tờ chưa tới nhỉ?

- Chắc là lúc lão vùng dậy định đi làm, bà vợ lại nũng nịu kéo xuống, đòi...để tăng hương vị cho bữa ăn sáng.

Tiếng cười vang...Một chị y tá xấu đến “ma chê, quỷ hờn”, làm điệu, nguyệt hai anh y tá mặc áo blouse trắng không mang lon, rồi bĩu môi:

- Chỉ được cái ngồi tán nhảm..Quên rằng trước mặt có đàn bà con gái à? Từ sáng đến giờ, ai đã lấy phiếu y lý của những người khai bệnh chưa?

Mấy anh chàng y tá định nói đùa vài câu chuyện về đàn bà con gái với chị nhưng trông cái mặt thì ai cũng phát chán nản. Người ta thường ví những nàng y tá như những con én làm thêm mùa xuân cho bệnh nhân, nhưng ở cái nhà thương này, nàng y tá chỉ làm bệnh viện thêm một bóng thần chết. Có lẽ người ta nghĩ rằng bệnh viện cho lính thì cần gì. Nhiều thằng lính, nhờ chị y tá chích “ven”, duỗi thẳng tay, cố ý và vô tình đụng phải ngực chị mà cũng không thấy lòng mình nổi dậy một cái gì cả. Có thằng dám quả quyết rằng, nếu chị được gài huy chương dù có đâm sâu chiếc kim gài huy chương vào ngực chị đến mấy cũng không thể làm cho chị đau vì nó đã được bảo vệ một cách hữu hiệu bằng một thành trì cao su mút.

Khi nhắc đến chuyện lấy phiếu y lý, một chàng y tá chợt nhớ đến công việc, đứng lên đẩy chiếc cửa, đi ra phía ngoài. Anh tự nghĩ:”Bệnh của lính thành phố thì dễ biết quá mà! Chỉ cần chích cho một phát pê-ni-xi-lin.” Vừa đẩy cửa ra, anh đã thấy bệnh nhân nằm, ngồi, đứng ngổn ngang. Trên tường treo tấm bảng “Đưa sổ khám bệnh trước 7 giờ

15. Ngoài giờ đó, không nhận sổ”. Như vậy có nghĩa là những thằng lính mắc bệnh, đủ các thứ bệnh hay chẳng có bệnh gì cả, đã phải chờ đợi từ lúc sáng sớm.

- Bác sĩ đã tới chưa xếp?

Chàng y tá trả lời mà mắt không thèm nhìn người vừa hỏi câu đó:

- Chưa tới!

Trong nhà binh, thì chức nào cũng có thể gọi bằng “xếp” mà không sợ bị giận. Lính, cai, đội, quản, chức nào cũng có thể là xếp. Nếu mà muốn nịnh thêm một tý nữa, xưng “em” với xếp thì các xếp khoái bằng chết.

Trong nhà thương, lúc nào cũng xảy ra những cảnh đau lòng. Chàng binh bóp đang ...lên cơn suyễn, nằm dưới gạch, thở khò khè. Tắm thân gầy còm như bơi lội trong bộ đồ “trây-di” nhàu nát, *kho phát cho thế nào thì mặc y nguyên như vậy*. Hắn nằm cứng đờ, mồm ngáp như con cá bị đưa lên cạn. Những người bạn hắn đang mở thắt lưng quần cho hắn dễ thở. Chiếc khóa thắt lưng vừa bung ra thì những chỗ nhăn nhúm của lưng quần được dịp giải tỏa, từ từ giãn ra, kéo hai cái đầu thắt lưng cứ ngấn dần ngấn dần...

- Trung sĩ, trung sĩ...cho thằng này nó vào khám trước không nó kèn ra đây bây giờ...

Anh chàng y tá mặc áo blouse trắng không mang lon tuy là binh nhất nhưng được gọi là trung sĩ, quay lại gất một cách đáng yêu:

- Kệ nó, không sao đâu...Bác sĩ chưa tới.

Chàng binh bóp mang bệnh suyễn vẫn nằm trên gạch, thở khò khè. Tai hắn vẫn nghe thấy tiếng người ta trò chuyện. Trông hắn bây giờ đến thật là thảm.

- Làm bác sĩ nhà binh sướng thật...Tới chín giờ mà chưa cần đi làm. Nếu ông không là lính, ông quẳng ra hai trăm đồng bạc, tha hồ mà mấy lão đóc-tờ o bé...

Tiếng than ấy của một thằng lính giàu vì thầu quần áo, giặt đồ cho Mỹ. Làm giàu ở cái xứ này vào cái thời gian này chẳng có khó khăn gì. Tiếng Mỹ chỉ cần học 1 giờ đồng hồ là đủ để giao thiệp với Mỹ. Nào có khó gì đâu...Mang cái xe ra đứng ở cổng trại, chỉ cần bốn tiếng, *You? Saigon? Fifty? Ok?...*Nếu đứng ở thành phố, chỉ cần đổi một chữ. *You? Tân-Sơn-Nhút? Fifty? Ok?...* Chỉ cần thế thôi là cũng đủ làm giàu.

Anh chàng binh bóp gần muốn lịm đi vì dờm kéo lên cổ họng tắc tịt. Hắn cố duỗi cái cổ ra để đỡ không khí. Nắng chên chéch chiếu qua khung cửa sổ, bò ngang dần dần gần tới chỗ hắn nằm. Trong một giây, hắn muốn chết cho thoát nợ. Bên tai còn văng vẳng tiếng người nói chuyện về đề tài “làm bác sĩ sướng thật”. Câu chuyện đang xoay quanh về hướng tục tĩu với những chuyện một ông bác sĩ chỉ thích khám bệnh cho vợ lính.

- Mày nói láo. Trước khi ra trường, các ông ấy đã phải thề trước tượng thần Hippocrate...

- Thề trước tượng thần Hippocrate thì có.

Thì cũng chỉ khác nhau có chữ *i* và chữ *a* ở giữa. Chiếc kim đồng hồ đã chỉ 9g15. Bác sĩ vẫn chưa tới. Anh chàng binh bóp đang nghĩ tới một chuyện khôi hài nào để cười cho đời mình bớt khổ...

“Sau nhà Châu là đến nhà gì? - Thưa thầy, nhà Thương ạ... - Sau nhà Thương là đến nhà gì? - Thưa thầy, sau nhà Thương là đến nhà xác ạ”. Câu chuyện khôi hài trẻ con ấy lại đưa hấn về với cơn suyễn khốn nạn. Nhà xác ở đâu?... Nhà xác ở đâu?... Cho tạo vào nằm trong đó. Hấn đập tay xuống sàn nhà thật mạnh. Sàn gạch hoa cứng làm hấn đau tay. A, mình đang nằm dưới đất chứ đâu có phải nằm trên giường đệm. Hấn đập tay mạnh hơn để có một cái đau khác làm dịu đi cơn đau nghẹt thở. Nhưng cả lũ nhao nhao đứng dậy, đưa giữ tay, đưa đè chân. Có thằng lên tiếng rủa ông bác sĩ. Có thằng lên tiếng bênh vực ông bác sĩ. Nghe nói: ông còn việc quốc gia đại sự quan trọng hơn là cái việc khám bệnh cho lính. Một thằng đẩy cánh cửa, thò đầu vào trong phòng:

- Các ông y tá ơi, ra mà coi, chắc cái thằng này nó sắp chết....

Hai anh chàng y tá vẫn thản nhiên ngồi hút thuốc lá phì phèo vì biết có ra coi cũng chẳng giải quyết được ...cái mẹ gì. Chị y tá vì là đàn bà, mà dù cho đàn bà xấu vẫn có nhiều lòng nhân đạo hơn đàn ông, động lòng trắc ẩn, quay ra hỏi:

- Ai?...Ở đâu?...Thế nào?...

Cái thằng có cái đầu ở giữa hai cánh cửa nháy mắt:

- Có thằng sắp chết ở ngoài này. Cô ra coi thử, nếu thấy nó ngắc ngoài thì búa cho nó một búa.

Chị y tá, tuy thuộc loại “em là gái trời bắt xấu” nhưng không thích nói đùa. Chị gắt:

- Muốn nói gì thì cứ vào hấn trong này. Đứng thập thò cứ như là...

Chị định dùng một chữ “cứ như là” thật nặng nhưng khi anh chàng kia thò vào một nửa người, chị thấy cái nút trắng cài trên ngực áo. Chị nghĩ bụng “thượng sĩ gì mà nhóc thế...” rồi đứng dậy đi ra cửa. Thằng thượng sĩ nhóc đứng chắn ở cửa nên chị phải ra. Lợi dụng lúc qua chiếc cửa hẹp, thằng thượng sĩ nhóc thò tay, sờ mông chị một cái. Tưởng rằng bị mắng nhưng không ngờ chị y tá lại nhìn nó cười.

Và cái thằng thượng sĩ nhóc ấy, chính là tôi đấy. Những thằng lính thành phố trốn việc, chỉ còn một cách đi khai bệnh nhà thương để cho qua những khoảng trống thời gian buồn nản. Chị y tá cũng nghe, cũng gõ, nhưng ai cũng biết rằng đó chỉ là một việc “nặng về phần trình diễn”. Chị kết luận:

- Không sao đâu...

Một hồi chuông điện thoại reo vang. Trong phòng có tiếng nhắc máy lên rồi tiếp theo có tiếng dạ dạ liên hồi. Sau những tiếng dạ chấm dứt, có tiếng đặt ống nghe xuống nhẹ nhàng. Một cái đầu thò ra:

- Bác sĩ hôm nay đi họp hội đồng. Không có khám bệnh.

Lũ lính thành phố dìu nhau, bước ra ngoài nắng, thất thểu đi về...

Tôi rời bỏ Đài Kiểm-soát phi trường để về làm việc ở một bàn giấy. Cái thế giới của tôi lại hẹp thêm. Ở Đài Kiểm-soát phi trường, nhiều khi thấy những phi cơ từ Clark, từ Naha, từ Hong Kong tới, tôi còn cảm thấy những thứ đó còn mang về cho tôi một chút gió hải hồ. Nhưng bây giờ, ở cái bàn giấy này, những tờ giấy đi và đến mang lại trong tôi một cái chán nản vô cùng.

Tôi chỉ là lính thành phố. Dù rời bỏ được thành phố này, tôi lại phải tới một thành phố khác. Những con đường trong thành phố, quen thuộc như những đường chỉ tay. Rõ rệt quá, và cũng vô duyên quá. Biết trước được ngày mai, ngày kia và có lẽ cả cuộc đời ái tình và sự nghiệp của mình. Không có một cái gì bất ngờ cho lính thành phố.

Hằng năm, mỗi khi trái đất vừa quay xong một vòng quanh mặt trời, bao nhiêu năm rồi. Những thông điệp tổng kết tình hình, tất cả đều nói tới cái chiến thắng trong năm tới. Chiến tranh nhất định sẽ chấm dứt trong cái năm mà người ta thay cuốn lịch. Nhưng chiến tranh cứ tiếp diễn, năm này qua năm khác, dù cho ông lớn đọc thật rõ câu kết của bức thông điệp đầu năm...”năm nay thắng lợi nhất định về ta...”

Có nhiều thằng sợ chiến tranh chấm dứt lắm. Như thằng Văn Cò chẳng hạn...Ngồi nói chuyện với nó một lúc là được nghe tâm sự não lòng:

- Tao chỉ sợ ông Hồ đầu hàng..

Nó sợ ông Hồ đầu hàng thì một viễn ảnh đen tối đang chờ nó ở đầu đường tương lai. Học không hay, cây không biết...Cởi bộ quần áo ka-ki ra là ....đói. Nó sợ bị đẩy đi xa thành phố. Nhiều khi nó cũng biết rằng thái độ của nó nhiều lúc thật hèn. Nhưng cái chữ quốc ngữ này, chữ “hiên” và chữ “hèn” cũng gần giống nhau.

- Mày có bao giờ nghĩ đến câu thơ cổ mà tao quên mất nguyên văn...nhưng dịch nôm ra nó như thế này....

Nó ngừng một chút, gật gù cái đầu, rung đùi tít lên rồi đọc:

*“Chim muông đã hết, cung tên bỏ xó.  
Cáo thỏ hết rồi, chó săn cũng tiêu...”*

Nó tự nhận là một loại chó săn, tuy rằng là một loại chó săn biết suy nghĩ. Hơi khác Pascal một tí. Và cao hơn một tí. Nhưng như vậy cũng đã tui quá lắm rồi. Tôi gất khe:

- Thôi mày để tao làm việc.

- Làm việc cái mẹ gì. Xếp đi vắng thì ngồi chơi cho nó sướng cái thân. Lát nữa, nó về, lúc đó mày tha hồ mà làm việc.

Thì ra với nó, chỉ làm việc khi nào có mặt xếp. Mà thật ra, công việc của bàn giấy cũng chẳng có gì để phải bận tâm. Cái khó khăn nhất vẫn là cái công việc làm sao để ngồi cho thật chắc trên chiếc ghế. Làm việc ở bàn giấy, bao giờ quần cũng rách trước áo. Nếu có hai cái áo thì phải có tới bốn cái quần.

Tôi quăng cái bút, nhìn lên tám bản đồ trước mặt. Chữ in trên bản đồ, ngày trước là tiếng Tây, bây giờ thì là tiếng Anh. Không biết đến bao giờ nước tôi mới vẽ nổi một cái bản đồ?...Chiếc bản đồ này chắc là loại mới nên thấy có vẽ thêm xa lộ. Cái xa lộ ngắn ngủi như một cái gạch nối, ấy vậy mà cũng gây sôi nổi một dạo. Cái nước tôi, than ôi, sao mà lắm chuyện.

Qua cửa sổ, sau dãy nhà, mây trắng nõn như bông trôi nhẹ trên nền trời. Cái không gian của tôi, bây giờ chỉ có vậy. Tôi thở một hơi rất dài:

- Có lẽ tao xin đi một đơn vị lục quân, để đi tác chiến...

Văn Cò trợn mắt nhìn tôi:

- Mày điên à?...Ngồi một chỗ không sướng hay sao mà lại muốn lợi sinh, trèo núi, lặn lội vào những chỗ nguy hiểm? Để làm gì? Muốn làm anh hùng hả? Muộn rồi, con trai ơi, sao không đi ngay cái lúc mày mới vừa hai mươi tuổi?

Tôi nhún vai:

- Mày nói gì mà nguy hiểm. Mày không đọc báo và nghe phát thanh về chiến sự hay sao? Bao giờ cũng có câu cuối cùng là “quân ta hoàn toàn vô sự”. Như vậy, đi làm lính chiến đâu có gì là nguy hiểm? Mày có đi cùng tao không?

- Chuyện đó thì không có tao.

Văn Cò ái ngại nhìn tôi. Có lẽ nó nghĩ rằng tôi chán đời vì hay bị xếp gọi lên xỉ vả. Xếp tôi là anh chàng quan ba Hoàng. Hắn học cùng lớp và cùng khoá với tôi nên tôi biết rõ tài năng hắn quá. Có lẽ vì vậy mà hắn thấy tôi có vẻ ba gai khó chịu. Tôi làm việc gì hắn cũng chê. Có lần hắn nói thẳng vào mặt tôi:

- Không hiểu sao mà anh cũng lên được tới Thượng sĩ?

Tôi nham nhở nói lại:

- Thì tôi cũng muốn hỏi: “Không hiểu sao mà ông lại chỉ có Đại-úy?”

Cả cái phòng làm việc im lặng chờ đợi một cơn nổi giận lôi đình của xếp. Nhưng xếp không to tiếng mà đứng dậy đi ra cửa. Bước chân dần mạnh như muốn làm sập nền nhà. Tôi về chỗ ngồi, đốt một điếu thuốc lá, tay run run, phải quẹt hai que diêm mới đốt nổi điếu thuốc. Tôi chỉ kéo được từng hơi thuốc ngắn. Tôi thấy nhớ cái không khí của Đai Kiểm Soát phi trường. Nhìn thì thấy trời rộng lớn vô cùng, thấy hết tất cả, nhưng những tấm kính ngăn giữ bước chân, không cho được bay ra phía ngoài. Một cái tự do trong lòng...Cái tự do giả tạo với những người lính thành phố, suốt ngày tà tà, “ngồi chơi xơi nước”. Đường thành phố chật hẹp mà vẫn có những thứ cấm quân, cấm trại. Thói quen của lính thành phố là nhìn đồng hồ. Chiếc kim đồng hồ cứ nhích đi, thật chậm và thật nhanh. Thật chậm với một ngày và thật nhanh với cuộc đời.

Văn Cò nhìn tôi:

- Tao thấy mày có vẻ ba gai làm sao ấy. Muốn sống ở thành phố, phải tròn như hòn bi, lăn đi chỗ nào cũng được. Chặt bớt gai đi. Không hiểu sao mày lại được đổi về Sài Gòn?

Tôi không trả lời Văn Cò mà nghĩ tới cái số phận mình. Mới đầu, thiên hạ định đổi tôi đi Pleiku hay một vùng Cao-nguyên hẻo lánh để sống chung với khỉ. Nhưng những nơi đó không nhận.

Lý do phản đối cũng vững lắm. Không phải rằng những kẻ nào phế thải thì cho đi lên đơn vị Cao-nguyên. Như vậy thì những đơn vị xa thành phố chỉ gồm có những thằng bỏ đi hay sao?

Kết quả, tôi bị về Sài Gòn....

Văn Cò an ủi:

- Buồn mà làm gì. Rồi sẽ có một ngày chúng mình làm lớn. Chúng mình sẽ trả thù.

Tôi thấy rằng trong lòng nó, lúc nào cũng bàng bạc một tư tưởng trả thù. Công danh ở xứ này như cái bệnh teo chim. Mới đầu mắc bệnh thì con chim phình ra thật lớn, nhưng rồi dần dần, con chim thu nhỏ lại, thật nhỏ để rồi không lớn ra được nữa. Có những kẻ

một thời lầy lừng, nhưng rồi bây giờ lếch thếch và lủi thủi đi trên đường phố không ai thèm ngoái tới. Đi vào công danh như những người leo núi.

Lên đến đỉnh núi là bắt buộc phải xuống mà vẫn còn ngoái lại sau lưng tiếc quãng đời đứng trên đỉnh núi nhìn những trò dêu bẻ diễn ra ở dưới chân.

Tự nhiên tôi có một ý tưởng anh hùng Tàu:

- Theo tao nghĩ thì không nên báo thù. Lúc này nó là chỉ huy trưởng, mình báo thù nó là mình dại. Khi nó bị “thất sủng”, mình mà báo thù nó là mình hèn. Không nên báo thù...

Tôi nói hăng hái và cảm thấy hãnh diện. Đó cũng là một tư tưởng cách mạng đầy chứ. Tôi cứ tưởng rằng câu đó của tôi, một con đường cách mạng, nhưng có biết đâu câu đó đã xuất hiện ở “Quốc-văn Giáo-khoa thư” hàng mấy chục năm nay.

Và cuối năm ấy, chính phủ lại vẫn cho lính mượn tiền...tiêu Tết.

## 2. MƯỜI NĂM NGỒI TRÊN CAO

Những ngày làm việc ở Đài Kiểm-soát phi trường tôi có thật nhiều thì giờ rảnh rỗi. Làm việc một ngày rồi nghỉ hai ngày. Những ngày đầu tiên phải làm việc một ngày hai mươi bốn giờ, tôi mệt lả. Những ngày được nghỉ tôi chỉ ngủ.. Ngủ quên cả ăn... Ngủ li bì, đến nỗi những thằng nằm cùng phòng với tôi, tưởng tôi sắp chết. Lúc chúng nó đi làm về tiếng ồn ào đánh thức tôi dậy, nhưng cái mệt mỏi vẫn giữ tôi lại ở giấc ngủ nửa chừng. Tôi nghe rõ cả những tiếng xì xào nhỏ nhỏ.

- Từ sáng tới giờ mà nó chưa dậy hay là nó ” ngòm ” rồi?

Tôi cựa mình, xoay mặt vào tường để cho chúng nó biết rằng tôi vẫn còn có thể hưởng thụ được tứ khoái. Chiếc giường sắt kêu cọt két. Một bàn tay nhẹ nhẹ sờ lên trán tôi. Tôi hơi cảm động, mở mắt nhìn :

- Máy giờ rồi mà?

- Mười hai giờ rồi đấy, con trai ạ...

Tôi uể oải ngồi dậy, đúng lúc tiếng còi hụ rú lên trên nóc hồ mước, báo hiệu giờ tan sở. Tôi chớp mắt, nhếch mép cười:

- Đỡ được mấy chục tiền ăn sáng.

Mấy thằng ở cùng phòng với tôi reo ầm lên... Thì ra, từ nãy tới giờ, chúng nó tưởng tôi đau nặng nên đi lại rón rén, nói chuyện thì thào... Bây giờ, chúng nó mới được cười lớn đẽ xả hơi :

- Sư mày, ông tưởng mày chết ông lại phải dọn sang phòng khác ngủ. Mày còn sống, ông đã sợ mày rồi, thì chắc lúc mày chết, mày phải ghé gớm lắm.

Rồi mấy đứa xúm lại, nói chuyện về những thằng bạn đã chết. Có nhiều chuyện chúng nó phịa. Như thằng Thắng kể về chuyện thằng Hưng, cái thằng trưởng xưởng, lái “tracteur” húc đầu vào cửa sắt, bị cái cửa sắt đập ngược trở lại vỡ ngực, chỉ ngáp được có vài cái, ưỡn mình lên, đi một đường về bên kia thế giới. Tiếng thằng Thắng hạ thấp hẳn xuống, cố làm ra vẻ bí mật:



- Một hôm tao trực đêm ở hăng-ga, nửa đêm, thấy tiếng xe chạy, tao lấy làm lạ, mở cửa ra ngoài thì thấy thằng Hưng lái xe “tracteur” chạy vù vù. Nó lại còn nhìn tao cười. Tao định vẫy nó đứng lại để bắt tay nó một cái thì nó biến mất... Chiếc “tracteur” đậu chình ình ở giữa hăng-ga, máy vẫn còn nổ, tao phải tắt máy rồi mới đi ngủ.

Tôi không thể tin được cái câu chuyện khó tin ấy, nhưng vẫn thấy lòng nôn nao một cách lạ. Khuôn mặt của thằng Hưng vừa thoáng hiện trong tôi. Tôi nhớ lại một buổi trưa đầy nắng trên sân đậu phi cơ khu trục. Nắng làm bốc hơi mặt nhựa, cuồn cuộn dâng lên nhẹ nhẹ. Ngồi trên lầu gương nhìn xuống, tôi thấy mấy thằng hạn đang đùa rớn trước cửa hăng-ga. Trên nóc hăng-ga, chiếc ống gió nằm yên ử rử như tượng tư những chiều gió lộng thổi. Màu trắng, đỏ loang lổ. Chợt tiếng chuông điện thoại reo vang. Tôi uể oải cầm lên:

- Bốn chiếc Phụng-Hoàng xám, biệt phái đi Pleiku. Xin dùm điều kiện khí tượng quãng đường Biên-Hoà - Pleiku. Sẽ cho người tới lấy lúc hai giờ. Làm giùm cả phi chương nhé. Nếu khí tượng tốt thì cho cất cánh với điều kiện khí tượng “trời quang”.

Tôi đặt máy điện thoại xuống rồi lại nhắc lên gọi về Saigon. Biên chép một lúc, mồ hôi toát ra ướt đầm lưng áo, ướt đầm cả hai bên nách. Chiếc ống gió vẫn nằm im.

Tôi giao việc lại cho thằng Trọng rồi xuống nhà đi tắm. Vòi nước ở mãi tận phía hăng-ga khu trục. Những thằng bạn đang đùa rớn hồi nãy, chắc cũng vừa nhận được điện thoại, nên sửa soạn xông ra ngoài nắng, coi lại phi cơ trước khi cất cánh. Thằng Hưng ngồi lái chiếc “tracteur” kéo từ chiếc phi cơ từ hăng-ga ra ngoài sân đậu. Có tiếng gọi với theo :

- Cho tao quá giang với...

Những thằng lính thành phố vẫn ngại đi bộ. Từ hăng-ga ra chỗ phi cơ đậu, chừng ba trăm thước, nhưng ngồi xe vẫn khoái hơn. Chúng nó bám vào xe “tracteur”, như những con nhặng xanh bám chặt lấy cục đường. Chiếc xe chạy trên vỉ sắt rào rào. Thả chúng nó xuống, thằng Hưng lái xe chạy về hăng-ga thì một thằng có lẽ vừa nằm ở đây ngủ trưa chợt thức dậy, chạy ra, tay còn xỏ thắt lưng quần:

- Cho tao ra ngoài sân đậu đi mày...

Nó lạch bạch chạy ra xe với đôi giày chưa kịp buộc dây. Đôi giày bật lên, bật xuống, một chiếc muốn văng ra làm nó phải ngừng lại, co chân lên, ngón tay trở thò xuống khoanh một vòng quanh gót. Khi nó gần tới xe, thằng Hưng đạp thêm một tí “ga” cho xe vọt về đằng trước. Thằng kia vừa đuổi theo, vừa chửi:

- Mẹ mày, cho tao đi với. Đừng có làm khó...

Nhưng khi chạy gần tới xe, thằng Hưng lại đạp thêm một tí “ga” rồi ngoảnh mặt lại đằng sau cười. Tới lần thứ tư thì “sầm” một tiếng, chiếc xe tông mạnh vào cửa sắt. Chiếc cửa sắt cao vọt tung lên nhưng bên trên còn vướng nhiều bánh xe nên đạp ngược trở lại, quật gãy tay lái và đập dập ngực thằng Hưng. Nó chỉ còn có ngáp được mấy cái rồi máu trong mồm ứa ra. Tôi đang tắm, không kịp mặc quần áo, chạy vội ra. Những tiếng la thất thanh vang lên trong hăng-ga và loảng ra ở sân đậu. Lũ bạn bè chạy lại, phải khó nhọc lắm mới kéo được thằng Hưng ra ngoài.

Buổi trưa ngày hôm đó, tôi cầm “micro”, nói chuyện với tàu bay mà nước mắt chảy đầm đìa. Hưng học trên tôi một khóa ở trường thợ máy Rochefort. Nhưng về nước tôi “phản bội” nghề thợ máy, đi học cái nghề ngồi ở trên cao. Nhiều lúc thấy mình thật cô đơn. Tôi đã không chịu đựng nổi cái nghề, mỗi khi đi làm việc về, dù rửa tay thật kỹ, hết

một bánh xà-bông mà những kẽ móng tay vẫn còn đen thui. Tôi ghét cái không khí tù túng trong một cơ xưởng. Tôi thích đứng trên cao nhìn tất cả phi trường. Tôi càng thấy mình cô đơn hơn khi nhìn thấy không gian mà không thoát được ra ngoài. Những ngày trời mưa, mây xuống thấp dần, vây lấy tôi, mù mù một màu đục, những sợi mưa đan nhau, xiêng ngang, chạy dọc như một cái lưới, vây lấy tôi, trói chặt tôi lại bằng một cái chán nản và u ám, thê lương.

Ngày đó, Biên-Hòa còn rợp bóng cây cao su cổ thụ. Ban đêm, tiếng tắc kè vang vang đối đáp nhau, từ chỗ thật gần, rồi xa, thật xa... Những đêm thao thức, tôi nằm nghe cao su đổ lá ào ào, những chiếc lá khô đuối nhau xào xạc trên mái tôn.

Mùa nắng, cỏ hoa lau trắng xóa phi trường. Gần cuối mùa nắng, cỏ lau tàn tạ, lá cỏ xác xơ và chỉ cần một mồi lửa là phi trường bốc cháy, ngọn lửa thật cao. Tôi đã được hưởng cái sung sướng, của một kẻ châm mồi lửa vào đồng cỏ khô. Lửa cháy, tôi đứng ngạo nghễ nhìn mà tưởng như mình là một bạo chúa, thiêu hủy cả một kinh thành. Lúc ngọn lửa từ từ nằm xuống, những đồng tro đen nằm trải dài, lẫn màu với phi đạo lát bằng vỉ sắt PSP. Những buổi tối, trèo lên Đài Kiểm Soát nhìn xuống, chỉ thấy một màu đen. Hai hàng đèn phi đạo như đôi riềm mi người con gái. Bên trái là rừng Tân-Phong tối mò.. Bên phải là sân đậu phi cơ, hai hàng phi cơ khư khư nằm yên lặng, bốn cái cánh chong chóng, cái thẳng đứng, cái nghiêng nghiêng nổi bật lên nền trời mờ mờ ánh sáng của khu Cứu hỏa đằng xa tít.

Về mùa mưa, những khoảng đất cháy đen như được rửa sạch. Màu đất đỏ ngời lên trên phi đạo Nam Bắc. Cỏ lại bắt đầu nhu nhú mọc. Vài ba con chó hoang chạy lăm lăm trong mưa, đuôi và tai cụp xuống, đáng ngờ ngác, thấy bóng người là lủi nhanh vào ống cống. Chiếc ống gió nằm trên nóc hăng-ga khu trục, quấn chặt vào cây trụ vì ướt nước mưa và vì gió thổi chiều luôn. Những ngày đó phi trường thật buồn. Sổ ghi hoạt động phi trường ít khi nào lên quá nửa trang giấy. Khi sân vỉ sắt loang loáng ướt nước mưa, chúng tôi thường có thói quen dặn tàu bay khi sắp chạm bánh xuống phi đạo : "Caution ! Runway is slippery !"...

Rồi tới những ngày về sau, tôi không thể nào ngủ được những giấc ngủ ban ngày. Chiếc nệm nằm trũng xuống ở giữa, hai bên nhô cao lên như ôm chặt lấy tôi. Mồ hôi dính nhem nhẹp ở lưng, ở cổ, ở nách, ở háng. Tôi xoay đủ kiểu nằm rồi đành phải dậy mặc quần áo, phóng xe về Sài Gòn.

Cái thói quen về Sài Gòn trong những ngày nghỉ, làm cho những ngày làm việc của tôi như dài ra. Về Sài Gòn cũng chẳng làm gì.

Tôi đùa với lũ em, chơi chung với chúng nó tất cả những trò chơi lảm cẩm. Đánh bi, đánh đáo, đánh "cát-tê" ăn búng tai. Nhìn ra ngoài cửa, tôi thấy một ông đi qua, đi lại hoài. Lũ em tôi bảo tôi:

- Đấy là ông liên gia trưởng.

Một ngày, tôi mất vài ba nụ cười duyên với ông Liên gia trưởng. Tôi làm việc một ngày, nghỉ hai ngày. Một tháng, tôi ở nhà đến hai chục ngày, thành ra tiêu phí rất nhiều nụ cười. Một ngày, ông Liên gia trưởng xông thẳng vào nhà tôi hỏi:

- Cậu ở trong nhà này ?...

- Dạ, thưa ông Liên gia trưởng, vâng ạ!

- Sao không thấy có tên trong sổ gia đình ?

Tôi vẫn lễ phép trả lời:

- Dạ, thưa ông Liên gia trưởng tôi ở xa mới về. Mà tôi tưởng rằng, việc hỏi sổ gia đình là việc của cảnh sát ?

Ông Liên gia trưởng hăm ngay nụ cười duyên. Cái thay đổi nét mặt của ông làm tôi lạnh người :

- Mà tôi có quyền... Cậu nhớ khai tên vào sổ gia đình. Mang cả thẻ kiểm tra, giấy khai sinh và bằng cấp lại nhà tôi, để còn làm giấy hợp lệ quân dịch.

Ngày hôm sau, tôi mặc quần áo lính, mang lon, đội mũ tới trình diện... ông Liên gia trưởng. Lần này, tôi được hưởng một nụ cười toe loét chứ không phải nụ cười duyên như mọi hôm. Từ tiếng “cậu”, tôi đã được gọi bằng “ông”. Nhưng những cái đó đã làm cho tôi mất cái hứng đi về Sài Gòn. Những ngày nghỉ, tôi nằm lại Biên-Hòa.

Chúng tôi, mấy thằng làm việc ở Lầu Gương đã rủ nhau dọn chung vào một phòng. Để ngủ cho yên tĩnh. Nhưng những giấc ngủ ban ngày vẫn đầy mộng mị. Tóc trên đầu đã lốm đốm vài ba sợi bạc. Những ngày tháng như rời ra, bóc đi một tờ lịch như bóc đi ở trong mình một ít tuổi trẻ. Nằm buồn, tôi ra ngoài đứng ngắm người ta đón những gốc cao su cổ thụ. Mỗi cây cao su đổ xuống là cái chất hoang vu của Biên-Hòa lại bớt đi một ít. Tôi xúi những người lính Kiến Tạo :

- Ngồi nghỉ đã... Làm mẹ gì nhiều... Các cụ làm nhiều, cuối tháng có thêm được đồng lương nào không ?

Những người lính Kiến Tạo mỉm cười nhìn tôi. Tôi mỉm cười nhìn gốc cây cao su nham nhở vết búa. “Tao cố kéo dài đời sống cho mày đấy!” Tôi bảo thầm với gốc cây như vậy, nhưng rồi lại thất vọng ngay khi thấy mấy người lính Kiến Tạo đứng vùng ngay dậy, vác búa chạy ra bổ vào gốc cây như điên. À thì ra ông trung sĩ Khỏe tới. Tôi thấy bực mình với cái thằng thường vụ này. Hắn nhìn tôi cười, mồm đầy răng vàng, phản chiếu ánh mặt trời chói mắt. Tôi hảo hán:

- Nụ cười của cậu... sáng quá.

Hắn lại cười :

- Cửa để dành của tôi đấy, ông ạ.

Tôi chỉ hơn hắn có một lon nhưng mà hắn có vẻ kính trọng tôi đặc biệt. Hắn thấy những thằng “làm việc kỹ thuật” như chúng tôi lớn lắm. Lại còn đi Tây, đi Mỹ về. Nói chuyện với quan lớn, quan bé, không có một chút gì sợ sệt. Tôi thấy thương hắn. Tôi cũng chỉ là một loài cỏ. Như hắn, như mọi người... Dù cho có vươn lên cao hơn loài cỏ dại nhưng dù thành cỏ ống, cỏ hoa lau, cũng vẫn chỉ là loài cỏ.

Cây cao su đổ xuống thì cũng vắng đi tiếng tắc kè. Ban đêm, vắng hẳn tiếng gọi mấy thằng Bắc kỳ, Bắc kỳ... Bắc kỳ... Bắc kỳ... Chuyện khô hài nhạt thếch của vài ba thằng răng sún. Có một ông vào làm phu đồn điền, buổi tối nghe tiếng tắc kè kêu, lấy làm ngạc nhiên: “quái, sao nó lại biết mình là Bắc kỳ mà nó gọi mình?”

Tiếng trung sĩ Khỏe :

- Chặt thêm mấy cây nữa, đủ khoảng trống để làm nhà che mấy cái máy phát điện.

Tôi bước, chậm chậm về phía Cầu lạc bộ. Tiếng búa đuổi theo sau lưng rầm rập. Tôi ăn cơm vào lúc mười một giờ để lên thay phiên mười hai giờ cho thằng khác. Bữa

cơm thật nhạt nhẽo. Ăn như cố tống cơm vào dạ dày. Thăng Trọng ngồi trước mặt tôi, cần nhần :

- Ngày thì ăn sớm, ngày thì ăn muộn. Ngày thì ăn tới hai lần ăn sáng, ngày thì ngủ quên. Cứ cái sống như thế này, chẳng mấy chốc mà tao với mày biết bay.

Tôi đặt bát cơm xuống bàn, nấn chỗ bấp thịt cánh tay. Không thấy một tí “con chuột” nào, mà chỉ thấy nhẽo nhèo nhèo như cái cửa quý của một con đĩ già. Thăng Trọng, trông lại càng thảm hại hơn. Lúc nó đứng làm việc, tay phải cầm “micro”, tay trái chống xuống mặt bàn, cái khuỷu tay cong vòng gập thành hình chữ V, làm cho tôi có cảm tưởng rằng chỉ cần đưng nhẹ cũng đủ gãy. Nhìn cái cầu thang sâu hun hút, thang nào cũng ngại leo lên và leo xuống. Mỗi lần đi tiểu, chúng nó đứng đằng sau đài tưới lên nóc nhà Ban Khí Tượng. Mái lợp “fibro”, chỗ tiếp giáp với Đài Kiểm Soát, rêu mọc xanh rì. Những thang làm việc ở Ban Khí Tượng, rất khổ sở khi nghe tiếng nước rơi lộp độp trong những trưa hè nắng chang chang. Những chiếc cầu vòng nước lung linh rơi trên mái dòn dập, tiếng động ở đằng sau lưng, ở trên đầu, rồi trước mặt, rồi ngất quăng làm cho những thang ngồi dưới muốn điên lên.

Buổi trưa, thường ít tàu bay. Từ mười hai giờ tới một giờ trưa, lác đác vài ba chiếc phi cơ về muộn, hồi hả hạ cánh. Có nhiều phi công ăn cơm ở Câu lạc bộ, chỉ sợ về muộn, hết mất cơm, vừa hạ cánh đã quẹo ngay vào đường vận chuyển, chạy tắt tả như mấy bà già nhà quê đuổi gà. Chiếc bánh đuôi gần như muốn nhấc lên khỏi mặt đất. Rồi từ khoảng một giờ, phi trường lại yên tĩnh cho tới hai giờ.

Cái thời gian một giờ ấy, thật quá ngắn cho một giấc ngủ trưa, nhưng lại thật dài cho một sự chờ đợi. Những cơn gió nóng bốc lên từ mặt đất. Tóc trên đầu khô quăn lại, tưởng như bẻ cũng gãy. Trọng ngồi chép sổ hoạt động phi trường. Tôi thì ngồi xếp lại những vỏ hoả pháo, xếp thành một chồng thật cao, lúc đổ xuống lại bắt đầu xếp lại. Trọng gấp cuốn sổ, than một câu thật cải lương:

- Thời gian như bóng câu qua cửa sổ... Chẳng mấy lúc mà già.

- Thôi mày ! Câm mồm đi. Sao không lấy vợ đi? Lấy vợ rồi thấy thời gian đi lâu lắm. Nhất là những ngày cuối tháng.

Trọng trầm ngâm:

- Tao nhớ bốn câu thơ của Dương Khuê trong một hài hát nói nào đó:

*“Ngày xưa Tuyết muốn lấy ông,  
Ông chê Tuyết bé, Tuyết không biết gì.  
Bây giờ Tuyết đã đến thì,  
Ông muốn lấy Tuyết, Tuyết chê ông già”.*

Đại khái như vậy, không biết tao nhớ có đúng không?...

Những câu chuyện như vậy không thể nào lấp đầy được cái khoảng trống thời gian, nó khắc khoải và lê thê như thời gian của một con người đang hấp hối. Tôi và Trọng đã nghĩ rất nhiều cách để “giết” thời giờ. Những ngày nghỉ, hai thằng ra ngồi nơi nhà mát, trước tòa tỉnh trưởng Biên-Hòa, ngắm sông nước Đồng-Nai. Dòng sông mênh mông, nhìn thấy cái bao la phẳng lì trước mặt, lại thấy buồn thêm. Một hôm, một ý nghĩ đến với Trọng:

- Hay là tao với mày đi kiếm một nghề gì học thêm. Rồi khi nào ra lính, mình có thêm một nghề nữa.

Chẳng biết làm gì, tôi gạt đầu ưng thuận. Hai đứa chở nhau trên chiếc Vespa, phóng đi ngược đường về phía núi Bửu-Long. Chỉ thấy những xưởng sửa chữa xe hơi và đắp vá vỏ cao su. Không được mảy mòi. Tao đã chê cái nghề thợ máy tàu bay, lại vào đây học việc, chúng nó biết được chúng nó cười chết. Hai đứa lại phóng xe đi. Rồi chiếc xe ngừng lại ở một trường đánh máy chữ. Ông chủ trường đánh máy chữ tiếp hai thằng ka-ki không được niềm nở cho lắm. Trọng mở đề :

- Thưa ông chủ, chúng tôi muốn học đánh máy chữ.

Ông chủ trường nháy mắt, cười tinh :

- Đừng rớn mà, cha nội...

Hai thằng bèn tỏ thiện chí bằng cách đóng tiền học nửa tháng trước. Ông chủ trường xếp chỗ cho hai đứa ngồi. Chỉ vài ngày sau, hai đứa đã đánh máy như mưa rào, nhưng những chữ ấy phải chờ vài ba thế kỷ sau mới có người đọc nổi. Cô nàng mắt lé ngồi trước mặt, ngược mắt nhìn thán phục. Trọng bảo tôi:

- Tao chán rồi, mầy ạ!

- Tao cũng chán rồi ...

Hai thằng bỏ ra đằng trước nhà, ngồi lên bực lan can cao, ngắm người qua lại.

Thằng con trai ông chủ trường mới tám tuổi, ra gạ làm quen, sờ hai chiếc quần ka-ki :

- Tại sao chú đi lính hờ chú?

Tôi nhăn mặt:

- Không biết nữa.... Một buổi sáng thức dậy chú bỏ nhà đi giang hồ. Người ta bắt chú phải mặc bộ quần áo này. Rồi mãi về sau, chú mới biết té ra là mình đi lính...

Thằng nhóc con leo lên lan can, ngồi lọt thỏm ở giữa, đung đưa hai cái chân:

- Cháu cũng thích bỏ nhà đi như chú, nhưng qua đường một mình, cháu sợ má thấy, má mắng.

Tôi và Trọng cười vang, át cả tiếng gõ lách cách ở trong nhà. Hai đứa nhảy xuống, phóng xe Vespa về căn cứ Không quân. Không bao giờ trở lại trường đánh máy chữ. Không bao giờ còn thấy cô nàng mắt lé. Và may mắn làm sao là rũ sạch được ở trong đầu cái tư tưởng kiếm ăn bằng nghề đánh máy chữ.

Rồi một hôm có một "sự vụ văn thư" về lũ chó hoang: "*Nhận thấy gần đây, chó chạy rất nhiều trên phi đạo. Một vật di chuyển trên phi đạo, dù rằng bé nhỏ, cũng dễ gây ra phản ứng, dễ xảy ra tai nạn cho các phi công. Đai Kiểm Soát phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trong việc đuổi chó*". Trọng reo lên:

- Có việc làm đỡ buồn rồi.

Tôi và Trọng đi lính một cây súng. Đi lính, không bán được Cộng sản thì đi... bán chó. Buổi trưa, trong thời gian trống rỗng, hai thằng lấy xe cứu thương đi săn chó. Những con chó le lưỡi, thờ hồng hộc, chạy như biển vào bụi rậm. Gần một năm trời đi săn, tôi bán được hai con chó. Một con bị đuổi quỳnh lên, chui ngay vào một ống cống cụt. Tôi sửa soạn một thế bắn nằm, ngắm vào giữa đôi mắt xanh lè, bắn vừa đúng mười phát

đạn. Con chó còn cố bò ra khỏi miệng cống, nhìn tôi rồi gục xuống. Tôi lật xác con chó lên để xem thì thấy trúng được có... hai viên.

Con chó thứ hai, tôi hạ thật dễ dàng. Chó này không phải chó hoang vì khi tôi huýt sáo, nó chạy lại, đuôi ngoe nguẩy một cách thân thiện. Tôi để súng vào đầu chó, bấm cò. Chỉ có một phát... con chó giương đôi mắt oán hận nhìn tôi. Một thằng ở hăng-ga chạy ra:

- Sao mày bắn chó tao.

- Tao tưởng là chó hoang...

- Chó của tao, nó mới chạy ở đường vận chuyển, đâu đã chạy ra phi đạo. Thế mà mày nỡ bắn nó. Tao xin mãi mới được để nuôi cho đỡ buồn...

Tôi buồn bã, đi về Đài kiểm soát, mũi súng chúc xuống đất như những lần đi sau quan tài người chết. Dưới chân tôi, vĩ sắt PSP rập rình. Tiếng thằng bạn vẫn lải nhải : “Thèm thịt chó sao không vác mồm xuống Hồ-Nai ?” Thì ra nó tưởng tôi thèm ăn thịt chó. Nhìn về phía Đài Kiểm Soát, đằng sau Ban Khí Tượng, đã thấy có khói bốc lên. Máy ông cứu hỏa nhóm lửa, sửa soạn để thui chó. Bực mình, tôi bắn bâng quơ hai phát lên trời. Lũ hạn bè đang xúm xít bàn tán về chuyện chó bỗng bỏ chạy ùng ùng như ma đuổi, vì chúng nó tưởng tôi phát điên. Mà may làm sao, tới tận bây giờ, tôi chưa phát điên. Nhưng tiếng “chưa” không phải có nghĩa là “không bao giờ”.

Trọng ơi,

Mày đừng coi đây là một lá thư. Có bao giờ tao viết thư cho mày đâu. Có lẽ chỉ có một lần, tao viết thư cho mày, khi mày còn ở bên Mỹ, tao nhờ mày mua cho tao cái tẩu thuốc lá Dunhill.

Bởi vì không là một lá thư, thành ra mày đừng tưởng rằng tao nhờ mày mua cái gì. Vớ lại ở cái đất Pleiku của mày hiện giờ, thì còn có cái gì để mà mua. Họa chăng chỉ có vài con ” gô-nô-cốc ” ở cái trung tâm khang lạc...

Mỗi lần mày ở Pleiku về, mày tìm đến tao, kể những chuyện ở Pleiku, rồi mày rủ rê tao xin đi lên trên đó với mày. Tao đâu có phải là thằng đại. Đang là một thứ lính thành phố, tao đại gì mà bỏ thành phố ra đi, dù mày có kể hàng ngàn chuyện như chuyện tắm suối chung với những người em Bản Thượng, tắm không mặc quần áo, lúc lên bờ mặc cỡ, mày lấy chiếc mũ kết úp vào chỗ kín, bỏ cả hai tay ra mà chiếc mũ kết vẫn không rơi.

Tao viết cho mày, bởi vì hồi này, tao thật khó ngủ. Y như cái ngày ở Biên-Hòa, đêm nằm, bao nhiêu tiếng tắc kè tắc lười đã đếm hết. Tao nghĩ đến cái số phận chuyên viên già chúng mình mà một ông lớn đã kết tội trong một bài phỏng vấn : *Những thằng chuyên viên già chỉ làm việc tà tà, chờ ngày giải ngũ.*

Chúng tao đã ngồi, một lũ lính già, để “cảm khái” về câu nói đó. Thằng Dinh, học khóa hai Rochefort, thợ súng, to tiếng uất ức :

- Không hiểu sao lại chê những thằng chuyên viên già? Mỗi ngày trung bình tao vác một trăm cân bom đưa lên máy bay. Mày thử làm một cái tính nhân, coi xem sơ sơ mười lăm năm nay, tao vác lên máy bay máy trăm tấn bom. Như vậy tao cũng có ích cho quốc gia đấy chứ...

Chúng mình đối với cái binh chủng này kể như là những kẻ ” khai quốc công thần “, thằng nào cũng đã gần mười lăm năm quân ngũ. Nhưng cái thâm niên quân vụ, kể từ thời Nguyễn-Khánh, nó đã hết là một thứ được kính nể vì rằng nó đâu có được lĩnh tiền. Gần đến lúc ăn tiền thâm niên quân vụ thiên hạ cho lên một cấp bậc là cái thâm niên ấy theo gió mà bay lên trời. Đi lính hơn mười năm, vẫn chỉ là lính mới.

Tao bước xuống bậc thang... Trước phòng tuyển binh, đông đầy thanh niên xin vào lính mũ xanh. Tao gặp thằng con ông chủ trường đánh máy chữ, sắp theo học lớp phi công. Mày ngạc nhiên lắm hay sao ? Mười năm rồi còn gì. Ngày đó, nó tám tuổi thì bây giờ nó mười tám tuổi. Đủ tư cách để đi học lái tàu bay lắm rồi...

Bây giờ, nó gọi tao bằng anh, chứ không gọi bằng chú như xưa nữa. Mức xưng hô đã tụt thang. Rồi ít lâu nữa mức xưng hô chắc sẽ còn tụt thang một cách thảm hại.

Tao ghi tiểu sử của nó vào trong một quyển sách tuyệt đẹp :

“Thuở mới lên tám tuổi, *Người* đã muốn thoát ly gia đình, nhưng *Người* sợ sang qua đường một mình, má thấy, má mắng... “

Tao cứ ghi vào đó... biết đâu ngày kia nó sẽ làm lớn. Phải, biết đâu một ngày kia nó sẽ làm lớn, phải, biết đâu...

### 3. LÊN MỘT CÁI DỐC XUỐNG MỘT CÁI DỐC

Đời tôi đã qua rất nhiều những cuộc di chuyển. Từ phi trường nọ tới phi trường kia, từ căn cứ này tới căn cứ khác. Thịnh thoảng cũng có những cảnh biệt ly có nước mắt : ôi, cái cảnh biệt ly sao mà buồn vậy!... Có nhiều khi reo lên mà đi, vui sướng mà đi, trước khi còn “phát xia” vào cái nơi mình rời bỏ, để tỏ ra một sự chán ngấy đến tột cùng. Trong những năm đầu đi lính, tôi long đong vất vả như một con mèo hoang. Cũng may là ngày đó tôi chưa có một mối tình lớn. Nếu có tôi đã biết làm thơ. Tôi cứ ân hận mãi mà chưa làm được một bài thơ nào dù là một bài thơ có con ngựa đá tồ tồ hay là hiệp dâm mặt trời. Người ta nói rằng muốn làm thơ thì phải yêu đàn bà mà điều cần thiết để yêu đàn bà là phải có đàn bà. Cái thế giới của tôi thì lại không có đàn bà, mà chỉ có khí.

Chả là vì hồi đó tôi phải đồn trú ở một miền núi. Đã lâu lắm rồi tôi không nhớ tên, hình như Cà-Ná hay Cà-Nấc gì đó thì phải... Một cái đài trắc giác nhỏ xíu, cột ăng-ten cao nhú lên khỏi ngọn cây mà khi tới mùa đông, cây hết lá, thì lẫn vào những cành trơ trụi. Chẳng cần phải ngụy trang, cũng làm cho người ta lầm với cành cây đen sì. Buổi chiều tôi nhìn cành cây khô mà nhớ tới bài thơ ” Trời mùa đông Paris ” của ông xếp tôi. Mỗi lần tôi ngâm bài thơ đó thì thằng Trọng lại chửi thề :

- Mẹ kiếp! Nó ngồi ở cái chỗ coi về trời mưa, trời nắng, suốt ngày đo mực nước mưa lên xuống, ghi vào sổ những đám mây *Cu* lớn *Cu* nhỏ mà nó làm được bài thơ đọc lên nghe “mùi thấy bà nội”. Nằm ở cái chỗ buồn như thế này, mà sao chúng mình không làm thơ được nhỉ ?

Rồi thằng Trọng làm thơ. Ôi, những bài thơ của nó hay quá, chẳng dám chép ra đây. Vì nếu chép ra đây thì Lý-Bạch, Đỗ-Phủ nằm trong mộ, chắc phải phẫn nộ mà lồm cồm ngồi dậy. Hãy để cho người chết nằm yên!...

Buổi chiều cây trơ trụi lá. Mùa đông trời lạnh nên mặt trời ngủ sớm. Những thằng người rừng chúng tôi, ngủ cùng với mặt trời. Sáng tới chín giờ mới bừng con mắt dậy.

Nằm cố nán lại để đùa với muối. Đưa cái gót chân đến gần, con muối mon men tới chích, cái gót chân khô cứng quá, muối chích gãy kim, lại bay đi. Thăng Trọng uể oải ngồi lên mở cửa sổ, dụi mắt rồi reo lên :

- Sao lá cây mọc nhiều mà mau thế này ?

Tôi nhìn ra và cũng thấy lạ. Chiều hôm qua, cây chỉ còn cành khô mà hôm nay đã đen đặc. Nhưng tôi chớp mắt nhiều lần để nhìn cho rõ thì thấy không phải lá cây mà chỉ toàn là khỉ. Khỉ ở đâu kéo về đông quá bám đầy vào cành cây, co ro rét mướt, thoạt trông như những bụi cây đầy lá. Đấy, thế giới của tôi đấy. Như vậy tôi còn có gì để mà tạo nên những mối tình có đàn bà, có trăng sao hoa bướm, để mà làm thơ ?

Cái ngày sung sướng nhất trong mấy năm đầu quân ngũ, là ngày mà tôi được đổi về Biên-Hòa. Thăng Trọng nó khóc, các cụ ạ. Còn tôi thì cười tươi hơn hớn. Nó hỏi tôi :

- Mà có cổ cánh to lắm hay sao mà được lôi về Biên-Hòa thế ?

Tôi gất nặng lên :

- Ông có cổ cánh mà ông phải nằm đây với mây gần một năm trời à? Ông được đổi về là vì ông được đổi về... Chỉ có vậy thôi, chẳng có gì lạ cả...

Thăng Trọng thì cứ yên chí là tôi có quen thân một ông lớn nào. Cái thằng đó, nó bị quan về cuộc đời lắm. Theo như nó, muốn sống ở đời thì cổ phải thật cao, cánh phải thật dài thì mới hòng bay lên tới đỉnh của đài danh vọng. Nó dặn dò tôi phải làm sao lôi kéo được nó rời khỏi cái xứ khỉ này. Nó nghẹn ngào :

- Mà ở gần mặt trời mà!

Gần mặt trời là... cái mẹ gì. Biên-Hòa ở gần Sài Gòn, quanh năm trời nóng, không cần tới cái áo “bạc đờ xuy cô lô nhàn”. Trời nóng là vì gần mặt trời chăng? Tôi chùi ngay đôi giày đầy bùn vào chiếc áo dạ, không tiếc thương, đá một phát cho nó vào nằm trơ trên ở một góc nhà. Muối bay loạn lên, rồi lại trở về góc tối, bây giờ thêm một cái nệm ấm. Tôi ra đi với cái va-ly nhẹ nhõm và lòng thênh thang. Thăng Trọng dặn tôi:

- Mà nhớ ghé vào Dốc-Sỏi nhé.

Nó nắm đầu gối tôi lắc lắc :

- Ừ, còn chặt lắm. Tao mong rằng tới lúc gặp mày, đầu gối mày chưa lỏng. Để tao lái xe đưa mày ra bến xe đò.

Tôi đứng nhìn con đường đất đỏ cứng, lổn nhổn đất đá mà cũng thấy một chút băng khuâng. Đằng sau nhà, khói lam bốc lên nhe nhe. Chúng nó đã nấu cơm trưa. Mấy thằng định giữ tôi lại ăn một bữa cơm tiễn biệt nhưng Thăng Trọng đòi ăn với tôi ở thị trấn. Cánh cửa Đài Trắc Giác mở tung, máy phóng thanh vận hết cỡ để khi tàu bay gọi thì chạy vào. Nhưng từ lâu, chẳng có cái tàu bay nào gọi cái đài này cả. Cái đài đánh dấu nửa đường Saigon - Đà Nẵng, dù cho có đẹp bỏ cũng chẳng hề gì. Mà đỡ cho mấy thằng thoát khỏi cảnh đi đây. Nhiều khi chúng nó cố phá, đưa tàu bay sang cái xứ đầy chùa, phi công nhìn xuống chỉ thấy những mái nhà cong vút. May là thời ấy còn là thời Tây, nên không có sự la hoảng về biên giới. Mấy cái thằng phi công Tây bảo nhau không thèm gọi. Thịnh thoảng có tiếng ồm ồm trong máy phát thanh, chắc mấy thằng mới sang chưa biết, hay là mấy ông “xi-vin” tôn trọng luật lưu thông.

Tôi đang đứng với Thăng Trọng thì có tiếng ề à gọi thử máy vô tuyến. Tôi giục Trọng trở vào để trả lời. Nó văng tục :



- Kệ mẹ nó! Cho nó gọi, cho chết cha nó luôn...

Tôi khuyên nó một câu:

- Thôi mày! Đừng có nổi gai rồi nó phạt mày.

Thằng Trọng vung một cánh tay vào không khí:

- Phạt, phạt cái gì bây giờ. Cùng lắm thì nó đổi tao đi... Mà mày nghĩ xem, ngoài cái chỗ này thì nó còn đổi tao đi chỗ nào nữa. Tới chỗ này là tận cùng của trái đất rồi...

- Còn nữa chứ mày. Hãy còn một chỗ nữa...

Thằng Trọng trở mắt nhìn ngạc nhiên. Nhưng nó chợt hiểu ra. À, phải rồi, còn một chỗ nữa. Đó là đảo Hoàng-Sa, Tây-Sa. Thằng Lý đã tả cái thời kỳ nó làm chúa đảo, nó kể chuyện với bộ mặt sợ hãi như thuật lại một cơn ác mộng. Cái đảo nhỏ tí xíu với sáu thằng coi Đài Khí Tượng, mỗi sáng thứ hai ngồi chờ tàu chở gạo với mắm muối ra mà thấy mình xa cách hẳn với cuộc đời. Cả sáu thằng ít khi để ý tới dung nhan... Lũ Tây, lúc bàn giao, có để lại cho một con đằm bằng cao su, chia đều mỗi thằng ngủ với em một tối. Thối cho căng phồng lên, nằm ôm em, với những khu lồi lõm giả tạo, dù giàu tưởng tượng cách mấy cũng không thể nào nguôi được nỗi nhớ vợ, nhớ người yêu. Ban ngày, sáu thằng chúa đảo để em ở một góc nhà, đi qua, thằng nào cũng sờ ngực em một cái, hôn lên má em một cái. Em vẫn đứng trơ, nhón miệng cười...

- Thằng Lý bây giờ cũng ở Biên-hòa... Nó nghiện ba-xi-đế từ ngày ở Hoàng-Sa về đấy, mày ạ !...

Thằng Trọng bâng khuâng:

- Có chỗ nào hơn chỗ Hoàng-Sa nữa không mày nhỉ ?

Tôi vẫn bình tĩnh trả lời :

- Vẫn còn, còn chứ ! Chỗ đó là địa ngục, có ông Diêm-Vương mặt đen thui với lũ quỷ sứ.

Thằng Trọng leo lên xe, ngồi vào tay lái. Nó nghiêng răng sang số kèn kèn kẹt. Địa ngục, cái chỗ đó chắc xa lắm và chắc cũng gần lắm. Ừ, có lẽ chỉ còn xuống đó là yên chí, không còn ai đòi mình đi đâu được nữa. Nó quẹo một cái cua thật gắt, vừa đạp thắng vừa quẹo, cho bánh xe dính xuống mặt đường. Chiếc va-ly của tôi chạy giang hồ khắp sàn xe phía sau. Đột nhiên thằng Trọng cười vang. Bụi với lá khô đuổi theo xe, đầu hai thằng đổ lên vì bụi. Nó hỏi tôi :

- Sao lại gọi là Dốc-Sỏi nhỉ ? Tao thấy chẳng có hòn sỏi nào ở cái dốc đó cả.

Thế ra nó vẫn ám ảnh về chuyện tôi đổi về Biên-Hòa. Dốc-Sỏi ! Xứ của đi, nơi có những mối tình lớn của những chàng lính tàu bay xứ Bưởi.

Tôi bỏ thằng Trọng ở lại với rừng núi Cao-nguyên. Không hiểu rằng say như thế nó làm sao mà về được tới "nhà". Trong bữa ăn, nó chỉ nói về địa ngục. Về địa ngục cũng chỉ là một cuộc thuyền chuyễn, một cuộc thuyền chuyễn cuối cùng của đời quân ngũ.

Tôi bò lên được hết cái Dốc-Sỏi. Tiếng gọi ơ ơ chung quanh tôi. Tiếng ca vọng cổ của hai em nằm gác chân lên bộ ván loang lổ nghe chói tai. *Em ơi em, có tiền lẻ cho anh*

*mượn năm... ừ... ừ... thì. Hai thì anh mua tờ báo còn ba thì anh mua bốn điếu thuốc Ru-By.* Đây là Dốc-Sỏi... nơi nổi tiếng của xứ Bưởi. Những thằng Tây đi đến đâu lập căn cứ là phải kéo theo một đội binh đàn bà. Tân-Sơn-Nhứt có khu Lăng Cha Cả. Nha-Trang có khu Colona. Còn xứ Bưởi này thì có Dốc-Sỏi.

Một vài thằng lính tàu bay đang chống hông lấy gân, đạp xe lên dốc. Nhìn thấy tôi xách va-li đang hí hục leo, cái đầu đưa về đằng trước, có thằng reo lên :

- Lính mới, chúng mày ơi!...

- Thầy Đội mới ở đâu về thế ? Trông thầy Đội ngáo quá. Gửi va-li ở nhà em Dốc-Sỏi đi . Vào tay không có phải sung sướng hơn không?...

Tôi đặt chiếc va-li xuống, đứng nhìn vào bên trong phi trường, có hoa lan trắng xóa dưới tháp. Nhiều căn nhà gạch, chiếc cao, chiếc thấp, ẩn hiện trong vườn cao-su xanh um. Con đường tàu, đầy giấy nhật trình trắng xóa, chạy mất hút vào trong căn cứ. Nắng càng sáng, càng tỏ rõ bộ mặt tang thương của Dốc-Sỏi. Những căn nhà tranh nằm nghèo nàn nhưng bên trong thì có xa-lông, có tủ, có giường trái nệm trắng muốt. Các em trông mệt mỏi đã dụi, đầu tóc khô cứng như rơm. Những chiếc khăn lông phơi đầy trên giây. Góc sàn, cả chục chiếc chậu thau nằm chồng lên nhau. Ban ngày xóm dĩ nào cũng buồn. Nhiều căn nhà tranh, mái thấp hơn mặt đường. Dọc theo hai bên đường, con nít ngồi hai ba đứa, thản nhiên làm cái công việc thú vị thứ nhì, sau cái thú làm quận công.

Tôi lại xách va-li đi xuống dốc. Qua cổng Căn Cứ, tôi gặp ngay thằng Thắng đang làm hạ sĩ quan trực. Nó hỏi tôi:

- Mới về hả ?...

- Ừ, mới về...

Nó mừng rỡ túm ngay lấy áo tôi:

- Hồi này, bên ấy ra sao ?... Em Jacqueline, em bé bán táo ở đường 14 Juillet, lười còn dài như ngày xưa không?... Thằng quản Ghèn có dễ chịu không?... Đi phép có còn phải...

Nó hỏi tôi liên miên như một thứ “tha hương ngộ cố tri”. Tôi phải ngắt lời nó, bảo cho nó biết rằng tôi vừa ở Cao-nguyên về, chứ không phải từ bên Tây về. Thằng Thắng thất vọng ra mặt. Nó ngấm lại tôi rồi hạ giọng:

-Ừ, thảo nào trông mày đúng là “mọi da vàng”. Coi chừng không sốt rét ngã nước. Chờ tao một chút, tao ký sổ rồi về ở chung phòng với tao.

Tôi đã gần cảm động về sự săn sóc của nó nhưng nó nói toạc ngay sự thật ra. Phòng nó có một cái giường trống, tụi khốn nạn thường dùng nơi đó làm nơi tụ họp, đánh bài và tán nhảm, ồn ào quá, ngủ không được. Tôi về chiếm cái giường đó thì chúng nó hết chỗ họp hội đồng. Nhưng dù sao tôi cũng cảm ơn thằng Thắng. Nó chửi um lên :

- Cám ơn, cám ơn là cái... mẹ gì. Cái tiếng cám ơn làm gì có trong tự điển...

Rồi nó đá vào cái va-li của tôi một cách phũ phàng :

- Ông ghét những thằng lính nào đi đâu xách theo cái va-li. Cho tất cả vào cái túi quân trang, vác lên vai có phải là tiện không?... Va-li, va-li. Cứ y như là du khách. Ông báo cho mày biết, đây là xứ “mọi da vàng”, không phải là mẫu quốc, nơi có những thằng mọi da trắng, “tóc vàng, sợi nhỏ, chờ mong chín đỏ trái sầu “...

Tôi thương chiếc va-li quá. Tôi vẫn còn giữ cái mơ mộng của Nguyễn-Tuân : “Nếu sau này tôi chết, xin người ta thuộc da tôi để làm cái va-li”. Nhưng bây giờ, cái va-li đang bị chửi. Máu giang hồ sách vở của tôi bị xẹp xuống như một trái bóng bị xì hơi.

Rồi Thắng bảo tôi xách va-li ngồi đng sau chiếc xe đạp. Nhìn chiếc xe đạp, tôi ngập ngừng vì trông nó tã quá, chỉ có cái khung, hai cái bánh và cái “poọc ba-ga”. Thắng Thắng giục :

- Leo lên đi mày !... Xe của tao chở thằng Tây hơn một trăm kí-lô còn không sao mà. Vớ lại từ đây về phòng, đường xuống dốc, không phải đạp.

Nó leo lên xe, rồi lại làm một cuộc triết lý rẻ tiền. Tại sao xe phải đạp học xì dầu ra mà chúng nó gọi là xe máy...Tôi ngồi đằng sau xe. Chiếc xe, đầu nhẹ tếch, đằng sau nặng, loạng choạng chạy xuống như thằng say rượu. Mỗi lần vấp phải hòn đá, xương móng tôi lại chạm vào mấy thanh sắt kêu lục cục. Nhưng rồi cũng về đến nơi. Vừa tới cửa phòng, thằng Thắng đã la lên đuổi đám bạc:

- Giường có chủ rồi ! Giải tán hết...

Cả bọn nhìn tôi, rồi la lớn :

- A cái thằng phản bội nghề nghiệp, chúng mày ơi!

Lúc đó, tôi chợt nhớ ra mình là thằng phản bội nghề nghiệp. Tôi học nghề thợ máy tàu bay ở bên Tây. Nhưng khi về nước, tôi lại xin học thêm nghề khác, rồi không bao giờ làm nghề thợ máy. Tôi chê mấy thằng cầm mỏ-lét ; lúc làm việc xong dù rửa tay bằng mấy bánh xà bông cũng không sạch được mấy cái kẽ móng tay. Bàn tay đó mà nắm tay người yêu thì mất hết thẩm mỹ. Trông những thằng thợ máy ở hãng-ga thì thật là thiếu não. Kim, mỏ-lét, tuộc-nơ-vít gài chung quanh người, có thằng cho vào thùng xách đi như anh chàng thợ cạo rong. Bộ quần áo xanh thợ máy bạc phếch, hờ nách, vá nhiều miếng. Không còn một nét hào hoa. Ấy thế mà ra khỏi căn cứ là thằng nào cũng đầy chất phong nhã. Tôi quát lại:

- Ủ, thì ông phản bội nghề nghiệp. Nhưng ông còn giữ được nhiều chất Khổng-tử. Không phải như những thằng làm thợ máy mà ra ngoài, cứ đấu với các em là phi công, ông cũng không bao giờ làm cái lon Đội doăng ra nhiều để cho người ta trông nhậ ngoạn cứ tưởng là thiếu úy. . Thằng nào mà chê tao thì thằng đó coi chừng, tao sẽ kể hết cho đàn bà con gái xứ này nó nghe, thì chúng mày chỉ còn ế vợ.

Dân lính tàu bay hồi đó chỉ có vài trăm goe, nên thương yêu nhau lắm. Không như bây giờ. Tôi theo thằng Thắng ra ngoài Dốc-Sỏi ăn cơm. Thắng Thắng nói:

- Vừa ăn vừa đấu tiếng Tây bồi với mấy em cũng khoái lắm.

Đường lên dốc, phải đổi người đạp xe tới hai lần. Thằng Thắng đạp lên tới nửa dốc, tôi đạp tiếp theo một nửa. Lúc xuống dốc thì tôi là cái máy hãm. Khi nào nó hô “tới nơi rồi” là tôi nhảy xuống chạy theo chiếc xe, kéo giạt trở lại. Hai đứa cười vui thích chí. Vừa rời ghế nhà trường mấy năm nên vẫn còn nhiều chất tinh nghịch của học trò. Nhưng cũng vướng phải mất ít nhiều chất lính. Vừa vào đến nhà, Thắng đã ồn ào. Nó hỏi bà chủ nhà :

- Hôm nay, bà chủ nhà có cho ăn cái món thịt người xào lòng nách không?...

Bà chủ nhà cười toe toét. Thắng kể cho tôi nghe một giai thoại. Một hôm, ăn phải món thịt xào dai quá, nó hỏi thịt gì, bà chủ nguyền một cái muốn lạch cả mặt đất:

- Thịt người đấy !...

Rồi một lúc sau, nó lại thấy lẫn một sợi lông dẹt, cong queo. Lông gì đây, bà chủ? Bà chủ lúng túng trong một giây, rồi cười tỉnh :

- À, à, lông nách...

Thế là món đó thành món thịt người xào lông nách. Thằng Thắng kể chuyện một cách thần nhiên mà sao tôi cứ thấy ghê. Bàn bên kia cũng có mấy em ăn kịch liệt.

Em húp canh soàn soạt. Nhai rau sống cứ rau rầu. Thành thạo lại quay sang đấu với mấy chàng lính tàu bay. Và ly kỳ hơn nữa, ở bàn bên cạnh lại có hai thằng Tây đang cuộn bánh tráng ăn, chấm mắm nêm. Tôi bảo Thắng :

- Tao muốn tìm tới thăm thằng Lý...

- Lý nào ? Lý thư ký, Lý vũ khí hay Lý khí voi ?

- Thằng Lý làm khí tượng.

Thằng Thắng “à” lên một tiếng :

- Nó cũng ở gần đây. Nó sống chung với em Bích đen. Nhưng mầy tới chơi với nó buổi trưa thì lại là lúc hai đứa chúng nó đấu võ. Hai đứa chúng nó đánh nhau, làm ái tình với nhau, chửi nhau rồi lại âu yếm nhau, trông sốt ruột lắm. Ăn đi rồi tao dẫn mầy đi tới nhà thằng Lý với em Bích đen.

Những cái tên ở Dốc-Sỏi bao giờ cũng kèm theo một cái tên kép để dễ phân biệt. Nói tới em Bích thì phải kèm theo là Bích đen, Bích trắng, Bích què hay Bích lẻ... Còn nhiều, nhiều nữa. Bích đen là một em đã đang sống chung với thằng Lý khí tượng, cái thằng đã một thời kỳ làm chúa đảo Hoàng-Sa.

Hai đứa đi vào con đường đất nhỏ. Nắng bốc lên mùi khó chịu từ những bụi cây hai bên đường. Chỉ một quãng ngắn mà thấy như xa cách hẳn với thành phố. Có tiếng đàn bà léo nhéo cãi nhau ở một căn nhà tranh. Thắng bảo :

- Nhà thằng Lý đấy !...

Tôi ngập ngừng:

- Có nên vào không ?

- Vào chứ... Vào xem đả lôi đài. Ở đây, lúc nào chúng tao buồn, vẫn tới nhà nó xem kịch khôi tốn tiền.

Lối xóm ở đây thần nhiên với những vụ to tiếng ở nhà thằng Lý. Có những vụ đánh nhau thật lực rồi yêu nhau thật lực.

Thằng Thắng bình thần vào nhà, kéo ghế ngồi hút thuốc, cứ y như là một thứ quen thuộc lắm. Tôi theo nó vào. Thằng Lý nằm ở phòng trong chửi vọng ra. Con Bích đen ở nhà ngoài nói chõ vào. Em phân trần :

- Tôi bảo nó làm giá thú rồi nhận đứa con, có phải thêm được hơn ngàn bạc nữa không... Nó không chịu nghe. Lương thầy Đội sơ đẳng, hơn ba ngàn đồng bạc mà nó uống rượu gần hết thì... bà tè ra cho mà uống...

Tiếng thằng Lý ở trong nhà vọng ra :

- Sự mày, đừng có hỗn. Ông làm giá thú với mày để ông “đời tàn trong ngõ hẹp” à ? Chửi ông, ông “uỳnh” thấy mẹ !...

- Không những bà chửi mày, mà bà còn tống cổ mày ra đường. Uống gì mà uống lảm thế. Lúc nào cũng uống, không đưa tiền thì bà cho uống... nước tiểu.

Rồi em bỏ ra đầu nhà, thản nhiên ngồi xuống, tụt quần, đưa cái mông trắng hếu ra. Tiếng vòi nước xối mạnh vào chân vách. Thăng Lý bị một câu nói đau quá, bước xuống giường, chạy lịch bạch ra ngoài. Một tiếng huých nặng nề, tiếng vòi nước đang xối vào đất bị cắt đứt phũ phàng. Em Bích đen lồm cồm bò dậy, rít lên :

- À, mày đánh bà à ?...

Rồi em xông vào. Một cú đấm nện thẳng vào mặt em lại đẩy em ra. Đầu tóc rũ rượi, em gào lên rồi lại xông vào. Một cái lên gối tàn bạo. Thăng Thắng vẫn ngồi hút thuốc lá, coi như không có chuyện gì xảy ra. Tôi định nhảy vào can, nhưng Thăng ngăn lại :

- Mày vào là ăn đòn của cả hai đứa. Chúng nó đánh nhau một lúc, mệt, là tự nhiên giảng hòa, rồi lại yêu nhau...

Cuộc chiến đang diễn ra sôi nổi. Em Bích đen đã tiến vào thế nhập nội. Thăng Lý đã túm được tóc em, nhưng đột nhiên hét lên một tiếng hãi hùng :

- Chết tao rồi ! ...

Bàn tay túm tóc rơi lỏng. Chân nó định lên gối một phát nữa, nhưng được nửa chừng lại rơi xuống. Con Bích nghiêng rặng:

- Biết tay bà chưa....

Thăng Lý hỗn hển :

- Biết... rồi ! Thôi tao lạy mày, anh lạy em, bỏ anh ra.

Tôi đứng lên định vào gỡ hai đứa nó ra, vì trông mặt thăng Lý tái mét như không còn chút máu. Nhưng thấy tôi vừa đứng lên con Bích đã đe:

- Đứa nào vào đây, tao bóp nát... mẹ nó ra.

Điều thuốc lá trên môi thăng Thắng vẫn lập loè thản nhiên. Tôi ngồi vào ghế để ngắm nhìn bộ điệu khổ sở của thăng Lý. Mỗi lần con Bích đen day day cái tay, thì thăng Lý lại nhăn mặt đau đớn. Hành thăng Lý một lúc nữa rồi Bích đen mới nhẹ nhàng kéo nó vào trong nhà, bỏ tay ra:

- Thôi, bà tha cho mày.

Bích đen bỏ đi ra ngoài Dốc-Sỏi vì cũng sợ đòn của thăng Lý khi nó tỉnh dậy. Thăng Lý nằm ngay ra đất... Nó vuốt bụng xuôi xuống, rồi khuôn mặt dần dần lấy lại màu đỏ. Lúc đó nó mới nhìn thấy tôi, run run đưa tay ra bắt gượng gạo mỉm cười. Nó thều thào bảo tôi và Thắng :

- Hai thằng đỡ tao ngồi dậy.

- Mấy hết đau chưa ?

- Hết đau rồi!

Rồi nó tức bực :

- Lần nào đánh nhau với nó, tao cũng thua...

- Thế thì mày ở với nó làm gì ? Bỏ đi có được không ?

Lý buồn buồn trả lời:

- Tao đã thử bỏ vào trại rồi. Hai ngày là nhớ nó chịu không nổi, tao lại bò ra. Rồi về sống với nhau, ngày nào cũng chỉ đấm đá nhau chỉ vì tờ giấy giá thú. Nó cứ mang cái có thêm tiền hàng tháng ra, nhưng tao biết nó thiếu gì tiền. Có lẽ tao đến phải lấy nó thật mất thôi...

- Mày lấy nó thế nào được...

- Tại sao lại không được. Lấy vợ là lấy một người đàn bà nào mình chẳng có thể lấy làm vợ. Nó cũng là đàn bà. Tao hỏi mày, thế nó có phải là đàn bà không ?

Tôi im lặng không dám trả lời. Cuộc đời đến như vậy là hết rồi. Tôi không thể nào có được khuôn mặt không còn cảm giác như thằng Thắng. Buổi trưa ở đây yên lặng quá. Có tiếng chó sủa bâng quơ. Tiếng chuông bán cà rem mãi từ ngoài đường nhựa, leng keng vọng vào. Lý hỏi tôi :

- Mày về đây đã có chỗ ở chưa ?...

Thắng trả lời :

- Nó ở chung phòng với tao.

- Tao tưởng nó chưa có chỗ ở thì tao làm mối nó cho con Ngọc ni-cô. Con đó nhờ tao làm mối vì nó xui thấy mẹ, đụng vào thằng nào thì thằng đó lụn bại.

- Vậy mà lại định giới thiệu cho tao...

Lý thần nhiên trả lời:

- Cái số của tao và mày thì nó xui quá rồi. Biết đâu, hai cái xui gặp nhau, nó lại thành một cái hên. Như mọi bài toán Đại số. Hai dấu trừ hơn chia với nhau, lại thành dấu cộng...

Thắng cười:

- Nhưng lỡ nó không phải là tính nhân tính chia mà lại là tính cộng thì nó lại thành một dấu trừ lớn hơn.

Lý cãi :

- Nhưng biết đâu với thằng khác thì lụn bại, nhưng với thằng này nó lại ăn nên làm ra không biết chừng, hai tam giác vuông góc có hai cạnh bằng nhau, thì bằng nhau; nhưng ngược lại khi hai tam giác có hai cạnh bằng nhau mà chưa hẳn là hai tam giác vuông góc...

Cái lối nói chuyện của chúng nó vẫn thế. Tôi muốn đứng dậy đập cho mỗi thằng một cái. Những cái lằm cằm, rẻ tiền của chúng nó, không biết có phải rằng vì ảnh hưởng của Dốc-Sỏi? Như cây quít mang từ Hoài-Nam sang trồng bên xứ Hoài-Bắc. Nhưng chúng tôi, những thằng mới chỉ hai mươi tuổi, nhiều lúc thấy mình già nua cằn cỗi như sắp sửa được hưu trí cuộc đời...

Tôi đã quen thuộc dần với Dốc-Sỏi. Tôi đã không còn lạ mắt với cái cảnh, những buổi sáng sớm tinh sương, các em làm một cuộc triển lãm mông ở dọc đường tàu, mặc

cho xe cộ, người đi làm rầm rập trên đường. Những lúc như vậy, có lẽ là những phút thần tiên của các em Dốc-Sỏi.

Phi trường Biên-Hòa ngày đó vẫn còn tính chất hoang vu. Chỉ có một phi đạo Nam Bắc bằng đá đỏ, một đầu là con đường đi Cấp, Đà Lạt, xe cộ dập dìu đi lại. Một đầu là rừng Tân-Phong âm u. Buổi chiều, hết phi cơ, tôi lấy ống nhòm nhìn về phía Hố-Nai đầy bóng thánh giá, quay đi một vòng trước mặt theo những con đường mòn, bắt gặp bóng dáng lúi thúi của vài ba người lính gác, súng mang đủ kiểu, đi về phía vòng đai phi trường. Đất nước thanh bình như đang ở trong một mùa xuân dài. Nắng vàng nhẹ và trong. Gió thổi rập đầu cỏ hoa lau. Phi đạo thênh thang, một chiếc phi cơ, một mình một chợ, nên bay biểu diễn những đường hạ cánh và cất cánh kèn cồng. Thăng Văn Cò cất cánh chiếc tàu bay “tóp tóp” bằng hai bánh xe, một bánh đằng trước với bánh đuôi, trông như xe đạp. Thăng Nguyễn hạ cánh, nhảy trên sàn đủ mười cái. Chín cái hay mười một cái, nó sẽ trả tiền ăn sáng cho mấy cái thăng Đai Kiểm Soát. Không khí vui nhưng lặng lẽ trong những buổi chiều, bóng dài chênh chếch.

Những buổi chiều như vậy, nếu tàu bay có gọi thì thăng nọ đùn thăng kia. Tàu bay gọi ới ới trong lúc chúng nó đẩy nhau :

- Thăng Hoàng trả lời đi !...

- Tới phiên thăng Bửu chứ. Tao mới cho xuống hồi nãy hai chiếc tàu bay. Thăng Bửu trả lời đi mày!

Cái thăng mà không thể nào từ chối được thì ưỡn oải cảm ổng nói: *Bây giờ*, bạn nghe tôi thế nào, trả lời!”. Nó dần mạnh tiếng “*Bây giờ*” ra cái điều là đã trả lời từ hồi nãy nhưng máy radio hư nên tàu hay không nghe thấy. Thăng lái tàu hay đâu có biết được, nên cũng nhắc lại: *bây giờ* tôi nghe bạn rõ lắm !... Có nhiều khi nó để cho tàu bay gọi hết hơi, đợi cho tàu bay sắp hạ cánh, bắn một phát hỏa pháo màu xanh. Cũng vẫn cứ êm xuôi như thường.

Cuộc đời cứ thế mà trôi để rồi mòn đi. Ý chí đua tranh cứ lần hồi mất dần. Nhiều thăng than phiền:

- Tinh thần tao hồi này ọp ẹp như cái xe díp của phòng Tuyên-úy.

Cái xe díp của phòng Tuyên-úy là cả một lịch sử đáng yêu. Khi nào những thứ gì quá tã, kể cả con người, đều được đẩy qua phòng Tuyên-úy. Cái xe díp cũng vậy. Nó yếu quá, leo lên cái dốc một cách lặc lè, đáng thương. Các ông Tuyên-úy lái xe kém nên thường lên một nửa cái dốc là chiếc xe nhất định nằm ỳ. Ông Tuyên-úy bước ra xe, hi hục đẩy. Chiếc áo đen quét lê mặt đường. Một thăng lính, rồi vài ba thăng lính nữa xúm lại, vái chào, cười rất tươi, lễ phép :

- Thưa cha, hôm nay xe của cha lại hư ở Dốc-Sỏi.

Rồi chúng quay lại bảo nhau :

- Xe của cha hư ở Dốc-Sỏi đấy. Chúng mày giúp cha một tay đi.

Cả lũ xúm quanh lại cái xe như đàn kiến bám vào cục đường. Một thăng đề nghị:

- Sao không cho nó xuống dốc?

Nó cầm tay lái vặn một vòng. Chiếc xe vòng lại, xuống dốc chạy phẳng phẳng, cả lũ reo ầm lên. Thăng này gài số, thả chân “*ăm bờ-ray-a* “. Chiếc xe nổ máy lịch kịch. Nó nhường chỗ ngồi cho cha Tuyên-úy.

- Cám ơn các ông nhé.

Cả lũ nhao nhao chào lại. Chiếc xe vòng lại, ì-ạch bò lên dốc, tới nửa dốc lại tắt máy, không thèm chạy nữa. Lần này tiến bộ hơn hai thước. Mấy thằng lính tàu bay “ồ” lên một tiếng:

- Lại hư nữa. Cái Dốc-Sỏi này tệ thật. Hay là cha vào quán này ngồi uống nước, chờ tụi tôi sửa xe cho cha.

Ông Tuyên-úy lắc đầu một cách dữ dội :

- Không... không! Các ông xúm lại đẩy đùm cũng được rồi.

- Thừa cha, lần này đẩy xuống dốc hay lên dốc !... Lên dốc thì nặng lắm thừa cha. Thôi lại cho nó xuống dốc đi.

Lại xuống dốc, lại nổ máy, lại tắt máy!..Cứ như vậy, loay hoay cả giờ đồng hồ mà không qua được cái Dốc-Sỏi. Tiếng reo hò thật náo nhiệt. Các em cũng chạy qua cửa đứng nhìn. Màu áo đen nổi bật giữa đám quần áo ka-ki. Chúng vừa đẩy, vừa hát: “*Con kiến mà leo cành đũa, leo phải cành cộc, leo ra leo vào. Con kiến mà leo cành đào, leo phải cành cộc, leo vào, leo ra*”...

Cảnh Dốc-Sỏi, vui một cách lạ. Bởi vậy nhiều thằng rình xe díp của các ông Tuyên-úy lên dốc là xúm lại... Có nhiều thằng bỏ cả uống nước chạy vội ra khi nghe thấy tiếng nói lễ phép:

- Bạch thầy, hôm nay xe của thầy lại hư ở Dốc-Sỏi?...

Rồi lại náo nhiệt, tung bưng. Tôi nghĩ thầm cái vui hồn nhiên ấy không biết giữ được tới bao giờ. Có lẽ phải tới cái lúc không còn Dốc-Sỏi.

Tết năm ấy, tôi phải ăn một cái Tết ở Dốc-Sỏi. Chả là vì khi gặp bác thăm phiên trực, số tôi khốn nạn quá, bác đúng phải lá thăm trực đêm giao thừa! Tôi không buồn mà cũng không vui. Ngày Tết không còn gì để mà vui nữa. Thêm một tuổi hay bớt đi một tuổi, điều đó không quan trọng.

Cai Thạch-Suon có nhà ở trong Căn Cứ, thương hại bảo tôi:

- Hay là ông về nhà tôi ăn Tết? Nhưng nghèo, nên ngày Tết chỉ có vài bữa “cục khô”...

Ý của nó muốn nói là ngày Tết cũng chỉ là vài bữa cục khô. Nhưng nó nói bằng một giọng không bỏ dấu nên tôi không thể nào về nhà nó, mấy ngày Tết mà chỉ ăn có “cục khô”. Tôi xé lá thăm, thả cho bay bay như những cánh bướm lạc lõng mùa Đông. Thẩn thờ bước xuống thang lầu, tôi đi uống rượu.

Tôi ngồi trong cái tịch mịch ban đêm. Chiếc đồng hồ trước mặt tôi, lấy giờ quốc tế nên cái thời gian của tôi ở mãi bên kia trái đất. Mười hai giờ đêm là bảy giờ sáng. Lúc khoảng chín giờ tối một chiếc C 47 lang thang bay qua, mở máy vô tuyến, tần số của Đài, nói câu chúc mừng đầu năm.

- Chúc mừng năm mới !...



Chỉ có hai câu đối thoại cho những giờ phút cuối năm. Tôi ngồi nhớ mưa phùn gió lạnh Hà-Nội.

Buổi sáng, tôi không muốn về nhà ai. Sợ mang theo cái không may tới nhà người ta cả năm dài. Đi qua Dốc-Sỏi, có tiếng gọi tên tôi. Tôi thấy em Ngọc ni-cô đang ngồi tán chuyện với mấy em nữa, vẫy tôi rí rít :

- Vào đây anh!...

Tôi hỏi :

- Tết, các cô có làm ăn không ?

Ngọc ni-cô nhí nhảnh :

- Em vừa “đi” với một thằng nhóc. Nó trả một trăm bạc, toàn giấy một đồng với năm đồng mới tinh.

Cả bọn reo lên :

- Con Ngọc ăn đồ tiền lì xì của con nít rồi...

Tôi thấy tiếng cười làm sáng rực những bông hoa mai vừa nở. Con Ngọc rủ tôi :

- Về nhà em ăn Tết đi.

- Nhưng em còn làm ăn...

- Đâu có... Chọn giờ tốt, mở cửa hàng một chút xíu rồi lại đóng cửa hàng như các chú Ba ở Chợ-Lớn ấy mà. Đâu có cần mua bán gì. Bây giờ, em... đóng cửa hàng. Về nhà em đi.

Tôi theo Ngọc ni-cô về nhà. Cái duyên số của tôi nó vậy. Nhưng không ngờ, Tết năm đó, tôi đã ăn một cái Tết vui nhất. Có đủ các thứ, kể cả đàn bà. Buổi tối, nằm cạnh tôi, Ngọc ni-cô thì thầm :

- Lấy em đi... cũng hạnh phúc chán. Anh có thấy như anh Lý với con Bích đen đấy... Đâu có chuyện gì. Mà anh có bằng Cao-đẳng, lương nhiều hơn anh Lý. Chúng mình sẽ hạnh phúc nhiều hơn...

Em thuộc quy chế nhà binh còn hơn cả tụi tôi. Tôi mỉm cười trong bóng tối. Ừ thì lấy, sợ gì.

Tôi ôm lấy Ngọc ni-cô mà thấy rằng cái khoảng đời núi trống trải, không còn lý do gì mà mang lại sự lụn bại được nữa.

Tết năm đó, tôi bắt đầu biết làm thơ...

#### **4. CƯ XÁ ĐỘC THÂN**

Căn nhà ba tầng lầu, cạnh vườn cao-su, được dành làm cư xá hạ sĩ quan độc thân. Căn nhà có nhiều phòng, mỗi phòng có hai cái giường sắt.

Căn nhà đó, trước là cư xá của Tây. Lũ mọi da vàng cứ lấn đất dần dần... Khi có một thằng mọi da trắng đi về nước là lại có một thằng chạy xuống khu nhà “chết” thì thầm:

- Thăng La Poussière về nước đấy... Mày “xí” chỗ của nó đi.

Cái thằng được thì thâm, xách cái va-li, chạy vội lên nhà lầu, quăng đại va-li lên chỗ cái thằng Tây vừa dọn đi về Saigon, chờ tàu về nước. Có nhiều khi, cái thằng kia mới chỉ đang sửa soạn đi, nên nhìn nhau mà không biết nói gì. Được cái, những thằng mọi da trắng đều là chỗ quen biết, nên cũng không có chuyện đáng nói, ngoài cái chuyện dọa dẫm sẽ “phát xia” vào giữa phòng, trước khi rời bỏ căn phòng này. Thăng mọi da vàng nhún vai như Tây :

- Ông cóc cần !... Mày cứ “phát xia” đi. Dù cho mày không làm chuyện đó, mấy năm mày ở đây cũng đủ lắm rồi... Đàng nào thì ông cũng... tấy ứ.

Những thằng mọi da trắng, trước khi đi có thằng làm chuyện đó thật. Cho nó hả cái cơn tức... Có thằng không làm, vì không thời giờ. Thời giờ chót của Tây ở đây, thật là bận rộn. Bận uống say sưa, bận “làm ái tình” những lần cuối cùng với các em ” Dốc-Sỏi “. Lũ mọi da trắng cứ ra đi, lũ mọi vàng cứ chiếm phòng. Một cuộc chiến tranh lạng lẽ mà chiến thắng nhất định... về ta. Không thắng làm sao được khi còi tàu ở “Messageries Maritimes” thổi tu tu giục giã , có ở lại cũng chẳng... nước mẹ gì.

Lúc muốn dọn nhà lại phải tìm đến Cai Thạch-Soun. Chú Cai người Miên lai này, không hiểu sao mà lại vào được cái binh chủng nổi tiếng hào hoa, mang cả một triệu bạc máu tỵ tôn ở trong người. Nhiều thằng đi Tây về, thấy mình cũng chỉ mang lon Cai, bằng lon của Thạch-Soun, tức lắm mà không thể làm gì được. Được cái là lon của Thạch-Soun cứ nằm hoài đó, ít khi được ông nào chú ý tới. Bởi vậy, cùng thời Cai với Thạch-Soun, có thằng lên tới Thượng sĩ mà lon của Thạch-Soun thì cứ nằm đó, nằm hoài hoài không nhúc nhích. Thạch-Soun đáng được gọi là hạ sĩ muôn năm.

- Thạch-Soun này, hôm nay tớ dọn nhà...

Thạch-Soun nhe răng ra cười, hàm răng trắng bóc, nổi bật trên khuôn mặt đen sạm. Hắn nói bằng một giọng không bỏ dấu :

- Thế à ? Nhưng gia tài, cơ nghiệp của “seç-dăng” có những cái gì?

- Một cái giường sắt, một cái tủ, hai cái va-li thì đã mang lên một cái rồi. Tớ đưa cậu 100 nhé...

Thạch-Soun gật đầu... Thăng dọn nhà dẫn Thạch-Soun về phòng nhà lầu rồi lại dẫn xuống phòng nhà trệt. Hai cái xe đạp, đạp đi kéo cọt trên con đường trải nhựa trong căn cứ Không quân. Vườn cao-su, lá cây lấp loáng, xanh mướt, trông mát mẻ và sạch sẽ như người con gái vừa gội đầu xong, đứng ở cửa sổ hong tóc. Thạch-Soun vào phòng nhấc thử chiếc giường rồi thả mạnh xuống nền nhà đánh bịch một cái. Hắn cong lưng kéo thử cái tủ. Chai lọ trong tủ đổ loảng xoảng. Hắn nhấc cái va-li lên rồi lại đặt mạnh xuống làm chiếc nắp va-li tung khóa, mở toang ra và một cuộc triển lãm quần xà-lõn, xì-líp, áo thun nong nạc mùi hôi lãn ra nền nhà. Chủ nó phải xếp dọn lại...

Tuy rằng là “mùi của mình” nhưng thằng chủ vẫn phải rón rén cầm bằng hai ngón tay. Đến lượt đôi bít-tát thì phải vừa cầm vừa bịt mũi. Thạch-Soun vẫn đứng thản người thản nhiên. Mãi sau hắn mới nói :

- Có lẽ phải gọi thêm hai thằng nữa thì mới khiêng nổi cái giường với cái tủ. ” Seç-dăng” cho mỗi thằng một trăm đi. Ba trăm, ba thằng đấy!...

Trung sĩ đi Tây về, vội bằng lòng gấp. Quẳng ra ba trăm rồi yên chí lớn đi làm, về đã có giường, có tủ kê ở phòng mới. Ba trăm là một phần mười của lương. Nhưng thà rằng

bỏ tiền ra còn hơn là cố xác mà làm rồi mất cái tiếng hào hoa đi. ” Được tiếng khen phát ho hen cả đời ” là như vậy.

Nhưng Thạch-Soun chẳng gọi thêm một thằng nào cả. Hắn mua mười đồng rượu đế, mười đồng khô mực quệt nước tương đổ chót, bày ngay ra trên giường khổ chủ. Gật gù cái đầu, hắn xé một miếng khô mực rồi mỡ nút chai ” li-mỏ-nát ” đựng rượu đế. Khả một tiếng là một phần tư chai... Phát đầu, nạp đạn mà, hơi nhiều một tí để những lần sau nhấm nháp từng tí một. Chẳng cần mời ai... Thằng nào muốn uống thì bỏ tiền ra, mua mà uống. Giọng Thạch-Soun lè nhè:

- Ông lên xin phép Thượng sĩ Lộc dùm tôi, nói là tôi đang dọn nhà cho ông.

Thằng nạn nhân đau khổ lại phải lóc cóc đạp xe lên xin phép quản Lộc già. Lại phải nghe Lộc già cần nhân. Rõ một lũ lính cậu. Chúng mày là lính thành phố. Dọn có cái phòng mà không làm lấy được mà cũng phải nhờ tới lính của ông. Có thằng nổi giận, văng tục :

- Tôi ị vào nhờ... Tôi mượn nó đấy chứ...

- Mượn hay nhờ thì cũng thế... Nó mà sẩy tay hay què chân là chúng mày phải chịu tiền thuốc cho nó đấy.

Ông Lộc già nói vậy vì ông biết tính của Thạch-Soun nhiều quá. Hắn uống hết xị đế, mượn chiếc xe ba gác vẫn chở nước đá cho Câu Lạc Bộ, cho hết lên xe rồi đạp đi. Đạp đi một quãng rồi lại đạp giật lùi, cười vang cả đường... Hắn say rồi. Hắn nói tiếng Tây rồi hát, giọng líu lo như tiếng đọc thần chú của thầy pháp trừ tà. Nhiều khi, xe chạy tuốt xuống xuống, giường tử ngã xuống, đưa bánh xe sau bổng lên trời. Hắn ngồi chệnh vênh trên yên xe, la um sùm. Giờ này, thiên hạ đi làm cả, nên chẳng ai giúp đỡ gì được hắn. Hắn đạp mạnh hai chân chơi vui trong không khí làm giường tử chạm nhau rầm rầm.

Hắn nhảy xuống đất, vì say nên không đỡ được, ngã một cái bằng trời giáng... Hắn lằm bằm chửi thề, kéo tấm nệm trên xe xuống, trải lên cỏ dưới gốc cây cao su cổ thụ rồi ngủ một giấc, chờ cái thằng mượn hắn, lúc tan sở về không thấy có giường có tử, thế nào cũng đi kiếm hắn. Rồi tới lúc đó, cái thằng mượn hắn sẽ là kẻ phụ tá cho hắn. Như vậy, chắc ăn hơn.

Cứ cái đà dọn nhà này, chẳng mấy lúc mà Thạch-Soun giàu. Nhưng chỉ được hơn một tháng. Có mấy chục móng thì đã chia nhau đủ các căn phòng... Từng lâu ba, cao đến như vậy mà cũng đã đủ hai thằng một phòng. Đằng sau cư xá là Câu Lạc Bộ. Ăn cơm Câu Lạc Bộ, chỉ cần đi mấy bước là đã về tới cái giường.

Muốn cho ngắn đường, có thể mở cửa sổ đằng sau, trèo qua. Từ ngày dọn nhà lên ở nhà lâu, tiền ghi sổ ở Câu Lạc Bộ lên tới mức kinh khủng. Có nhiều tháng, vừa đúng một tháng lương. Ăn uống nhậu nhẹt, cần gì phải đi đâu xa. Nhứt là uống say, chỉ cần ới một tiếng đã có thằng động lòng trắc ẩn, khiêng về phòng nằm ngủ. Bởi vậy, buổi tối ở cái Câu Lạc Bộ ấy đầy những thằng mặc quần ”pi-da-ma”, áo thung. . . Tự nhiên như ở nhà mà.

Những thằng ở lâu ba, phải trèo lên hai cái cầu thang, thò tay ra ngoài là chạm lá cây cao-su cổ thụ. Nhưng chúng nó lại có một cái thú riêng. Mở cửa đằng sau là nhìn xuống Câu Lạc Bộ. Mấy nhà bên cạnh là gia đình ông chủ Câu Lạc Bộ, nhà tắm không có nóc nên những đêm trăng lại được nhìn những cảnh liêu-trai. Tiếng xối nước ào ào... Làn da trắng nhể nhại, lá cây chuyển động in ánh trăng, thập thò trong căn nhà tắm chỉ che sơ sài bằng mấy tấm tôn. Khoảng mười giờ đêm, phi trường như yên ngủ.

Nhìn về phía tay phải, phi đạo Nam-Bắc tối mù mù, le lói vài ánh đèn từ khu Hồ-Nai đầy bóng thánh giá. Im lặng đến nghe cả tiếng nước chảy róc rách từ nhà tắm vào ống cống. Tiếng vỗ bì bạch của người trong phòng tắm. Có nhiều thằng chỉ cần nghe tiếng trong phòng tắm đã đoán biết là ai... Tiếng vỗ bồm bộp là bà chủ Câu Lạc Bộ, người to như một cái xe tăng. Cái bụng nhiều mỡ quá nên tiếng vỗ nghe trầm và âm vang.

Tiếng đen đét là của em ngồi trong quầy thu tiền, người thật rắn chắc, hay tì ngực vào thành “công-toa”, làm nhiều thằng nhìn thèm đến phát rét...

Còn nhiều, nhiều nữa... Các em, buổi tối ngủ lại ngay nhà ông hà chủ... Từ ngày mở Câu Lạc Bộ, nghe đâu ông chủ mắc phải cái bệnh hay đi tiểu đêm.

Những thằng ở lâu ba, cứ mười giờ là tắt đèn trong phòng tối thui. Ngồi ở thành cửa sổ hút thuốc chờ những bóng người nửa đen, nửa trắng, đi vào phòng tắm. Cũng bởi vì vậy, mà những tấm “ra” trái giường của những thằng ở lâu ba là vẽ nhiều bản đồ nhất. Bản đồ đủ tất cả những lục địa, đại dương...

Trước cửa cư xá độc thân là sân “vô-lây”.

Buổi chiều, khoảng năm giờ, sân “vô-lây” lại tưng bừng. Khi trái banh được mang ra đặt ở giữa sân là lại có một sự nhộn nháo bắt cặp và đánh cá...

- Tao cá bên thằng Kim được... Một tuần lễ ăn sáng.

- Bên thằng Thuận.. Một két la-de.

- Bên thằng Thuận phải có thêm ông già Lộc. Không có ông Lộc già không đánh...

Bên thằng Kim nhất định bắt bên thằng Thuận phải có thêm ông Lộc già. Ông Lộc già chỉ là một cái chướng ngại vật, hay biểu diễn những đường banh kèn càng. Không bao giờ ông chịu đứng yên một chỗ. Bất ông đứng một chỗ ở góc sân, chỉ một lát là nghe tiếng bịch nặng nề, đã thấy ông xông lên, dùng cả hai tay bê trái banh từ dưới lên. Trông thật là mất mỹ thuật. Tiếng phản đối nhao nhao:

- Ông Lộc già ” pọc tê”...

- Ông Lộc già mang banh về nhà chơi...

- Ông Lộc già đánh “vô-lây” mà như bắt “gôn”...

Mỗi thằng nói một câu làm náo loạn cả lên. Bởi vậy, cứ bên nào yếu hơn thì nhất định phải chấp thêm bên kia ông Lộc già... Nhưng ông Lộc già cũng khôn lắm. Chờ cho hai bên thỏa thuận xong xuôi là ông nhất định không chơi nữa. Chúng mày khinh ông bắt ông làm cái cây, cái cột, làm thằng bù nhìn, ông đâu có chịu. Ông Lộc diễn xuất một bộ mặt giận dữ đi về phòng. Vài ba thằng lại phải chạy theo năn nỉ. Lúc đó, ông Lộc già mới đặt điều kiện :

- Không được bắt tao chuyên môn “sọc-vít”.

- Đồng ý...

- Dù thua hay được, tao cũng không phải trả tiền uống.

- Đồng ý...

- Banh đến chỗ tao, phải để cho tao đỡ...

Chuyện gì chứ chuyện này thì khó có thể đồng ý... Những thằng trong bọn, ngần ngại nhìn nhau. Nhưng rồi thằng nọ thì thào vào tai thằng kia và nháy mắt nhìn nhau, cười đều... đểch chịu được. Ấy thế là vui vẻ cả làng, kéo nhau ra sân đấu.

Một bên bốn thằng... một bên năm thằng vì có thêm ông già Lộc. Thằng nào đánh cá về bên nào thì săn sóc cho gà của bên ấy. Chúng nó xúm lại nắm chân, nắm tay từng cầu thủ :

- Hôm qua, ông thấy xe của mày dựng ở Dốc-Sỏi...

- Sư mày, đừng nói bậy...

- Thế sao đầu gối mày lỏng lẻo vậy?... Mày có mang theo búa tạ hay cát ở nhà ?...

Thằng Kim nổi danh là cây búa tạ vì nó đập ác lắm. Hai tay như một... Giơ tay trái, đập tay phải... Đường banh bay bướm như thêu, như vẽ... Đó là lời bocc thối của những thằng đứng ngoài bắt cá, cổ động cho cầu thủ nhà. Khi nào nó đập một cú mà bên kia không đỡ được là lại được một thằng ở ngoài chạy vào, cầm tay nó giơ thẳng lên trời như võ sĩ thắng trận ở trên đài. Bên thằng Thuận cũng không kém. Nó cũng là một cây búa tạ. Ăn miếng trả miếng nhau, thật là ngoạn mục.

- Lúc nào tao đập thì đừng có đỡ ... Tao không muốn tới thăm chúng mày ở trung tâm chỉnh hình...

- Này, chết này... Nhào...

Tiếng la hét om sòm vang cả cái cư xá độc thân. Buổi chiều nào cũng vậy. Khi có tiếng tàu bay, bay ù ù trên nền trời, lại có vài ba thằng ngược mắt lên nhìn rồi nhảy lên xe chạy như ma đuổi. Chúng nó trực phi đạo nên khi tàu bay về, phải chạy lên để “bắt” tàu bay vào bến đậu. Nhưng chỉ thoáng một cái đã thấy chúng nó trở về.

- Ông phải về ngay để coi, không có chúng mày ăn gian. Một tuần lễ ăn sáng, đâu có phải là ít của...

Lúc này thì ông Lộc già đang bị “bao” dữ quá. Chẳng được sờ đến trái banh. Đang hòai gay cần mà. Ông già cứ loay hoay xoay tròn, định đỡ trái banh nhưng lại có thằng khác đỡ mất rồi. “Loanh quanh như chó làm chó”... Trông cái dáng ông già thật tức cười. Hai cái tay cứ giật lên rồi lại buông xuống vì banh cứ bị chúng nó đỡ mất.

- Lấy cái ghế cho ông già Lộc ngồi chơi...

- Đưa cho ông già Lộc tờ báo...

Chúng nó nói đùa, nói giỡn, chọc tức ông già Lộc... Ông già Lộc là trưởng trại cư xá độc thân.

Mà thật ra, ông không độc thân mà là góa vợ. Ông có con trai lớn học lớp sĩ quan Đà Lạt, có con gái học đệ nhị Gia-Long. Nhưng ông khoái cái lũ này thành ra ông gửi con cái vào trường và nhà người quen để vào đây, một mình chiếm một phòng. Trong phòng ông già Lộc, có ghế xa-lông, có giường, có tủ, có tranh treo trên tường. Có một điều đặc biệt là trên bàn ngủ lại có một cái điều hút thuốc lào.

Ông Lộc già đặt luật lệ cho cư xá. Trong tất cả các luật lệ thì chỉ có một cái luật lệ mà chúng nó đều không thích. Đó là **CẤM PHỤ NỮ Ở LẠI PHÒNG SAU MƯỜI GIỜ ĐÊM.**

Hồi đó, kỷ luật còn thả lỏng. Thiên hạ đi ra, đi vào căn cứ Không quân thật dễ dàng. Không có lời thô phiến phức gì hết.

Chỉ cần có một thằng dẫn vào, hay là quen ngoài điểm canh là tự do xuất nhập. Ở cái thời ấy, đất nước thanh bình quá. Cái Đài Phát Âm ở mãi tít tận trong cùng Căn Cứ, ở ngoài cổng có treo cái bảng vẽ sọ người với hai cái xương bắt chéo, kèm thêm hàng chữ "nguy hiểm chết người", mà mục chủ nợ vẫn vào được để đòi nợ thằng Dân. Miệng mục ta la lớn còn hơn mấy cái máy phát thanh. Thằng Dân phải năn nỉ bằng chết... Còn thằng trưởng đài thì lo thu dọn mấy cái máy vì chỉ sợ mục chủ nợ... mang đi, rồi bắt phải mang tiền đền chuộc.

Ông Lộc già làm trưởng trại cư xá độc thân, mà ông lại già khú đế, nên tất cả mọi người đều buồn... Chúng nó hay phao tin bậy về ông già Lộc để ông bỏ cái luật lệ khốn nạn kia đi. Có thằng dám nói là đã bắt quả tang ông già Lộc nắm tay bà giặt đồ... Lại có thằng quả quết thấy ông già Lộc "nhìn đăm đúi" cái con bé ngồi trong "công toa" bên Cầu Lạc Bộ. Toàn những mồm chó, vó ngựa... Ông già Lộc không thêm nổi giận.

Một buổi sáng, lúc mười giờ, có một thằng trốn việc về phòng, lúc đi qua phòng ông Lộc già, bắt gặp bóng dáng một nàng con gái. Mái tóc dài, khuôn mặt thật xinh và hiền hậu, phảng phất giống ông Lộc già.

Nàng đang ngồi đọc báo. Nó xông vào phòng hỏi ngay :

- Cô làm gì mà ngồi ở đây ?

Người con gái cuống quýt:

- Tôi là con ông Lộc...

Thằng này bay ngay ra ngoài xe, chạy lên sớ. Chỉ mấy phút sau là cả lũ kéo nhau đi về. Ngày hôm đó, cư xá độc thân đứng đần hần lên. Những thằng nghịch như quỷ sứ, ít khi nào mặc quần áo, mà hôm đó cũng mặc "pi-dam-ma" đàng hoàng... Cửa phòng ông già Lộc đóng chặt... Hai bố con rì rầm tới gần một giờ trưa rồi ông Lộc chờ con ra bến xe... Khi ông già Lộc về, tất cả lũ chúng nó bỏ cả ngủ trưa, xúm vào tán tụng.

- Thôi bố cho con làm rể bố đi...

- Bậy nào, nó còn đi học...

- Thì có chồng rồi vẫn đi học được mà...

Mỗi thằng nói một câu làm ông già Lộc bực mình lắm.

Chúng nó chuyền tay nhau cái điếu thuốc lào. Thằng nào cũng hút thử một điếu. Một gói thuốc của ông già Lộc hết veo...

- Đi, đi, chúng mày đi hết đi...

Ông Lộc già đẩy từng thằng một. Tiếng ồn ào rồi có tiếng đóng cửa rầm rầm... Người con gái lúc ấy ngồi trên xe, có biết đâu rằng lúc này bố mình đang bị hành tội, mà cái trọng tội chỉ là cái tội có con gái đẹp.

Những buổi tối trong cư xá thật vui... Nếu không sang Cầu Lạc Bộ nhậu thì xúm nhau vào tán nhảm. Chúng nó hay tụ họp ở phòng ông Lộc già. Ông Lộc già, tuy già nhưng hay bị chúng nó đánh lừa. Khi kiếm được một trò chơi gì mới, chúng nó lại bí mật bàn tán với nhau, rồi kéo vào phòng ông Lộc già. Chúng nó ngồi trên xa-lông, trên giường, ngồi cả xuống đất, nói chuyện về các em ngoài Đốc-Sỏi rồi đến cả việc bầu Tổng- thống

bên cái xứ Hoa-Kỳ. Ông Lộc cũng góp chuyện. Sau cùng, thằng Trọng, thằng làm việc ở Lầu-Gương, cái thằng lăm trò nhất, huênh hoang tuyên bố :

- Tao mới học được mấy câu thần chú... chỉ đọc lên, dùng ba ngón tay cũng có thể nâng bổng nổi ba người nằm lơ lửng trong không khí...

Câu chuyện khó tin như vậy mà ông Lộc già cứ gân cổ lên để cãi. Ông bắt nó phải thực hành cho kỳ được. Vài ba thằng tũm tĩm cười. Nó chọn lựa:

- Thằng Thắng nằm trước... Thằng Thuận nằm... lên trên. Phải xoay đầu đuôi lộn ngược lại với nhau .

Nó chọn hai thằng nặng và khỏe nhất. Rồi nó quay sang ông Lộc già:

- Ông muốn thử thì nằm với chúng nó .

Ông Lộc già bằng lòng. Thằng Trọng, khuôn mặt nghiêm trang, phun nước miếng vào hai bàn tay rồi bắt ấn... Nó đọc lầm rầm, nghe loáng thoáng có vài ba tiếng “bát-tô, luych-ky, cô-táp...”. Rồi nó hô lớn:

- Một... hai... ba.

Thằng Thuận ôm chặt phía trên và thằng Thắng ôm chặt phía dưới ông Lộc già. Hết cựa quậy với sức hai thằng phụ gạo... Cả lũ reo hò xúm lại lột quần ông già, lấy dầu cù là bôi vào khắp người ông già Lộc, bôi vào rốn, bôi đầy cả vào con chim... Mỗi thằng chỉ cần một ngón tay là đủ hết hai chai dầu cù là. Ông già Lộc chửi toáng lên. Nhưng không cựa quậy nổi ...

Sau khi để cho cả lũ rúc rích chạy hết về phòng đóng cửa, hai thằng nằm dưới mới “giải phóng” cho ông già và chạy ù té lên mái tận tít lầu ba...Chỉ còn lại tiếng chửi của ông già Lộc.

Tôi đã rời cái xứ chỉ toàn có đàn ông, đi lang thang khắp các căn cứ. Dù sao tôi vẫn không quên cái cư xá độc thân về với sông Đồng-Nai mênh mông, với hàng dừa đẹp cạnh nhà mát. Những kỷ niệm của cái tuổi từ hai mươi tới ba mươi, lúc nào cũng in vào lòng người như những vết hằn đậm nét...

Năm ngoái, tôi trở lại... Nhưng tất cả đã thay đổi hết rồi... Vườn cao su không còn nữa... Căn nhà lầu ba tầng không còn mặt nào quen thuộc. Đã gần mười năm rồi còn gì... Tất cả những kỷ niệm ngày xưa chỉ còn là một thời đã qua không có tiếng súng.

Tôi lại bỏ đi... Lúc ra vào cổng trại, tôi bị hỏi thẻ quân nhân...

## 5- BIẾT TỪ ĐÂU TỚI TỚI ĐÂU THÌ HẾT

*Lai như lưu thủy hề, thế như phong  
Bất tri hà xứ lai, hà sở chung*  
**Ma giáo kinh**

Mấy hôm nay, trời tự nhiên lành lạnh... Những thằng con trai đã được hưởng bốn mùa miền Bắc, kêu àm lên là nhớ Hà-Nội quá. Có nhiều thằng khi rời Hà-Nội, mới bé tí xíu, trí thông minh còn chưa ghi rõ được con đường Cổ-Ngự, cũng nhìn ra ngoài trời rồi làm thơ. Hình như có một tí ti mưa phùn, một vài giọt gió bắc, lòng hoài Bắc của con người như được dịp vùng dậy để làm dáng cho văn nghệ.

Tôi ngồi trong một cái quán đặc biệt Saigon. Cũng có một cô bán hàng, người chạt ních như muốn phá vỡ chiếc áo mỏng, ngồi lơ đãng đọc một tuần báo, chuyên viết về những mối tình của các cô đào cải lương. Bên tai vẫn văng vẳng tiếng ra-dô mở lớn hết cỡ ... Cái ồn ào của nhiều âm thanh pha trộn, đã không làm được lòng người lắng xuống để phẳng lặng một chút tương tư.

Ngồi cạnh tôi là một chàng ca sĩ về già. Tiếng ca của anh chàng, không còn làm cho những nàng Mị-Nương tân thời, ở lâu Tây thôn thức. Tôi hỏi hấn:

- Chuyện cơm áo bây giờ ra sao ?

Hấn chán nản :

- Bây giờ, tao ca cho Việt-Cộng nghe...

Trong một nơi đầy chất hỗn tạp, chung quanh có nhiều người làm đủ các thứ nghề, bắt buộc tôi phát câu hấn :

- Thôi mày, định đi ở áp hay sao mà ăn nói bậy bạ vậy?...

Hấn thản nhiên :

- Thì tao là ca sĩ chiêu hồi, tao không ca cho Việt-Cộng nghe hay sao? Mày thì lúc nào cũng sợ hãi. Ca sĩ chiêu hồi còn mong Việt-Cộng nó nghe. Nó mà không nghe thì còn biết chiêu hồi ai ?

Hấn đưa cả hai chân lên ghế, ngồi trong một tư thế bó gối chờ thời. Chỉ còn thiếu cái cần câu, là hấn đã thành một ông Lã-Vọng ngồi câu cá chờ công danh. Kết quả là công danh chẳng bao giờ tới.

- Hòa bình rồi mày sẽ làm gì ?...

Tự nhiên, hấn trở nên mơ mộng :

- Tao sẽ đưa các con tao về thăm quê nội. Quê tao ở miền Hà-Đông. Mày còn nhớ chiếc xe điện kêu leng keng đi qua mặt chúng mình, khi chúng mình ngồi uống cà phê Giảng ?.. Đó, chiếc xe điện đó đi về Hà- Đông đấy...



Rồi hấn say sưa kể lại về những kỷ niệm Hà-Đông với những miền nổi tiếng địa linh, nhân kiệt. Chùa Tràm âm-u với đường dài hun hút. Đường ngược lên Sơn-Tây, êm như câu thơ Trần-Quang-Dũng viết về em gái Ba-Vi.

Tôi mơ hồ nhắc lại :

- Về quê... Rồi một chiều anh về quê...

Từ sau cái chết của Phạm-Phú-Quốc, hai chữ về quê đã bị thiên hạ xuyên tạc. Về quê có nghĩa là đi một đường sơ-mi gỗ. Ồ, mày muốn về quê ? Tôi nghe vang đâu đây tiếng hát: *"Trời sinh ra ta, ta là cát, đời đưa ta đi, đi về đất"*. Tôi chưa muốn về quê. Tôi hãy còn yêu đời. Đi ngủ với giun, xét ra lúc này chưa cần thiết. Lúc nào thấy cần thì cũng nên làm một phát về quê. Như vậy có lẽ yên chuyện, khỏi phải ganh đua, khỏi phải lo lắng về những vấn đề công danh sự nghiệp.

Nhưng ít ra cũng phải làm một cái gì thì ra về mới thơ thới, hân hoan. Tôi gọi thêm hai chai la-đê, rồi hỏi :

- Tại sao mày phải đưa lũ con mày về thăm quê nội ?...

- Vì tao đau khổ khi nhìn thấy các con tao hát một bài dân ca, trong đó có câu : *"Trên con đê dài, vài ba con trâu cày"*... Tao phải hét tướng lên, lũ con tao mới chịu im, không hát nữa. Mày nghĩ coi, con đê ở miền Bắc chúng mình, đưa trâu lên trên đê để ăn cỏ còn bị cấm, sợ vết chân trâu làm lở đê. Vậy mà nó cho trâu cày trên con đê dài, thì chịu sao nổi!

Hấn rót bia ồng ộc vào trong ly để bọt sủi lên trắng xóa. Bọt trắng xóa gọi lên hình ảnh những con sóng bạc đầu mênh mông của sông Hồng, sông Luộc. Tiếng trống ngũ liên, tiếng mõ liên hồi trong những mùa nước lớn, khi đê bị lở, bị sạt. Những cảnh nhân mọc la đà dưới chân đê, những năm nào sai quả là y như nước lớn. Đã lâu rồi, chúng tôi đã gần như quên hẳn cái thảm cảnh nước lụt, vì sống ở nơi đây quanh năm chỉ có bia và nước đá.

Hấn hỏi tôi:

- Quê mày ở đâu?...

- Quê tao ở Thái-Bình.

Tôi có rất ít kỷ niệm về quê hương... Bây giờ, tôi chỉ nhớ lờ mờ cái huyện lỵ nhỏ xíu, nằm cạnh quốc lộ số 39. Có một điều vô duyên nhất là cái huyện đó không có một con sông nào chảy qua, mà tên huyện lại là Duyên-Hà. Nơi đây, chỉ có một điểm đặc biệt là sản xuất ra một ông sĩ phu kiêu ngạo vào bậc nhất lịch sử là ngài Lê-Quý-Đôn. Và bây giờ thì có... tôi. Còn ngoài ra, chẳng có gì đáng nói.

Có nên ghi vào đây một chuyện lạ của quê hương tôi hay không? Cảnh làng tôi là làng Kim-Sơn, Lập-Bái. Cả làng sống bằng nghề đi gắp phân. Việc hành nghề tổ truyền đó, coi như là bắt buộc cho tất cả dân làng, dù giàu hay nghèo. Mỗi người phải hành nghề ít nhất một năm.

Tôi vẫn còn nhớ hình ảnh của một người mặc áo tơi mưa, chống cái cặp tre, đứng ở đầu ruộng chờ lúc tôi đang hưởng cái thú thứ nhì sau cái thú làm quận công. Dù cho bao nhiêu năm qua đi trong đời, tôi vẫn không quên được câu đối huênh hoang, khoác lác mà một anh đồ nho đã tặng dân làng đó.

*” Thân đảm nhất hung y, trí thế gian chi đại sự ”  
“Thủ trì tam xích kiếm, thâm thiên hạ chi nhân tâm “.*

Hắn nghe kể tới đây, thì gật gù cái đầu :

- Hay! Hay thật!... Tả một anh gấp phân mà như thế thì tuyệt. Im để tao thử dịch xem nào. Thân mang một “trai-di “, biết chuyện lớn thế gian. Tay cầm ba thước kiếm, thu lòng người thiên hạ. Nhất rồi, thế thì nhất rồi. Quê của mày cũng đẹp đấy chứ. Nếu có hòa bình mày cũng nên đưa lũ con mày về thăm quê nội.

Tôi thở dài:

- Tao chẳng còn gì ở nơi ấy cả. Nếu còn tình hoài hương thì tao nhớ cả miền Bắc, nhớ như mỗi lần đọc ca dao .

Bên ngoài nắng lại lên rồi. Cái nóng lại như bốc hơi từ mặt đường nhựa. Ông trời chỉ cho người ta vài giờ lành lạnh trong một năm, để những thằng nhớ Bắc, kể cho nhau vài ba kỷ niệm. Hết còn không khí hoài hương, chúng tôi đứng dậy chia tay nhau.

Tôi trở về tòa soạn. Những cái bàn tro trên không người ngồi. Chỉ còn thui thủi ngồi trong góc nhà, có một mình thằng Hים. Hắn là thợ vẽ nhưng bây giờ lại nổi hứng, thích viết.

Như thế có nghĩa là hắn đã tung hê cái sở trường mà khư khư ôm giữ lấy cái sở đoản. Bắt đầu bước vào nghề viết văn, hắn viết phóng sự.

- Tao muốn đi vào con đường độc đáo, viết văn theo lối biền ngẫu, câu nào câu nấy đối chọi nhau chan chát. Như vậy may ra mới ăn khách. Thịnh thoảng thêm vài ba tiếng ôi, tiếng ô hô, cho có tính chất cổ . Tao đã học thuộc cả một quyển Tố-Tâm, đọc hết những bài văn “mẹ khuyên con lúc về nhà chồng”, của ông Lê-Quý-Đôn. Chuyện này, không chừng những thằng viết phóng sự ở cái đất nước này, thấy tao viết hay quá, sẽ giải nghệ hết...

Hắn lạc quan, viết một giòng chữ lớn : “Giang hồ lệ sử”. Và nắn nót, viết một câu thơ: “Giang hồ rượu ấy, còn pha lệ người”. Xong xuôi, hắn bắt đầu thiên phóng sự bằng hai chữ “than ôi”, và tịt mít, mặt nghệt ra như mặt ngỗng đi ị. Tôi đẩy một câu cho giòng văn hắn thêm dầu mỡ :

- Viết đi !... Than ôi! Mây tán, tuyết tiêu, hoa tàn, nguyệt khuyết!

Hắn mừng quá, viết thêm được tám chữ... Và giòng văn lại táo bón, cố gắng mới thêm được một câu : “Em ơi, sự sống chết tới như nước chảy, biến như gió bay, biết từ đâu tới biết tới đâu là hết”... Tôi chửi ngay :

- Sư mày, đây là bài ca của Ma giáo mà nàng Hân-Ly đã ca mê sáng trong gió biển.

Nó bưng tỉnh:

- Ủ nhỉ.

Rồi nó đặt bút xuống bàn nói chuyện về Cô Gái Đồ Long. Làng báo xứ này, có một thằng viết phơ-ơ-tông hay cáo lỗi nhiều nhứt mà các anh chủ báo cóc dám đũa,

cóc dám gọi người thay thế, mày có biết là ai không ? Đó là ông bạn Kim-Dung. Cáo lỗi là cứ tùm lum mấy thằng viết báo mình, tuy cáo lỗi nhiều nhưng đâu bằng xừ lủy.

Nếu vẽ Cô Gái Đồ Long có lẽ không gì tốt bằng mượn thằng Hĩm vẽ. Tên nó là Hĩm, thì chỉ cần vẽ mặt nó, là thành mặt Cô Gái Đồ Long.

Buổi trưa, nắng chiếu vào mái tôn vừa bắt cái nóng hừng hực vào căn phòng tòa soạn. Hai thằng làm một màn thoát y rất ngoạn mục, không cần khán giả. Bống giật mình vì có tiếng đẩy cửa bước vào. Tường là một “nữ độc giả thân mến”, không ngờ lại là một ông nhà văn lớn.

Nhà văn lớn thấy có tới hai người nơi tòa soạn nghĩa là cùng đã thuộc số nhiều, vội khoe ngay :

- Tao sắp in một cuốn sách cỡ nặng. Cần phải có một chân dung tác giả. Thằng Hĩm vẽ cho tao đi.

Rất ngoan ngoãn như một nàng dâu hầu hạ mẹ chồng, cu Hĩm lấy giấy bút ra, hí hoáy vẽ. Nó bắt thằng nhà văn lớn phải đứng im... Cứ hể định nhếch cười cho đẹp trai hay ra về khinh bạc của một người làm văn nghệ, là bị thằng Hĩm hăm thẳng ngay lại.

Trong mười lăm phút thằng Hĩm dơ ra tấm chân dung tác giả. Nhưng thay vì cái mặt đẹp trai, thì lại là cái đầu chó. Nhà văn lớn bèn chửi:

- Mẹ mày thằng đêu !

Tôi phụ họa ngay :

- Giống đấy chứ...Nó vẽ mày giống đấy chứ. Mày cứ thử soi gương, nhìn lại mặt mày coi.

Thằng Hĩm tổ thêm:

- Mày muốn có một tấm hình chân dung thì việc cóc gì phải mời tao vẽ... Cứ việc tới trước cổng một cái nhà nào lớn, gỡ tấm bảng sắt treo ngoài cổng, là mày có ngay một bức chân dung. Cứ mang đi làm bản kẽm, in ngay đầu cuốn sách là đủ rồi.

Thằng nhà văn lớn hằm hằm bước ra cửa. Sàn gác rung rinh dưới gót chân văn nghệ. Chúng tôi tiến đưa nó bằng một tràng cười hể hể. Lâu lắm mới vui được như hôm nay.

Đạo này, thời giờ của tôi thật trống rỗng, vô vị. Công việc viết lách đối với tôi lúc này, mệt nhọc như một công việc tạp dịch nặng. Không còn hứng thú đọc lại những hàng chữ mình viết. Muốn từ bỏ tất cả, chối bỏ tất cả những vương vীu quanh mình.

Những lúc thấy day dứt về vấn đề cơm áo, ngộp thở vì đuổi theo tiện nghi nơi thành phố, tôi lại xin được một chuyến công tác xa, thật xa... Thường thì tôi thích đi về miền Trung, vì nơi ấy gần giống quê hương tôi, nghèo nàn đói khổ. Thời tiết cũng giống như miền Bắc, có lá rụng mùa Thu, có mưa lạnh mùa Đông, và về Xuân cũng có những cảnh phơi phơi của tháng giêng, cỏ non...

Những lần đi miền Trung về tôi thấy yêu quê hương đất nước này hơn. Chuyến đi này tôi đi Đà-Nẵng, Quảng-Ngãi và Huế. Theo các biệt đội, làm vài ba chuyến tải

thương, chuyên chở đồng bào tị nạn CS từ những vùng hẻo lánh Quế-Sơn, Bồng-Sơn về Tam-Kỳ.

Tôi muốn ở lại miền Trung. Trời miền Trung, ngày tôi tới, chưa hết mùa hạ. Những cành hoa phượng tôi tả không còn giữ được màu đỏ ối làm nổi bật những tà áo trắng thướt tha in bóng nước sông Hàn, sông Hương. Trời nóng kỳ lạ làm tôi nhớ mùa hè Hà-Nội, thềm ngọn gió như thềm một món ăn ngon. Núi trùng điệp chặn tầm mắt tôi nhìn về phía chân trời. Núi ngăn gió từ Lào thổi qua. Núi ngăn gió từ biển thổi vào. Ngồi trên cao nhìn đồi núi chập chùng, tôi thấy đất miền Trung thật khô cằn, đến nỗi rừng cũng không mọc nổi những cây cao.

Tôi xin đi dự một phi vụ di tản đồng bào tị nạn. Hạ cánh xuống đồn Quế-Sơn heo hút. Hạ cánh thẳng đứng rồi cất cánh thẳng đứng, không dám lượn vòng, sợ trúng đạn từ dưới bắn lên. Tại tôi ù đi, nhìn bàn tay của anh xạ thủ, cho đạn vào nòng cây đại liên, kéo cò súng, mà không nghe thấy tiếng lách cách của viên đạn lên nòng. Một đám mặc áo đen, nổi bật trên màu vàng cỏ úa. Tôi kéo tay từng người lên. Có những bà cụ già, lên tới phi cơ là nằm dài xuống sàn sắt lạnh, có những em nhỏ, bàn tay mềm nhũn, chân khăng khiu, mắt ngây dại nhìn chúng tôi. Những chiếc áo rách, bạc trắng như muối ở lưng, ở bả vai, những chiếc quần mặc cốt chỉ để che đậy. Cánh quạt quay nhanh, gió lùa vào thân tàu thật nhiều, nhưng vẫn thấy nặng mùi. Một đứa trẻ nít đá ra ghế... Đứa chị nó, chỉ chừng 8 tuổi, ôm chặt lấy em, nhìn tôi sợ hãi. Tôi cố gượng mỉm cười nói lớn vào tai cháu : đừng có sợ, cháu !... không có sao ! Tàu bay này là của cháu mà. Đứa nhỏ nhìn tôi, cũng mỉm cười.

Rời bỏ thành phố lúc này, tôi mới biết mình vẫn còn là kẻ sung sướng... Ở thành phố, tôi thấy khổ sở, thiếu nhiều tiện nghi cho đời sống, là vì tôi để ý quá nhiều đến tiện nghi... Những người trước mặt tôi đây, có lẽ coi những tiện nghi thành phố như những chuyện thần thoại, chỉ có ở trong những chuyện cổ tích : có ông trời, có bà tiên cầm chiếc đũa thần... Một bà già méo máo định nhảy xuống tàu bay vì thấy mấy chiếc nôi, mấy chiếc chổi cùn chưa được mang lên. Tôi chặn ngay tay vào thành cửa, vẫy mấy người lính đứng gần đó, chỉ vào cái đồng hồ đặc ấy ra hiệu để quãng lên phi cơ... Bà cụ già móm mém cười tươi ngay được... Lòng người dân nước tôi thật dễ dãi chất phác, gần như ngây thơ. Tôi hỏi một đứa nhỏ:

- Ngày cháu ăn mấy bữa cơm?

- Dạ, con ăn hai bữa.

Tôi lại hỏi thêm :

- Con ăn cơm với gì?

- Dạ, con ăn cơm với gạo.

Tôi vụt bàng hoàng. Ăn cơm với gạo ? ... Ăn cơm với gạo? ... Tiếng nói từ chiếc miệng xinh xắn hồn nhiên, vụt mang tới tôi một chút xót xa và nao nao trong dạ. Tàu bay chợt nhấc bổng lên, tiếng động cơ ầm ầm. Tôi nhìn xuống để quên đi câu chuyện cháu nhỏ, và chút xót thương quê hương làm than, đói khổ. Vẫn còn một người áo đen, rưng rưng nước mắt nhìn lên, vì tưởng bị chúng tôi bỏ rơi. Những chuyến đầu, chúng tôi cho đàn bà những người già và con nít đi trước.

Buổi sáng ngày hôm ấy, trời đầy sương mù. Anh xạ thủ lại lên cò súng. Tôi đóng bớt chiếc cửa để gió bớt lùa vào thân tàu. Chúng tôi bay về Tam-Kỳ.

Ngồi trong chiếc trực thăng đảo như múa lân để tránh đạn, tôi cứ băng khuâng nghĩ về những con người thành phố, có bao giờ được nghe những tiếng khóc, nhìn những người vợ trẻ, những đứa con thơ ôm lấy những tấm xác đẫm máu của cha, của chồng, không muốn rời ra. Những đứa trẻ thơ “ăn cơm với gạo”. Còn nhiều, nhiều nữa. Tôi làm sao mà kể hết được những cái thê thảm của chiến tranh.

Những ngày ở Huế tôi đi chơi với Trịnh-Công-Sơn, tới dự những buổi sinh hoạt văn nghệ của sinh viên. Giữa tiếng hát thê thiết, tiếng ngâm thơ kéo dài buồn thảm, tôi hỏi một anh sinh viên :

- Sắp khai trường, chắc anh về Saigon để tiếp tục học ?.

Anh sinh viên lắc đầu :

- Tôi không thể bỏ được Huế. Tôi ở lại đây, chờ tới khi trường Đại Học Huế mở cửa lại. Tôi ở lại đây, để thương yêu quê hương, đất nước này luôn. Tôi sinh ra ở miền Trung thì chết cũng phải ở miền Trung.

Quê hương, hai tiếng này tôi nghe văng vẳng ở khắp mọi nơi. Từ thành phố về tới nơi đây. Tiếng hát của Trịnh-Công-Sơn “một ngàn năm nô lệ người Tàu, một trăm năm nô lệ người Tây, hai mươi năm nội chiến...” Có phải quê hương tôi đấy hay không?..

Thành phố Huế chưa lấy lại được phong độ của một cố đô cổ kính. Cái trầm lặng như trầm lặng hơn. Cầu Tràng-Tiền gãy hai nhịp đang thời kỳ tái thiết. Tôi hỏi một người dân xứ Huế :

- Thưa ông, xứ này đã khôi phục được mấy phần?

- Được chừng một nửa...

Tôi thấy người dân xứ Huế như ngỡ ngàng... Chợ Đông-Ba thêm nhiều người ăn xin mặc áo dài.

Chỉ còn có lò bún Huế là vẫn còn giữ được chất ngọt, chất cay. Cái vắng lặng của sân bay Thành-Nội làm tôi nghĩ tới những khoảng đất không còn nước, ngàn đời chẳng thể nở hoa.

Tôi cứ đi sâu vào lòng quê hương, qua nhánh sông của sông Hương, hình như sông Bao-Vinh thì phải, một bên bờ có lũy tre, có đền chùa uy nghiêm, một bên bờ thì nhộn nhịp ngựa xe dập dìu. Từ bên bờ Huỳnh-Thúc-Kháng nhìn qua sông, thấy những người con gái ngồi giặt quần áo mà tưởng như những nàng con gái giặt lụa bên Trữ-La thôn.

Buổi tối, tôi nằm dưới đò... Tôi muốn đi tìm một quê hương miền Bắc ở miền Trung mà không thấy quê hương. Hỏa châu vây chung quanh tôi. Tôi nằm nhìn trời, thấy trời như ít đi những vì sao. Không có một không khí của Tỳ-bà-hành, nên thuyền trắng giải nước trôi lạnh lùng. Chỉ thấy vương vào không khí rất nhiều hương chiến tranh.

Tất cả nằm im, ngủ kỹ, như sáu ngôi mộ nằm trên bến Phú-Vân-Lâu. Tôi nằm sắp xuống sạp thuyền, ngó lục bình trôi... Ngày mai, tôi về Saigon.

Thằng Hĩm thì thảo bên tai tôi:

- Sắp Tết rồi đấy, mày ạ...

Tự nhiên tôi đâm cáu kỉnh:

- Tết thì Tết chứ ăn nhậu gì?... Mày làm như từ nhỏ tới giờ, mày chưa biết cái Tết là cái gì.

- Tao đang chán nản. Hồi này, đứa con gái lớn của tao đã biết mặc xì-líp, xú-cheng. Bữa qua, mẹ nó mua cho nó một cuộn băng vệ sinh. Chả mấy lúc mà thành ông ngoại, trong lúc đó nhìn ngày tháng qua đi mà chẳng làm được...mẹ gì.

Tôi biết làm sao an ủi nó. Thời gian biết nó từ đâu tới, biết nó tới đâu là hết. Thì thôi, cứ chờ ngày nào “về quê”, lúc đó hẳn hay. Còn bây giờ, cứ biết sống được ngày hôm nay đã...

## 6. MẶT TRỜI Ở XA

Trong một thuở xa xưa, người lính tàu bay đã được đặt tên là người lính hào hoa... Ngay từ khi có cái tên đó, tôi đã không đồng ý. Bạn bè ở Không Quân của tôi thiệt là nhiều... Có những người còn ít tuổi. Có những người ở lứa tuổi tôi và hơn tuổi tôi. Tôi đã cố tìm một ít chất hào hoa trong con người, những người sống chung quanh tôi, mà thú thực rằng tìm không nổi.

Thằng bạn rất thân của tôi là thằng pi-lót Thái-Bình. Cái tên này quen thuộc lắm.

Làm tới chức quan ba tàu bay, mà trong túi ít khi nào có tới hai chục ngàn đồng bạc. Có một lần nó hỏi tôi :

- Làm thế nào để biết được một thằng giàu hay nghèo ?...

Tôi trả lời :

- Có khó gì đâu. Một thằng giàu là một thằng không thèm tới phòng lĩnh lương lúc đông khách. Chờ cho khi nào thật vắng khách, thằng phát tiền ngồi cứ vêu mồm ra, lúc đó mới lò dò vác cái bản mặt tới... Mày muốn tỏ ra rằng giàu có, thì chịu khó đợi tới mừng ba, mừng bốn, hãy tới phòng lương.

Nghe được lời giải thích, pi-lót Thái- Bình mừng lắm. Nó nhất định lĩnh lương vào những ngày phòng lương ế khách. Nhưng thâm làm sao, ngày hăm hai, hăm ba, đã thấy mặt nó ở phòng lương ế khách. Mà chỉ là vì khách không dám tới. Nó đành đi một đường con cá nó sống vì nước. Được cái ông sĩ quan phát ngân vốn là bạn quen nên cũng không làm khó dễ, chỉ thông một câu nghe thật náo nức :

- Tiền này là tiền quỹ vãng phần đấy, ông nhé. Xin ông đừng phát thanh âm lên, thiên hạ kéo cả xuống đây thì tôi vỡ nợ...

Thằng Thái-Bình rất ư là kín tiếng. Còn làm ăn về lâu, về dài mà. Làm dưới quyền nó có rất nhiều thằng rất giàu. Ở đời có rất nhiều cách làm giàu : Kể cả vương đạo và bá đạo. Có nhiều khi nó từ chối những công việc có thể hái ra tiền. Tôi có hỏi nó tại sao, thì nó nhún vai :

- Tao là sĩ quan, tao không thể lem nhem...

Tôi không thể nào cãi lý được với nó. Thằng này là thằng rất thuộc Cổ Học Tinh Hoa, nếu tôi đọc câu “thiên hạ đục cả, tội gì một mình ta trong” thì nó sẽ nói ngay, câu đó ở trong bài nào, trang nào, giòng thứ mấy... Mong ước của nó thật khiêm tốn.

Chỉ mong có một cái cửa hàng nho nhỏ để cho vợ trông coi, mấy đứa con gái lớn học buôn, học bán. Nếu mình “về quê” thì vợ mình cũng có thể nuôi mấy đứa con học hành cho đỡ được cái tú tài. Chỉ có vậy thôi... Nó lại lên giọng đồ cổ :

- Ngày xưa, lúc thầy Nhan-Hồi đi làm quan, có tới hỏi đức Khổng-Tử, xin vài điều dạy bảo. Đức Khổng-Tử chỉ dạy cho một chữ “nhẫn”. Nhẫn là nhịn. Cái gì cũng nhịn và nhịn... Mà hiểu tao định nói gì không?

Tôi muốn trả lời nó là tôi chẳng hiểu cái con mẹ gì cả. Nhẫn là nhịn... Ô-Kê (Salem) có thể nhịn được tất cả, trừ nhịn... đói.

Tôi xa thằng pi-lót Thái-Bình đã mấy năm nay, nên bây giờ chỉ còn nhớ rất bàng bạc, vóc dáng con người nó khi ca tụng Tào-Tháo của thời Tam-quốc. Biết thế nào là đủ ?

Con người ta, chỉ khổ vì không “tri túc”. Đã được Lũng còn muốn nuốt cả Thục nữa ư ? Bất khả, bất khả ! Pi-lót Thái-Bình ơi! Tao mong rằng mây vẫn trong sạch, dù mây ở Đà-Nẵng, nơi mà người ta tung ra hàng nắm đô-la để lấy lòng người. Con người ta chỉ có thể Khổng-Tử tới một mức nào thôi.

Tôi nhận thấy, phần đông lính đều nghèo. Tôi là một người viết về chuyện tàu bay. Tôi cố ghi những cảm giác thật chân thành, không bao giờ tự cho mình là kẻ đứng ngoài lề. Trong đám đông lũ người xúm lại chung quanh chiếc tàu bay trong đó có tôi, tôi nhìn chỉ thấy những khuôn mặt quen thuộc. Những người đó đối xử với nhau thân mật như trong một gia đình.

Những ngày đi lang thang khắp các Không đoàn để bắt một vài hình ảnh lạ, một niềm cảm xúc mới, tôi đã được các bạn già nhắc rất nhiều đến những tiếng nghèo, đói, khổ. Mà nghèo hơn, đói hơn, khổ hơn, là những người lính sống ở Biệt đội. Một người bạn già đã trách tôi :

- Không bao giờ tao thấy mày viết về Biệt đội. Phải sống ở Biệt đội mới cảm thấy thấm thía những vui, buồn, tủi nhục của những thằng lính tàu bay.

Lần đầu tiên nghe thấy hai tiếng Biệt đội, tôi đã thật ngỡ ngàng. Tôi tưởng rằng cái quân chủng hào hoa của tôi chỉ có Không đoàn, Phi đoàn hay những phòng, sở nhưng những khác, không ngờ lại còn có Biệt đội.

Gần hai chục năm mặc quần áo lính, ăn cơm nhà binh đến gãy cả mấy cái răng, mà ngây thơ như những kẻ vừa ra khỏi ngưỡng cửa quân trường. Tôi tự sỉ vả tôi rất nhiều. Rất may là không nói ra mồm, chứ tôi cứ lải nhải chửi tôi, chắc là thiên hạ cho rằng tôi phát điên.

- Mày chưa bao giờ nghe nói tới Biệt đội? Thì cũng chỉ mới khai sinh ra nó chừng vài năm nay. Chỉ tại vì các vùng chiến thuật thì lớn quá mà các Không đoàn thì ở xa không thể can thiệp vào chiến trường. Ôi buồn thay là cái đời lính tàu bay Biệt đội.

Tới những nơi khỉ ho, cò gáy, buồn cả đến lỗ chân lông, để chờ đợi lệnh của ông chỉ huy vùng đó. Khi có lệnh là bay lên ngay để làm yên tâm các chiến sĩ ở dưới đất. Nhưng công tác không phải chỉ có vậy đâu....

Thằng bạn già của tôi còn kể nhiều nữa, nhưng chẳng dám viết ra đây. Cuộc đời những thằng lính hào hoa mà như thế hay sao ?

Tôi nhếch miệng cười, gật gù cái đầu, nhưng trong lòng đang chửi : Bố anh! Chỉ được cái tô màu, phụ đề chữ Việt. Thời này đâu còn các quan thái thú, toàn quyền mà diễn cái màn đi cả trăm cây số để về nhà lấy cho quan cái áo lạnh. Tôi bèn làm một phát phỏng vấn:

- Mà thấy cái Biệt đội quái quỷ ấy có cần không ? Nếu không cần, thì nói với các anh lớn giải tán quách đi.

Nó lắc đầu một cách dữ dội :

- Đâu có được ! Cần lắm chứ. Nếu không cần thì chúng tao đã thoát khỏi được cái kiếp đi đây. Mà đã ở Cheo-Reo bao giờ chưa? Ban đêm, nghe chim kêu, vượn hót mà tưởng mình là lính thú đời xưa, “ngang lưng thì thắt bao vàng”. Có nhiều thằng lấy vợ ở nơi biệt phái, vì nó ở đơn vị biệt phái nhiều hơn là đơn vị. Nói chung những nơi biệt phái đều buồn, buồn lắm. Tất cả mọi chuyện phó thác cho mấy ông bạn lục quân. Thương thì nhờ, mà ghét thì chịu. Nói ra thì nhiều chuyện đáng được ghi vào cuốn “ Biệt đội lệ sử”.

Tôi nghĩ rằng ai có thể ghét được người lính tàu bay, còn có cái mỹ danh là người lính hào hoa. Nhưng ở trên cõi đời nhặng nhô này, làm sao tránh cho tất cả mọi người không ghét. Tôi đã ghi vào trong cuốn tạp ký, rất nhiều câu chuyện. Chuyện giận, hờn, yêu, ghét đầy rẫy trên trang giấy mà nét mực ghi vội, lem nhem, khó đọc. Tôi lần giở một trang.

Ánh hỏa châu bùng lên. Một tiếng nổ nhỏ rồi không gian nhuộm một màu vàng bệnh. Nằm ngoài hiên, tôi đọc được cả hàng chữ nhỏ của tờ báo cũ, dán trên vách ván. Giờ giới nghiêm sớm, tiếng xe cộ vắng từ lâu. Im lặng đến nỗi tôi nghe thấy cả tiếng dội nước trong phòng tắm của cô hàng xóm. Và cũng bên cạnh đó, là phòng của một cặp vợ chồng đi ngủ sớm. Tiếng đối thoại thật nhỏ nhưng vẫn chui được vào đêm :

- Kỳ quá anh. Trời sáng, thấy nó kỳ quá !

- Khuya rồi mà. Em không thấy giới nghiêm rồi sao ?

- Không, em nói là hỏa châu sáng thế, lẽ ai nhìn thấy... đợi tắt hỏa châu đã.

Hỏa châu lơ lửng, lảng đảng trôi, vẽ trên nền trời một vệt khói uốn éo... Đột nhiên tắt ngấm, trả lại màu đen cho bóng đêm. Tiếng chiếc giường chuyển động. Tôi mỉm cười nhìn theo hai chiếc đèn xanh đỏ của chiếc phi cơ chớp, tắt lượn vòng... Rồi một tiếng nổ bụp nhỏ ở lưng trời. Ánh sáng vàng lại trùm lấy không gian. Lại có mẩu đối thoại trong căn phòng hẹp :

- Thôi anh, còn sáng hơn hồi nãy nữa !..

- Bố chúng nó, làm gì mà thả cả hai ba trái một lượt ?



Tôi muốn cười lên thành tiếng. Cách đây ít lâu có thằng bạn đã khoe với tôi rằng nó đã nghĩ được một phương pháp giản tiện, làm một đường rầy xe lửa trong lòng phi cơ để thả hỏa châu, có thể thả được tới bốn trái cùng một lúc. Ngày mai tôi sẽ kiểm nó, kể cho nó nghe câu chuyện này... Cứ chờ đợi, hỏa châu tắt, rồi lại bùng sáng. Sự dẫn co suốt đêm làm mệt nhoài con người. Tôi nghe thấy cả một câu chửi bâng quơ :

- Mẹ mấy thằng phi công. Giờ này không đi ngủ cho sưng mắt, còn cứ bay mà thả hỏa châu, làm người ta chẳng làm ăn được cái mẹ gì...

Tôi gấp cuốn tạp ký lại và tự nghĩ, làm cho tất cả bàn dân thiên hạ yêu mình, quả thực là một chuyện khó. Và sau một phút bốc đồng, tôi cầm một chiếc bàn chải đánh răng vào túi quần sau, lên đường theo Biệt đội.

Tôi muốn viết rất nhiều về các phi hành đoàn trực thăng. Người phi công vận tải lịch lãm, giàu có, người phi công khu trục oai hùng. Còn người phi công trực thăng phải làm cả hai chuyện vận tải và tác chiến, lại không có được sự giàu có, sự kiêu hùng của một phi công vận tải và khu trục. Cái bạc bèo đối với "người" nó là như vậy. Đã thế những Biệt đội thường chỉ là những phi hành đoàn trực thăng, đầy tính chất đa dụng.

Cuộc chiến ở cái xứ sở nhỏ bé của tôi cứ kéo dài lê thê. Tôi tò mò đứng ngắm người cơ khí viên đang dán lại thân tàu, những vết đạn thủng lỗ chỗ, đầy trên đầu Hồng Thập Tự. Không hiểu những người dưới đất vô tình hay cố ý, bắn lên những con én tạo mùa xuân chiến trường.

Người xạ thủ đang lau dầu khẩu đại liên gắn ở cửa phi cơ. Tôi hỏi :

- Phi cơ tải thương thì gắn súng làm gì ? Tôi tưởng rằng mình làm những công tác cứu người, thì ít nhất mình cũng không nên để cái dụng cụ giết người ở bên cạnh.

Người xạ thủ nhắm một mắt, dơ nòng súng lên trời ngắm nghĩa rồi hạ xuống, buông một tiếng thở dài :

- Nhưng những đối thủ của mình, chúng nó có chịu hiểu như vậy đâu. Dẹp một bãi đáp để tải thương, cũng đầy gay go, nguy hiểm như dẹp một bãi đáp để đổ quân. Chúng tôi cần tranh thủ thời gian để cứu mạng các chiến hữu. Không thể chờ được chiến trường kết thúc. Anh đừng lấy làm lạ với khẩu đại liên trên chiếc phi cơ tải thương.

Tôi muốn trả lời anh rằng, với cuộc chiến tranh này, chẳng có gì lạ. Ngày Tết, biết bao nhiêu gia đình dùng vỏ đạn đại bác để làm bình cắm hoa. Nhìn cành hoa mai cắm trong vỏ đạn đại bác, giữa hương trầm nghi ngút khói thì cũng như nhìn những vết đạn bắn nát đầu thập đở nằm nghênh ngang chiếm một nửa thân tàu.

Tôi ngồi xuống chiếc bánh xe. Bóng chiếc cánh quạt cong cong, nặng chĩu, đè trên đầu tôi...Phi trường thành nội vắng. Biệt đội nằm đây, chỉ ngồi chờ công tác cũng đủ dài cả người ra. Chiếc phi cơ này vừa thi hành một công tác nặng mùi... Một độn heo lách heo hút bị tấn công đã ba hôm. Người sĩ quan đồn trưởng đã chết. Tàu bay phải tới hạ cánh để lấy xác về. Không một ai từ chối... bay tít trên cao, nhìn những đám khói nhỏ ở trong đồn ngoài đồn, bên phải, bên trái. Những bóng người xuất hiện, thoáng thấy rồi thoáng mất. Sau một cái gạt đầu, chiếc trực thăng ào xuống như một tảng đá rơi. Nhưng cũng không kịp. Đạn lửa bay vi vút quanh thân tàu. Từng cụm khói

nổ bùng chói tai, ngay ngang tầm mắt, bên trên, bên dưới. Người phi công chính lắc đầu. Xuống là chết. Chiếc phi cơ rú lên và bay vọt lên cao..

Lại thử vài ba lần nữa. Thân tàu rùng mình, trúng đạn, lảo đảo như một chiếc rỗ tre khô trong cơn gió lốc. Và hai người nhìn nhau, lắc đầu. Lại mang tàu bay về.

Ông chỉ huy vùng nói mát mẽ :

- Chắc các ông sợ nên không dám xuống chứ gì ?

Người phi công trực thăng nói bằng một giọng chán nản, mệt mỏi :

- Tôi đã thử tới ba lần. Dù nhìn thấy bãi đáp ngồn ngang đầy giầy kẽm gai, trong đống lổn nhổn gạch đá, tôi cũng nhất định đáp xuống. Nhưng đạn bắn dữ quá. Chúng tôi đi lấy xác người, sợ rằng lại phải có người đi lấy xác chúng tôi. Nhưng dù sao, ngày mai, chúng tôi cũng trở lại.

Ba ngày đi rồi ba ngày trở lại với thân tàu trống rỗng. Tới ngày thứ tư, đống mới im tiếng súng, chiếc trực thăng mới hạ cánh xuống giữa cảnh hoang tàn, đổ nát. Sau khi trình bày công tác, người đồn phó bùi ngùi :

- Ở đây không có an ninh. Các ông bay đi đâu chơi đi, rồi chừng một giờ sau trở lại. Chúng tôi sửa soạn, sẵn sàng để lúc các ông trở lại, có thể cất cánh ngay được.

Chiếc trực thăng bay đi, quan sát một vòng khu cây cỏ xác xơ. Đúng một giờ, bay trở lại. Xác ông đồn trưởng được bọc trong một tấm Poncho. Mùi thối bay lên kinh tởm. Những người trong phi hành đoàn rút chiếc khăn quàng, quấn chặt lấy mồm lấy mũi mà vẫn thấy một mùi khó tả. Chiếc băng-ca để vào thân tàu. Người cơ khí viên phi hành tháo vội những tấm kính để gió lùa vào thân tàu thật nhiều. Thì ra người trong đồn, tưởng rằng trực thăng không tới đã mang chôn. Nhưng rồi trực thăng lại tới nên phải đào lên bọc lại mang đi. Xác chết đã mấy ngày nằm trong lòng đất, được đưa lên khỏi lòng đất, rồi lại trở về lòng đất...

Anh Đại úy Châu cười nửa miệng:

- Anh chưa thấy cái cảnh vừa lái tàu bay, vừa thò đầu ra ngoài cửa sổ, chịu đựng gió thổi để khỏi người thấy mùi người chết. Về đến nhà, tắm hết cả một bồn xà-bông mà vẫn cứ thấy vương vương mùi tử khí. Thật là một công tác rất... nặng mùi.

Chỉ cần vài ba mẫu chuyện, tôi đã hiểu tâm sự những con người sống ngoài Biệt đội. Sự chết chóc còn tiếp diễn trên đất nước này, ngày này qua tháng khác, để rồi ngay cả những người còn sống, cũng không hiểu rằng mình còn sống hay đã chết.

- Chỉ là một thay đổi danh từ. Nếu chữ chết đổi thành chữ sống thì những hành khách nằm trong thân tàu mà tôi chuyên chở là những người sống. Còn tôi, tôi đang ngồi lái tàu bay đây, chỉ là một người chết...

Buổi trưa, tôi ăn cơm với hai phi hành đoàn trực thăng. Ở Huế, chỉ có những bữa cơm đạm bạc. Ấy vậy mà cũng phải trả tới một trăm đồng cho một người. Tôi nổi hứng mời mỗi người hai chai bằm ba... Và tôi thấy túi tiền như nhẹ hẳn đi.

Lúc ăn uống xong, bao giờ lòng người cũng thoải mái. Tôi hỏi mấy anh, tại sao không ra ngoài thành phố ăn cơm. Ăn ở chỗ gần phi trường tuy rằng không phải đi xa, nhưng không thỏa mãn cái dạ dày. Thăng chuẩn úy già tên Sinh, cơ khí viên phi hành, chỉ ngay vào mặt tôi :

- Tại chúng mày đó...

Tôi ngạc nhiên:

- Tại sao lại tại chúng tao ?...

- Thì có một thằng nhà báo nào đó, đã viết một bài với đầu đề là " có phi mà không có pháo ", nói rằng ở Biệt đội Tây- Ninh lúc có tàu bay khu trục thì kiếm mãi, không thấy ông phi công quan sát. Tàu bay không có chỉ điểm, đành vác bom về không. Nó viết bài đó, làm các anh lớn ra lệnh, là đi ăn cơm hay đi đâu phải báo ngay cho nơi phụ trách hành quân biết mà không được đi xa phi trường.

Tôi nhớ ra rồi... Bài "có phi mà không có pháo ", tác giả là nhà báo hội đồng xã Thanh-Chiêu. Thằng đó, chính là ngày tôi đi Biệt đội, nó cứ năn nỉ đòi đi theo. Tôi lên tòa báo nó làm việc kiếm nó. Nhưng các ông phụ trách quảng cáo, ngồi ở ngoài cửa ra vào, chặn ngay tôi lại. Có người quay tô-lô-phôn kêu cảnh sát quận nhì.

Từ ngày cái tòa báo được thân tặng một hộp bánh bích-quy, nhãn hiệu Tô-En-Tê và thằng cầm tờ thân tặng đã được ăn kẹo, thì tòa báo đó phòng thủ còn kỹ hơn một trại lính...Thấy kêu cảnh sát, tôi sợ quá, phú lĩnh ngay. May cho tôi. Và may cho cả thằng Thanh-Chiêu. Nếu mà hôm nay nó ngồi đây, chắc chắn là nó sẽ ăn bảy cái đá dít. Không chừng tôi cũng đứng về phe anh em, tặng thêm nó một cái đá dít nữa là tám cái.

Một phi đội trực thăng biệt phái, gồm có hai chiếc trực thăng và bảy người trong phi hành đoàn. Bốn phi công, hai cơ khí viên phi hành và một y tá phi hành. Chỉ có như vậy mà nhiều khi họ lang thang ra ngoài Bắc vĩ tuyến.

Tôi nói với Chuẩn úy Sinh ;

- Biệt đội mà ở Huế thì nhất rồi...

Chàng lính già này phản đối ngay :

- Mày không thấy chúng tao viết tên Biệt đội này lên tường à? Biệt đội này là Biệt đội chờ chết. Sân bay thành nội bị pháo kích không kể giờ giấc. Mà mày thấy cái hầm trú ẩn đấy, vừa bé bằng cái cầu tiêu. Muốn đi vào phải xếp hàng. Tới lượt mình chui được vào hầm thì đã hết mẹ nó pháo kích rồi.

Những thằng lính già thường có những nhận xét rất lảm cẩm. Những nàng con gái Huế áo dài trắng tha thướt, đôi guốc không trầy một chút sơn, chỉ có cái bề ngoài ngà ngọc. Về đến nhà là cất ngay đôi guốc dùng để đi ngoài phố. Đôi guốc đi trong nhà là một đôi guốc xấu xí, dưới đế còn đóng thêm hai ba miếng cao su cho lâu mòn.

- Những ngày chủ nhật, mày ra thành phố Huế, mày sẽ thấy những cuộc thi chạy bộ, thi bơi thuyền. Đường thì bụi mù, mà những chàng lực sĩ chân ống sậy, cứ cố bò lê về tới đích. Hít bụi đến rụng hai lá phổi, mà giải thưởng chỉ là vài ba thước vải, một lá cờ hay nhiều khi chỉ là tấm huy chương đáng giá vài chục đồng bạc.

Chuẩn úy Sinh nói chuyện về Huế thì không có gì hấp dẫn. Ôi, cái buồn của thành phố này về mùa mưa thì thật như dứt ở người ra từng sợi lông, từng sợi tóc. Mở đầu bài thơ Nguyễn-Bính : " Trời mưa ở Huế sao buồn thế, cứ kéo dài ra đến mấy ngày..." Rồi những tình khúc của Trịnh-Công-Sơn, nói đến cái mưa dài lê thê và những mối tình ở Huế, bàng hạc, mơ hồ như vang bóng một thời, như một chút "Diễm Xưa".

Một chiếc xe thẳng lại ngoài cửa, một giọng vang lên :

- Mời các ông về đi bay.

Chiếc trực thăng xoay mình, nhấc bổng lên bay là đà trên các mái nhà thành phố, vượt qua sông Hương rồi đậu trên một bãi cỏ trống khu Nhà thờ. Hôm nay, chỉ có một công tác buồn nản. Chở một ông linh mục và mấy cô y tá của giòng Thánh Đa-Minh tới một xóm đạo chủng đậu và chích ngừa.

Xóm đạo nằm ven biển, cạnh một cồn cát dài trắng xóa. Những cây thông còn nhỏ, nhú lên khỏi cát. Mái nhà tôn lấp lánh ánh nắng xế trưa. Những bóng người nhỏ xíu chạy túa ra những thửa ruộng khô chưa được cày vỡ đất. Phi cơ hạ cánh đằng sau xóm đạo. Tắt máy, vừa nhảy xuống thì thẳng cơ khí viên phi hành la lớn :

- Mìn, mìn nhiều quá chúng mày ơi!

Thì ra dân làng này cũng đầy chất nghệ sĩ, cũng hiểu được cái thú thú nhì sau cái thú làm quận công. Thứ nhứt quận công, thứ nhì ì đồng. Chỉ khổ chúng tôi, phải mang theo vài ba kỷ niệm, vương dưới gót giày.

Lũ con nít xúm quanh chiếc tàu bay dứt thử một vài sợi dây lòng thòng, cầm đá chọi vào thành sắt lục cục. Ông trưởng phi cơ là anh quan ba Châu, đau lòng quá. Anh rút ngay dao ra, hoa lên một đường sơn đồng mãi vỡ, kèm theo một lời hăm dọa :

- Thằng nào mà phá tàu bay thì tao cắt chim...

Lũ con nít đâu có sợ. Vì cái vẻ mặt của anh quan ba tàu bay này, ít khi nào giữ được nghiêm trọng. Đã một lần có một thằng nhỏ ở quận lý, đã bỏ một cục đá nhỏ vào ổ máy cánh quạt đuôi, làm phi hành đoàn xính vính. Rất may lần này có một người lính địa phương tới, xin quá giang về Huế. Anh quan ba Châu mừng quá :

- Đồng ý... rất đồng ý, với điều kiện là chú mày phải canh gác tàu bay cho tới khi cất cánh. Không được cho con nít nghịch tàu bay.

Anh lính địa phương dạ một tiếng rồi tới bụi tre gần đó, bẻ một cây roi. Rồi dùng cây roi đó làm khí giới, anh quạt vun vút vào không khí, lên đầu, lên lưng lũ con nít tò mò. Lũ người phi hành đoàn thanh thoi ngồi trên bờ cỏ, lẽ dĩ nhiên là phải quan sát thật kỹ để tránh mìn. Anh quan ba Châu gật gù cái đầu :

- Chính quyền địa phương làm được việc thật.

Sống ở Biệt đội, một tuần lễ, tôi đã thấy chán ngấy. Chỉ vui vào những buổi chiều nhìn thiên hạ giành giật, năn nỉ để xin đi máy bay về Đà-Nẵng. Một màn hoạt cảnh làm lơ xe đồ, đẩy xuống, kéo lên hành khách. Những hành khách đi tàu bay này, có rất nhiều bộ mặt. Có bộ mặt vênh váo vì là người nhà ông lớn, có bộ mặt chây dài xuống để ca bài con cá. Thấy tôi xin về, ông Tư lệnh cười :

- Chán Biệt đội rồi à ?

- Chưa chán, nhưng tôi có tật là đi đâu chỉ mặc có một bộ đồ. Khi nào thấy bộ đồ có mùi hôi là bắt buộc phải về, vì không muốn làm khổ mũi người xung quanh.

Ông Tư Lệnh hít hít một vài hơi rồi đuối :

- Ủ, về đi. Quần áo bạn hôi quá. Mong rằng văn chương của bạn viết sẽ không có mùi...

## 7. CHUYỆN TÌNH PHƯỢNG VÀ DƯƠNG

Khi tôi về nước thì Phượng và Dương đã yêu nhau rồi. Dương học cùng khóa với tôi, về nước trước tôi ba tháng. Tôi bị hỏng “phase” cuối cùng phải ở lại, học nốt. Còn Dương thì thi đậu phẳng phẳng, nên cũng tới, nhưng lại về sớm.

Tôi muốn tả vài nét về Phượng và Dương. Phượng, hoa khôi trường Trưng-Vương, tóc dài, da thật trắng, mắt thật đen, lông mi dài, vẻ mặt hiền hậu như Đức Mẹ. Phượng theo đạo. Còn Dương thì thông minh, một cái thông minh thật đẹp, không phải như những cậu học trò, suốt đời vùi đầu vào sách vở. Chúng tôi vẫn phục Dương. Ngày mai thi mà chiều hôm trước vẫn thấy Dương nhờn nhờ lang thang trên nẻo đường từ Nantes về, từ Bordeaux lên.

Nhưng chỉ cần vài ba giờ “nửa đêm về sáng”, khi tắt cả nằm co ro ngủ, Dương thức dậy, nằm trùm kín mền, bật chiếc đèn “pin” lên, học cho đến khi tiếng kèn đánh thức dậy. Ấy vậy mà trong tất cả mọi kỳ thi Dương vẫn đứng hàng đầu như thường. Tây và Ta sợ hết vía. Không những cái thông minh của Dương vượt qua mặt những thằng “mọi da vàng”, mà còn qua mặt cả những thằng “mọi da trắng”.

Không phải Dương chỉ đứng đầu ở các môn thi viết. Cả những môn phải dùng tới khéo léo chân tay, một chút tiểu xảo kèm theo một chút thủ công, Dương vẫn đứng đầu. Cầm cái kìm, cái búa, cái mỏ-lết, cái tuộc-nơ-vít, Dương vẫn hiên ngang là một người thợ giỏi, nhiều khi vượt qua tài của thầy.

Ông thầy thường phải dùng tới cái cân, cái thước. Còn Dương thì chỉ cần lấy mắt, lấy tay ước lượng mà cũng gần đúng. Có một lần ông thầy dạy về nghề thợ rèn gõ một tiếng “coong” vào một miếng gang. Nghe cái tiếng lanh lảnh chát chúa ấy, Dương nói ngay :

- Hai mươi phần trăm than pha với thép...

Ông thầy trợn mắt:

- Đừng có nói ầu, chú bé !

Ông thầy già, có thói quen gọi tất cả học trò là “petit” giở cuốn sách ra. Tới trang chụp hình miếng gang này, ông lấy mục kính ra, trợn mắt đọc rồi liếc nhìn Dương thán phục. Thì ra trong sách ghi là hai mươi một phần trăm.

Trong những buổi dạ hội, trong “hầm Hiện sinh” đầy khói thuốc lá, Dương cũng vẫn là cây đình, có những em đầm mà con số đầu của tuổi chưa tới số hai, cũng đã yêu Dương kịch liệt. Dương có nhiều lợi thế trong việc chinh phục đàn bà. Vì được lương của nhà nước, nên tiền Dương nhiều hơn bọn sinh viên rách. Vì thông minh và có nhiều tài lẻ, nên Dương hơn hẳn chúng tôi.

Lúc trở về nước, Dương rút bỏ tất cả. Không một tí tẹo buồn thương luyến tiếc. Em Gisèle khóc như mưa như gió. Em Denise đòi tự tử. Em Christine nhất định bỏ hết cả bà nội, bà ngoại, cha giàu, mẹ sang, để theo anh về nước làm một công dân của xứ nước nắm, có một huyền thoại ông Lạc-Long lấy bà Âu-Cơ, chế tạo ra một

trăm trứng nở ra đúng một trăm thằng con trai. Nhưng Dương bước lên xe lửa, tàn nhẫn như Kinh-Kha bước xuống con thuyền qua bờ sông Dịch.

Nghe đồn rằng ngày hôm ấy, trời bên nước Tây mưa to gió lớn. Đàn quạ rủ nhau bắc một cái cầu đã giúp cho lúa đôi Ngưu-Lang, Chức-Nữ, nhưng thấy rằng đường dài quá, qua Địa-Trung-Hải, qua Hồng-Hải rồi lại Ấn-Độ Dương mệnh mông bát ngát, tốn sức lao động quá, nên đành thôi. Và Dương đi lên boong tàu ca một bản “mặc áo rách về quê”.

Năm ấy, Dương hai mươi hai tuổi, và Phượng, mười bảy...

Cả hai tuổi đều đẹp cả. Nhất là nhìn Phượng và Dương sánh vai nhau đi trên con đường đầy lá đỏ. Tất cả mọi người đều trầm trồ khen : Đẹp !... Mà cả hai đứa đều biết rằng mình đẹp đôi. Phượng thích mặc áo đỏ. Màu áo lẫn với màu hoa học trò, nở thắm sân trường. Dương mang lon thầy đội trên vai, nhưng không có tí ti mặc cảm nào.

Ngày đó, lính tàu bay còn hiếm. Một chuyên viên tốt nghiệp bên Tây về, vẫn được kính trọng hơn một ông quan, xuất thân từ một quân trường bản xứ. Mà Phượng đã bằng lòng yêu Dương, thì thiên hạ đều được coi là không bằng cái khăn tay lau nước mắt của Phượng. “Em nhỏ thơ ngây đôi mắt biếc, gói tròn thương tiếc chiếc khăn tay”. Có gì để thương tiếc nữa đâu. Chúng tôi mừng cho Dương gặp Phượng, mặc dù thấy Phượng còn đang tuổi con nít, chúng tôi vẫn gọi là chị. Coi như Phượng đã là vợ của Dương rồi.

Tại sao tôi không nói thêm về cuộc gặp gỡ đầu tiên giữa Phượng và Dương? Thuở ban đầu, dù gặp nhau ở cầu tiêu vẫn là một kỷ niệm đẹp, khó quên... Dương gặp Phượng ở nhà hát lớn, nơi chứa cả hàng ngàn đồng bào miền Bắc, bỏ quê hương vào Nam, trong một cuộc di cư vĩ đại. Dương đi kiếm một gia đình quen nhưng không thấy. Đứng giữa đám người hỗn độn, nằm, ngồi, đứng, nói chuyện với nhau bằng một thứ tiếng nặng chất quê hương, Dương ngờ ngác và bâng khuâng. Chợt có tiếng oanh thỏ thỏ bên tai :

- Ông kiếm ai vậy ?

Dương giật mình :

- Tôi kiếm gia đình cụ phán Vương. Nghe nói cụ ở đây. Từ này tới giờ, tôi hỏi thăm mãi không thấy. Cô làm ơn chỉ dùm.

Một tiếng reo vui:

- À, gia đình con Nga. Cụ phán Vương là “bu” con Nga, con Nga là bạn của Phượng. Bây giờ không còn ở đây nữa mà mua được nhà ở dưới Phú-Nhuận rồi. Dọn đi đã được mấy hôm nay.

- Thế thì cô Phượng chỉ dùm nhà Nga cho tôi đi.

Giọng ngạc nhiên:

- Tại sao ông lại biết tên Phượng là Phượng?

Dương mỉm cười nghĩ tới cái ngây thơ hồn nhiên của tuổi học trò. Xưng tên một cách tự nhiên rồi hỏi tại sao ông biết. Dương làm ra bộ điệu bí mật :

- Điều đó sẽ giảng nghĩa cho cô Phượng biết sau. Bây giờ cô Phượng làm ơn nói số nhà bao nhiêu, đường nào để tôi còn đến thăm bà cô mà mấy năm nay không gặp rồi...

- Thế ông không phải dân di cư ?

- Có chứ. Chứng cứ là tôi đang đứng giữa Sài Gòn. Nhưng tôi di cư cách đây gần ba năm. Tôi bỏ quê hương tới một chỗ xa hơn cô Phượng nhiều ! Tận ở bên Tây cơ. Từ ngày đó đến nay, tôi đã và sẽ là dân di cư, vì trong lòng lúc nào cũng bàng bạc một ít buồn hoài hương

Phượng chạy đi lấy cái cặp sách. Rút một quyển vở, ngoài bao tập đề "Lớp Đệ-Tam Trường Trưng-Vương". Giở vào đúng giữa, xé một tờ, Phượng vẽ nhà của bạn. Đây là ngã tư. Đây là con đường tàu. Đây là nhà thờ đang xây cất. Nhà Nga ở chỗ này có cái hàng rào gỗ, có cái cửa ra vào, cửa sổ nhìn ra con đường. Dương mỉm cười. Chợt Phượng vo tròn tờ giấy ném qua cửa sổ :

- Thôi để Phượng dẫn anh đi. Anh có bận gì không?

Dương thần thờ như người trong cơn mê. Hai người ngồi chung băng sau một chiếc tắc-xi. Tự nhiên Dương thành ra ít nói và lừng khừng như một ông cụ non. Thế là từ hôm đó họ yêu nhau...

Chúng tôi có mặt đầy đủ trong đám cưới đẹp nhất của mùa cưới. Tất cả chúng tôi đều nghèo. Không có tiền để may lấy một bộ đồ lớn. Chẳng lẽ ở xứ này mà lại lấy đồ len ở bên Tây ra mặc. Nắng thì như bốc lửa. Trời nóng đến nỗi kiến cũng phải bò ra khỏi tổ để hóng mát, thì bộ quần áo len ấy sẽ làm trò cười cho tất cả mọi người ở cái xứ la-de, dưa hấu. Thằng nào cũng mặc áo sơ mi trắng, thắt thêm cái "cà-vạt". Ấy vậy mà tôi thấy, từ trước đến nay, chưa có đám cưới nào vui như đám cưới này.

Thằng Trần lên hát " *La vie en rose* ". Thằng Quý hát " *Voyage à deux* ". Rồi cuối cùng để "mặc niệm" cho cuộc đời độc thân của thằng Dương, tất cả hát bài " *La Quille* ". Bài hát này là bài hát của những thằng lính Tây, khi mãn nhiệm kỳ quân dịch, trùm kín mền, đi từng bàn xin tiền uống rượu, chấm dứt một ngày cuối cùng trong quân ngũ :

*"La quille viendra, les 'bleus' viendront, pour laver les gamelles.  
La quille viendra, les 'bleus' viendront, pour laver les bidons."*

Bài hát thật ngô nghê, chất phác. Nhưng chỉ cần đoạn đầu là đúng lời ca. Còn đoạn sau cứ việc "phịa", nói hết uất ức những ngày sống trong quân ngũ. Có những thằng độc mồm, độc miệng còn đọc cả một bài văn tế : " Dương ơi, chúng mình ở với nhau, bạn sống có, bạn chết có, sao bây giờ mày nỡ bỏ chúng tao, mày đi lấy vợ. Ô hô, hồn có linh thiêng, về đây thương hưởng ! ". Có thằng nham nhở:

- Dương ơi, mày hãy bàn giao cho tao các em Bích, em Ngọc, em Liên, em Quý Mão... Này chị Phượng : Hãy để ý tới đức lang quân. Nó là thằng đào hoa có tiếng. Có chuyện gì thì "cúp" đi... Nào, một, hai, ba, chúng ta đồng ca...

Bài đồng ca vang lên chát chúa. " *Đốt, hay không đốt ? Thì cắt nó đi cho rồi...* ".

Bà Phán, mẹ Phượng, nhìn lũ quý sử lắc đầu. Bà hãy còn hai cô con gái lớn chưa gả chồng. Phượng là con út. Vì theo đạo, nên không có sự kiêng cử, không cần phải theo "hệ thống...quân giai". Em cứ việc đi lấy chồng trước. Rồi đến lượt chị cũng không sao.

Đáng lẽ thì đám cưới Phượng và Dương sẽ được cử hành sớm hơn. Chỉ rắc rối ở chuyện “đạo”. Phượng muốn làm lễ ở nhà thờ, nhưng Dương lại không có đạo. Phượng khuyên Dương nên “trở về đạo”, và tặng Dương cả một kho Kinh để Dương luyện võ công.

Chiều Phượng, Dương đành theo đạo. Thằng Dinh chế diễu bằng một câu ca dao, không biết nó “thuông” được ở đâu : “Cúi đầu lạy chúa ba ngôi, tôi lấy được vợ, tôi thôi... nhà thờ.” Và Dương cũng làm xong thủ tục trước mặt Cha, trước mặt Chúa :” Tôi xin nhận người con gái này làm vợ. Tôi xin nhận người đàn ông này làm chồng...” Khung cảnh trang nghiêm đến nỗi những thằng tinh nghịch nhất cũng không dám cười khúc khích.

Tiếng cầu kinh trầm lặng. Lạy Chúa, chúng tôi vì máu thánh giá, xin giữ chúng tôi, cho khỏi kẻ thù. Nhân danh Cha, và Con, và Thánh thần. Amen !... Đám cưới chỉ bật lên vui nhộn khi ra khỏi cái không khí âm u của nhà thờ, còn nồng mùi vôi, mùi cát mới xây cất đầu đường Trương-Tấn-Bửu. Một chuyến tàu âm ỹ đi ngang qua. Người đứng trên tàu còn giơ tay vẫy như chúc cho chú rể, cô dâu. Bà Phán hài lòng :

- Còn hai chị đó. Dương coi có người bạn nào tử tế làm mai, làm mối cho vui cửa nhà.

- Thôi mẹ ạ ! Những thằng này là một lũ sa-tăng. Quỷ đã bắt mất linh hồn chúng nó rồi. Có thằng nào được như con đâu ?

Tiếng nhao nhao lên cãi lại. Bố anh ! Chưa chi đã lên mặt rồi. Nhưng mà thôi tất cả những thằng chúng tao đây không có một thằng nào bằng được mày. Đồng ý lắm ! Hăm hai tuổi đã dám làm một cuộc mạo hiểm ghê gớm là lấy vợ. Nhất mày rồi !

Đám cưới xong, Dương và Phượng ở một căn nhà ngoài căn cứ Không Quân. Nhất định không cho vợ ở trong trại Gia Bình. Tuy rằng nếu ở trong trại, đỡ tốn cả ngàn bạc tiền mượn nhà, tiện việc đi làm, đi ăn. Nhưng Dương là một thằng chúa gàn. Nó bảo tôi :

- Mày thử nhìn lại Phượng. Một người như vậy mà để chung chạ với vợ mấy thằng quản bò đá, mấy thằng đội lô-can, thì chịu sao nổi. Tao với mày còn lạ gì cái trại Gia Bình!..

Tôi thở một hơi thật dài. Tôi nghĩ đến thằng quản Bò Đá. Trong một ngày lễ lớn, dân địa phương có nhã ý tặng anh em một con bò để liên hoan, cả một lũ bao nhiêu thằng xúm lại mà không quật nổi con bò ngã, để trói bốn cái cẳng lại chọc tiết. Thằng quản già đứng ngoài chê bai :

- Một lũ ăn hại! Lui ra hết! Một mình tao cũng đủ hạ con bò này.

Và hắn xông vào ôm lấy hai cẳng bò. Chắc là vì thấy nhột ở hai cái cẳng nên con bò đá về đằng sau một phát. Trúng ngay cái chỗ chứa nước tiểu của thằng quản già.

Nó ôm lấy bụng dưới la lên có một tiếng rồi lịm đi, phải bôi hết cả một lọ dầu cù-là mới tỉnh. Từ đó, tên nó là quản Bò Đá. Tên Bò Đá được đặt ra, không có lời khiếu nại.

Còn mấy thằng Đội lô-can. Những ngày buồn tôi và Dương hay lang thang vào trại Gia Bình. Chỉ cần vài ba chuyện nhỏ cũng đủ cãi nhau, nhiều khi đưa đến đổ máu. Bể nước để chảy qua nhà nhau, rút trộm của nhau vài thanh củi là đủ âm ỹ cả xóm.



Tôi đã chứng kiến một vụ mất vịt mà cứ nghĩ lại, là thấy ghê sợ. Thằng mất vịt đi rao cùng trại, từ dãy A đến dãy L. Con vợ nó quang quác cái mồm nói đồng :

- Tìm kiếm cái gì nữa. Có tìm thì tìm mớ lông...

Con vịt đã biệt vô âm tín. Thằng mất vịt tới lúc tức quá, về lấy con dao, đưa ngón tay ra : Phập ! Một nửa đốt ngón tay có dính tí móng, văng ra ngoài. Không cần phải băng bó, nó giờ cao cái ngón tay, máu nhỏ rùng rùng đi khắp trại :

- Cái tay tao, tao còn không sợ nữa là cái cổ chúng mày.

Đó, hình ảnh về trại Gia Bình. Phượng, người con gái hoa khôi trường Trưng-Vương, của người chuyên viên thông minh nhất trường 721, lên bảng danh dự hoài hoài đâu có thể ở nơi đó được. Tôi đồng ý với Dương. Nhưng thật thương cho bạn...Tôi hỏi :

- Chuyện cơm áo có vất vả lắm không?

- Cũng đều đều... Ngày hai bữa ăn và một giấc ngủ.

Tôi cũng muốn đem chuyện tương lai tối mù mù ra hăm dọa Dương, nhưng nghĩ đi, nghĩ lại, thấy không nên. Hai đứa chúng nó đang yêu nhau, có ích gì khi nói đến chuyện xa xăm. Nhìn Dương bây giờ, tôi không còn nhớ tới Dương ngày xưa, đi những đường Tango là lướt dưới ánh đèn máu đỏ, mù khói thuốc lá. Phượng thì vẫn hồn nhiên, tươi trẻ. Bước chân sáo vẫn nhảy từ bếp lên nhà, vừa bày mấy cái chén ăn cơm lên bàn vừa hát :

“Ngày ấy, có anh đi nhẹ vào đời, và mang theo...” Tiếng hát từ nhà xuống bếp. Tiếng ca chợt tắt...

- Anh hỏi xem anh ấy có ăn cơm cùng với tụi mình không ?

Tôi hỏi lại :

- Cơm có gì ăn không, chị Phượng?

Bước chân sáo lại đi lên nhà... Phượng lấy cái muỗng gỗ vào chén. Có cá kho này. Phượng mà kho cá với tương, ăn vào tuyệt lắm. Cá kho dở, cho thật nhiều nước, nước cá kho để chấm rau, ngon lắm... Phượng mà làm bếp thì anh khỏi chê. Dương bĩu môi:

- Thôi đi bà nội, xuống bếp coi nồi cá, không khét hết bây giờ. Ở đây mà khen mình mãi.

Phượng hỉnh hỉnh hai cánh mũi....Ờ, có mùi khét thật. Phượng ù té chạy xuống bếp, cười ròn rã.

Cầu trời cho Phượng và Dương cứ sống hạnh phúc như thế này mãi. Dương ơi, tao thèm hạnh phúc của mày. Tại sao cứ phải tìm hạnh phúc ở đâu xa. Hạnh phúc là gì ! Chỉ là nồi cá kho với tiếng cười vang lên từ trong bếp và đừng bao giờ không có tiếng cười.

Hạnh phúc ở với Dương 10 năm. Trong 10 năm ấy, chất hào hoa cứ dần dần bay mất, nhưng Dương đâu cần. Dương gom góp từng cái thùng gỗ, từng miếng ván, đóng từng cái tủ cái giường, cái bàn học cho con. Bàn tay của Dương vẫn khéo léo như thuở nào. Cửa một đường thẳng băng. Đóng cái đinh sâu vào trong gỗ. Những

phát cọ quét sơn rất đều tay. Tất cả những cái khéo tay ấy, Dương tạo thành hạnh phúc gia đình.

Thằng Long, con Ly, con Quy đã lớn. Phượng đã là mẹ ba đứa con. Năm nay nàng hăm bảy tuổi. Buổi tối, dưới ánh đèn tóc Phượng buông dài, vẫn thấy phảng phất không khí liêu trai. Dương ngồi dạy thằng Long học. Con Ly, con Quy ngồi nghịch những thứ đồ chơi nho nhỏ...

- Long là gì hả bố ?

- Long là con Rồng. Bốn mẹ con của Long là bốn thứ linh thiêng cao quý: Long, Ly, Quy, Phượng. Chỉ có bố là bét nhất nhà.

- Thế bố là con gì ?

- Bố í à ? Bố là con dê. Dương là con dê.

Con Ly nhảy phóc lên lưng bố. Bố là con dê, bố phải để cho người ta cưỡi chứ. Bỏ bò đi... Bố phải đi bằng bốn chân như con Tô tô. Bố là con dê mà. Phượng mắng con:

- Đừng có hỗn. Để cho bố nghỉ. Mai bố còn phải gác.

Con Ly xịu mặt, tụt xuống khỏi lưng con dê già. Cái lưng càng ngày càng còng xuống còm cõi. Cái thông minh như cùn, như mòn, như rỉ đi. Phượng đuổi cả lũ con lên giường, bắt nhắm mắt lại. Rồi chỉ vài phút sau, cái ngủ đã tới với trẻ thơ thiên thần. Phượng tới ngồi bên Dương :

- Anh ạ, làm sao có tiền để trả cho chị Tư ? Bữa nọ thằng Long đau, chị ta cho mượn tiền mua thuốc đấy.

- Thế tiền lương hết rồi sao ?

- Thì anh tính, có hơn mười ngàn thì phải tiêu bao nhiêu thứ. Tháng này mà không trả tiền điện câu nhà bà Ba, bà ấy cúp điện đấy. Anh làm sao chứ, cứ sống như thế này, khổ quá.

Dương kéo một hơi dài thuốc QuânTiếp Vụ. Ngọn đèn vàng như ngọn đèn nhà ga Lyon. Nếu có tiền mua một chiếc xe gắn máy, Dương cũng dám mày dầy mặt dạn, đi chợ Mèo kiếm thêm chút đỉnh tiền. Ngoài trời, tiếng phi cơ bay trong không gian màu tím, đôi ánh đèn bên cánh lập loè chớp tắt. Tiếng Phượng thì thảm :

- Hay anh để em đi làm ?

Dương thở dài :

- Em đi làm. Nhưng làm ở đâu ? Anh chỉ thích cho em làm cô giáo. Nhưng làm công chức thì tiền lương không đủ để trả người làm, mà con cái vẫn nhem nhếch. Muốn có nhiều lương thì chỉ có cách làm cho Mỹ mà em đi làm cho Mỹ là điều mà anh không muốn. Chúng mình cứ sống thử như thế này một thời gian nữa xem sao.

Một tiếng nổ thật gần... Sỏi đá chạy trên mái nhà lóc cóc. Chiếc đèn chao đi rồi sáng lập loè. Lại có pháo kích rồi. Lũ trẻ con giật mình, thức dậy khóc vang nhà. Con Ly, con Quy chạy vội ra ôm chặt lấy mẹ. Dương ôm thằng Long vào lòng. Em ơi, ngồi sát lại gần đây. Có chết thì chúng mình cùng chết cả. Thà chết một đồng còn hơn sống một người. Tiếng của Phượng :

- Giá có tiền làm cái hầm thì cũng yên chí.

Tiếng ầm ầm lại vang lên. Ở xa, ở gần... Tiền ăn còn không có, làm chi có tiền mua bao, mua cát làm hầm. Trong một giây chán đời, Dương muốn một trái rốc-kết rớt đúng căn nhà này, tan xác chúng ta, để sống ở một nơi chỉ có tình yêu mà không có chiến tranh.

Đêm hôm đó, Dương và Phượng nói chuyện gần tới sáng. Và vài hôm sau đã thấy Phượng đi làm ở một nơi to lắm, lớn lắm, mỗi lần đi vào, đi ra phải khám ví, khám xác tay, khám cả người. Vài tháng sau, đã thấy Dương đi xe Honda.

Nếu cuộc đời cứ đẹp như ở trong tiểu thuyết thì câu chuyện chấm dứt ở đây cũng được. Không cần phải viết đoạn kết. Nhưng chuyện thực của Dương và Phượng không phải như vậy. Câu chuyện về cuối, càng nhìn, càng nghe càng thấy nghẹn ngào bi thảm.

Tôi thương Dương quá! Thương cả Phượng nữa. Những éo le, bất trắc có bao giờ buông tha số phận con người. Một buổi sáng trời còn lạnh mù sương, Dương đi làm chở theo thằng cháu Long. Tôi hỏi:

- Sao không để cháu ở nhà ? Đánh thức nó dậy sớm quá như vậy, rồi mang vào đây làm gì ?

Chúng tôi, những thằng lính già, gần như để hết cả tuổi thanh niên cho quân đội, đã có nhiều giây phút chán ngấy. Đã thề rằng không bao giờ cho con vào trong trại lính để nhìn cuộc đời khốn nạn của thằng bố nó. Bây giờ Dương đã phá lẹ:

- Nó đi học buổi chiều. Buổi sáng phải đưa nó vào đây chứ để ở nhà, lo lắm.

Tôi ngạc nhiên :

- Thế mẹ nó đâu ? Các em nó đâu ?

Dương thẫn thờ nhìn ra không gian mênh mông. Nắng buổi sáng, soi rõ cả những hạt sương đọng trên cửa kính buồng lái phi cơ. Một tiếng thở dài. Phượng bỏ tao rồi. Phượng đi lấy Mỹ rồi. Nó mang theo cả hai đứa con gái. Tao hối tiếc đã để cho nó đi làm. Rồi Dương kết luận :

- Lỗi tại tao. Tất cả tội lỗi là tại tao.

Chỉ nói được có mấy câu ấy rồi Dương khóc. Tôi cứ nghĩ rằng nhìn người đàn ông khóc chắc tức cười lắm. Nhưng bây giờ tôi không dám cười, có gì để cười được nữa. Thôi, Dương ơi ! Trong lúc cái chiến tranh này đã cướp đi của chúng ta một nửa quê hương, làm cả cái xã hội này thối nát, mà chỉ mất có một tình yêu. Tôi trải lại tấm vải phủ giường trực:

- Thôi mày nằm xuống đây, nghỉ đi. Chắc là đêm qua mày không ngủ. Trông mày tang thương lắm. Còn Long ra ngoài này với bác.

Thằng cháu Long lủi thủi theo tôi ra. Hôm nay không có chiếc phi cơ nào làm kiểm kỳ. Căn nhà hăng-ga, không có máy bay, trông thật cao, thật rộng. Thấy nhiều thứ lạ, cháu Long ríu rít hỏi tôi, nhưng tiếng cháu bị át đi vì tiếng phi cơ quay máy và cát cánh ở đầu phi đạo. Tôi ngọt ngào :

- Thôi, không hỏi nữa. Lấy sách ra ngồi vào bàn kia học bài. Sắp sửa thi vào Đệ Thất rồi, phải cố mà học chứ không thi đậu vào đệ thất trường tư thực thì thật ê mặt.

Thằng cháu chỉ ngồi một lúc rồi tung tăng chạy nhảy. Cứ ngày nào cũng vậy, bóng dáng hai bố con Dương lại còm cõi âm thầm đưa nhau vào hăng-ga dính đầy dầu mỡ. Cho tới một hôm...

Những ngày cuối năm, trời thường đẹp. Nắng thì dịu và gió thật mát. Nhất là ở nơi đây, có nhiều trời, nhiều nắng và nhiều gió.

Cháu Long chơi ở đây lâu quá rồi cũng chán. Dương thì bận lo cho xong mấy chiếc tàu bay xuất xưởng.

Công việc làm không kịp thở. Cháu Long đi ra ngoài hàng rào kẽm gai, hái mấy bông hoa dại đủ màu, cầm trên tay tung tăng chạy nhảy. Một con bướm đậu vào một bông hoa. Long rón rén bước tới. Con bướm đậu rồi lại bay, dẫn dắt Long đi, như một sứ giả thiên thần mà Long thường nghe bố kể trong đêm... Thiên sứ Gabriel cũng có đôi cánh trắng, xuống trần gian đến báo tin lành. Nhưng con bướm không đưa Long vào cửa nhà trời mà đã đưa Long lạc vào một bãi mìn...

Một tiếng la thất thanh vang lên rồi loảng ra. Bao nhiêu gót giày chạy rầm rập về phía hàng rào kẽm gai. Tiếng của Dương hét hoảng ! Long ơi ! Đừng yên ! Đừng có chạy ! Cháu Long bừng tỉnh giấc mơ thiên thần, nhìn chung quanh thấy lố nhố một đám đông, dưới chân nhú lên những đầu củ hành lớn đen thui. Cháu khóc òa lên, nhưng tiếng khóc lẫn vào tiếng ồn ào. Tiếng động cơ và tiếng đập của con tim. Tiếng bàn tán xôn xao :

- Lên phòng an ninh mượn bản đồ bãi mìn..

- Ai người ta cho mượn. Vớ lại khi thiết trí xong thì bản đồ phải thủ tiêu ngay chứ ai còn để làm gì?

- Vậy thì làm sao bây giờ?

Trông Dương bây giờ thật là thảm hại. Hết chạy ra lại chạy vào luôn mồm kêu khổ. Nắng mười giờ nóng cháy lưng. Tôi nhắc ống điện thoại gọi tới phòng Hành Quân. Và tôi nắm thật chặt tay Dương.

Một chiếc trực thăng rà tới. Cánh quạt quay chậm, thận trọng. Chỉ sợ bên dưới gạch đá bay tung. Con chim sắt lơ lửng bình thản. Một cái thang giầy thông xuống. Một bàn chân đặt lên chiếc thang đồng đưa nguy hiểm. Chiếc phi cơ lác lác, tôi nhìn rõ cả khuôn mặt người phi công nhìn xuống, đầy chất trầm tư lo lắng.

Bàn tay người cơ khí viên phi hành, làm dấu hiệu cho thang xuống thấp. Rồi bàn tay ấy nắm lấy cánh tay gầy guộc, nhỏ xíu của cháu Long kéo lên. Cả trăm người reo lên mừng rỡ. Khi cháu được thả xuống, Dương chạy lại ôm lấy con, nước mắt chảy đầm đìa :

- Em ơi ! Phượng ơi !

Tôi biết rằng Dương muốn nhắc tới ngày xưa, ngày mà tình Dương và Phượng còn đẹp, xứ sở này chưa đi vào cuộc chiến tranh rách nát. Rồi tất cả lại rơi vào tịch mịch, chỉ còn tiếng nghẹn ngào...

Buổi chiều hôm ấy, hai cha con đưa nhau vào nhà thờ. Đã lâu lắm, Dương mới tìm lại nơi đây. Cũng vẫn là cảnh xưa như ngày cưới. Vì là một ngày thường nên nhà thờ thật vắng. Dương nghe thấy cả tiếng riu rít của đàn chim sẻ. Dương kéo cháu Long quỳ xuống, cả hai cầu nguyện cho một người hồi tâm trở về. Rồi Dương gục xuống chỗ thanh gỗ để tay. Một tiếng động nhỏ. Dương ngẩng đầu lên và thấy một bóng áo đen sừng sững.

- Thưa cha, con khổ quá!

Một bàn tay nắm lấy tay Dương :

- Con hãy nhìn lên Chúa và than thở với Chúa, người đã từng chịu đau khổ hơn con...

## 8. ĐI XA THÀNH PHỐ

Có những ngày thật buồn, thật trống rỗng, tôi đã lìa bỏ thành phố, để đi tìm một vài người bạn thân... Những ngày lang thang ấy, có khi kéo dài hàng tháng, có khi chỉ chừng một ngày, tùy theo lòng tôi còn ham ở lại hay không.

Tính của tôi vẫn dễ dàng thay đổi. Cũng như trời mưa, trời nắng miền Nam. Đang nắng thì có những đám mây sẫm màu chì, từ chân trời lan rộng ra khắp bầu trời, những hạt mưa lác đác rơi, rồi mưa ào ạt, mặt trời như nằm yên trên chiếc nệm mây ngủ yên.

Tôi đã rời bỏ Sài Gòn đang mùa mưa để đi về miền Trung. Những cơn mưa thường tới miền Trung rất chậm. Vào mùa này, khi rời bỏ miền Nam để đi lên miền Trung, người ta có cảm tưởng như rời bỏ một vùng ẩm ướt đầy những vũng nước để đi về miền có đầy nắng. Khi phi cơ vượt ra khỏi dãy núi Chứa Chan, trời như bừng sáng hẳn. Qua cửa kính phi cơ nhìn xuống, tôi thấy đầy màu xanh dưới thấp của rừng cây mướt lá...

Khi bắt đầu nhìn thấy biển xanh, tôi đã tưởng như bàn chân được đặt trên cát mỏng và được hưởng những buổi trưa đầy gió, đầy nắng, được nhìn qua cửa sổ thấy những cánh buồm vàng nhỏ bé, lác lõng và ngủ thiếp đi trong tiếng rì rào của trùng dương ru ngủ, tiếng rì rào nhẹ nhàng và thoảng lẫn vào mơ, những cơn mơ đầy chất ca dao.

Những nơi tôi tới, thường không phải những nơi xa lạ. Tôi đã sống ở hết các phi trường. Nơi lâu nhất là tám năm. Nơi ngắn nhất là sáu tháng. Những con đường trong căn cứ, trong phi trường thường ít thay đổi. Chỉ những vật nổi trên mặt đất là dễ thay đổi. Chuyện biển dâu vẫn là câu chuyện xảy ra tự ngàn xưa.

Những người bạn tôi hiện nay đã làm việc ở những nơi đẹp hơn, sạch hơn. Tôi hỏi thẳng Thắng đang ngồi sau một chiếc bàn rộng mênh mông đầy giấy tờ, sách vở:

- Mày như con chim bị nhốt trong lồng ... Nhưng cái lồng thì lại được chủ sơn phết, thành một thứ lồng sơn. Mày còn nhớ tới cái gian nhà dùng làm Ban Kiểm Kỳ, nhỏ xíu, trông như một cái cầu tiêu?

Thắng thờ dai:

- Thôi, mày đừng nói nữa. Tao khóc lên bây giờ. Những cái gì sạch quá, sang quá, không phải là nơi dành cho chúng mình. Kiếp của chúng mình là kiếp ăn cơm ở chợ, uống nước ở vòi nước, rồi chết, nằm ở tử sĩ đường. Nhiều lúc, quần áo hơn dơ một chút, ngồi lên chiếc ghế này, trước cái bàn này, tao thấy ngượng cho cái thân mình.

Tôi hiểu rõ tâm sự của Thắng. Những ngày xưa, ngày còn mang quanh mình đầy mủ-lét, đầy tuộc-nơ-vít, đôi giày cả đời không biết đến “xia-ra”, sao mà xa xôi như xảy ra từ kiếp trước. Hăng-ga, sân đậu phi cơ đầy rác rưởi. Lăn lóc ở góc nhà, nhiều khi còn có cả những khúc bánh mì ăn dở, rần như một cục đất, có thể liệng chết được một con chó cỡ lớn. Còn bây giờ thì không có một vật gì dính bụi, kể cả đôi giày đi dưới chân.

- Làm việc bây giờ mệt lắm. Mệt nhất là cái gì cũng phải sạch. Nhưng có một thứ bẩn hơn ngày xưa là trong đầu thằng nào cũng nghĩ cách làm giàu...

Tôi nhìn mái tóc đã đốm bạc của những người bạn mà cảm thấy thương cho chính thân mình. Tôi nhớ tới câu thơ “tóc vương màu khói...”. Khói, lửa và nước mắt đã đầy trên khắp nẻo đường mảnh đất quê hương. Đi tới đâu cũng chỉ thấy nghèo, đói, khổ. Khi còn là những người lính trẻ, lương trên ba ngàn đồng một tháng mà không cảm thấy thiếu thốn. Còn bây giờ, với số lương hơn mười ngàn, sự túng thiếu cứ hiện rõ ra theo từng ngày rơi dần trên tấm lịch. Thắng lơ đãng nhìn ra ngoài trời đầy nắng:

- Chúng mình cảm thấy thiếu tiện nghi, chỉ vì chúng mình lúc nào cũng chạy đuổi theo những tiện nghi. Cũng tại vì chung quanh mình, chúng nó giàu quá.

Rời xa thành phố, để không phải nghe chuyện thành phố, mà vẫn bị những níu kéo để trở về. Tôi thấy một chán nản tràn đầy....Gió bên ngoài thổi mạnh, óng gió nằm ngang, đuôi hướng chênh chếch phi đạo. Ở phi trường này, khoảng buổi trưa thường bị một giờ gió thổi ngang thật mạnh. Gió thổi từ ngoài biển vào. Những cánh chim non lạng vào trực đáp, lằng lằng như một cánh điều mỏng, đôi cánh bập bênh nghiêng ngả.

Mắt của Thắng như mờ đục đi, khi có một đám mây che bóng rợp xuống sân:

- Chúng mình bây giờ chỉ còn là một kẻ hành khất, để xin xỏ một chút yên lành. Đừng để ai động tới, mà mình cũng chẳng nên động tới ai. Nhưng liệu có tránh được sự đụng chạm, dù rằng mình đã lái chiếc xe đời đi rất chậm, như chiếc xe tang đang dần tiến về nghĩa trang.

Hai đứa chúng tôi cùng đi ra khỏi cửa. Lúc này, tôi mới để ý tới bộ quần áo của Thắng mặc trên mình. Chiếc quần thì rộng quá, chiếc áo thì chật quá. Có lẽ bộ quần áo này từ kho quân trang, được phát ra là “ngự” ngay trên người Thắng. Chúng mình còn có tuổi trẻ gì nữa đâu. Để ý làm chi tới đường nhan sắc...Chẳng bù với những ngày, lúc nào cũng chỉ mong có những cặp mắt xanh để ý tới mình. Thắng ngừng lại bắt tay tôi, khi một nửa người tôi đã bước ra ngoài nắng:

- Thôi, lâu lâu gặp nhau thế này, để biết là mày chưa chết, thế là tao mừng rồi. Cả một năm, cả một đời bận rộn lo chuyện cơm áo, không có thì giờ hỏi thăm tới nhau. Tối hôm nay, tới nhà tao chơi.

Tôi bùi ngùi hỏi một câu:

- Bây giờ, mày có mơ ước gì không?

- Hết chuyện mơ ước rồi. Nếu có còn thì tao chỉ mơ ước có một cái cầu tiêu cho riêng mình.

Hai đứa chúng tôi cười vang thích thú. Những kỷ niệm ngày còn sống ở phi trường xứ Bưởi, lần lượt hiện về. Tôi bước đi, từng bước chậm rãi như đi vào trong gió muối, nắng vàng. Ngày còn ở Biên Hoà, cả một dãy nhà, bao nhiêu mạng người, mà chỉ có ba chiếc cầu tiêu. Hai chiếc bị nghẹt, khoá kín. Còn có một chiếc dùng được nên xảy ra rất nhiều chuyện đau khổ. Có thằng chờ đợi lâu quá, không thể nhịn được, bèn trải một tờ báo rồi làm một đồng. Xong xuôi nó gói lại, quẳng đại qua cái cửa cầu tiêu, chỉ che khuất nửa chừng. Thằng ngồi bên trong lãnh đủ trọn gói, nhưng lúc mở được cửa chạy ra thì thủ phạm đã biến mất. Bèn chỉ còn một cách là chửi rửa một hồi cho hả giận.

Tôi bước vào một căn phòng có gắn máy lạnh. Khép cánh cửa lại, tiếng ồn ào phía bên ngoài như bị tắt nghẽn. Tắt cả mọi người đều bận túi bụi suốt ngày với một hàng điện thoại. Tiếng chuông điện thoại của cái phòng này, reo đủ mọi giọng... Có tiếng rên rỉ nhỏ nhỏ như tiếng đế kê dưới cỏ. Có tiếng rền vang như đồng hồ báo thức. Có tiếng gõ cốc cốc như mõ đánh liên hồi. Tôi nhìn những bàn tay loang loáng đưa qua trước mặt. Có tiếng chuông reo là bốc lên., không khi nào bốc làm phải chiếc điện thoại không có chuông reo.

Đất nước tôi ở vùng này dài quá. Một vùng mà chiều dài thì như bất tận mà chiều ngang thì quá hẹp. Chỉ nửa giờ bay ngang là đã tới biên giới Lào. Một bên là dãy Trường Sơn trùng điệp. Một bên là biển cả mênh mông. Chiều dài thì dài đến nỗi một chàng thợ bay đi biệt phái đã ca bài "*bay mãi, bay hoài mà chưa tới*".

Những người bạn tôi sống xa thành phố nhiều nhất, lâu nhất, là những thằng biệt phái. Có những cặp vợ chồng như Ngưu Lang, Chức Nữ, một năm chỉ gặp nhau một lần nhờ đàn chim Ô Thước, bắc cầu qua sông Ngân. Còn ở đây, có những người cùng một đơn vị mà cả năm chẳng nhìn thấy mặt nhau. Người thì về, người thì đi... Từ miền biển Phan-Thiết, Qui-Nhơn, Tuy-Hoà lên vùng núi Ban-mê-Thuột, Quảng-Đức, Cheo-Reo... Những nơi khỉ ho, cò gáy như Kon-Tum, Bồng-Sơn...

Tôi hỏi một người bạn trẻ:

- Các bạn nghĩ sao khi các bạn làm việc túi bụi như thế này mà có những thằng như chúng tôi, chỉ biết lang thang ngày tháng rong chơi?

Người bạn trẻ cười:

- Chúng tôi không có thì giờ để ganh tỵ. Lúc hết công việc là mệt quá, chỉ muốn hỏi thăm cái giường. Nằm xuống giường là ngủ ngay. Phải như vậy mới chống đỡ nổi buồn, như những ngày nằm miền cao nguyên Quảng-Đức, Cheo-Reo...

Tôi hỏi thăm về cái chết của một người bạn. Chàng quan một Phó Nhòm đã chết tức tưởi ở một nơi biệt phái xa xôi. Một ngày đi qua nghĩa trang Mạc-Đình-Chi, tôi gặp ông bố già, lủi thủi từ trong đó đi ra. Tôi hỏi thăm:

- Thừa bác, anh Minh bây giờ ở đâu ạ?

Ông bố già oà lên khóc:

- Nó nằm trong này đấy, cháu bị....

Tôi bàng hoàng, ruột gan như trống rỗng. “Chiếc lá xanh khi đã lia cành rơi xuống đất, bay lang thang khắp các ngã đường rồi không biết sẽ mục nát ở một xó xỉnh nào”. Minh ơi, mây đã có một chỗ nằm yên...Người bạn trẻ ngậm ngùi. Thôi, nói làm chi nữa, thăm lăm anh ơi! Anh hãy hỏi đến những chuyện lấy vợ, để con tới những thằng có vợ, có người yêu ở những miền đầy núi, đầy rừng. Ở những nơi, con người làm việc hết mình như ở đây, tôi không thể nói chuyện được nhiều.

Tôi mở cửa để nghe tiếng ồn ào lùa vào như cơn lốc mạnh ngoài trời. Phi trường ở đây đang hồi sửa chữa. Phi đạo chính đóng cửa, chỉ còn cất cánh và hạ cánh ở một phi đạo ngắn ngủi. Ngay sát hai đầu phi đạo là con đường chính của căn cứ, xe cộ đi lại tấp nập. Khi phi cơ qua khỏi vị trí gió xuôi, tôi thấy phi cơ cứ nhằm vào sườn núi mà lao thẳng vào. Những chiếc xe kèn càng bò chậm qua trước mũi tàu bay khi vào vòng chót. Chỉ cần sà thấp xuống một chút là tàu bay có quyền móc hai cái cẳng vào mui xe, rồi biểu diễn một đường nhào lộn thật đẹp mắt. Với một phi đạo ngắn như vậy, hạ cánh tới đa cách cản, đập thẳng liên tiếp cũng đủ làm cho những chàng lính thành phố toát mồ hôi.

Người bạn trẻ gật gù cái đầu:

- Ngày hôm qua đã có một anh chàng khu trục nằm hít đất ở cuối phi đạo. Thân xác của chàng còn nằm ở góc sân kia...

Tôi nhìn theo ngón tay trở của người lính trẻ. Chiếc cánh quạt cong queo nằm xiêu vẹo. Hai đầu cánh rách nát. Chiếc tàu bay ấy bây giờ cũng giống như thân xác tôi, một thằng lính thành phố, để nằm yên một chỗ, chờ ngày phế thải. Tự nhiên tôi có nhiều ý nghĩ thật buồn.

Tôi chưa phải là người buồn nhất. Còn rất nhiều cuộc sống khác ngoài hơn tôi. Như Đặng và Đoàn. Tôi đã nhìn hai đứa dành nhau một cái bàn, kê bên cạnh cửa sổ. Hai người đó là hai tên thợ bay, đã một thời vung vẩy trên trời mây, không biên giới. Bây giờ thì đang sống như một con chim bị chặt cánh. Thì hai kẻ đó đang đứng trước mặt tôi đây.

- Xin mời anh ngồi vào cái bàn này. Anh là quan ba, anh phải ngồi ở cái bàn đẹp này mới được. Tôi ngồi chỗ đó, dưới cái quạt trần, gió lớn quá, chỉ sợ gió thổi bay mất.

Tôi nhìn Đoàn thì nhận thấy hấn ốm yếu quá. Có thể cởi trần cho học trò tiểu học thực hành một bài học cách trí. Hấn mà nháy dù thì có lẽ sẽ lơ lửng trên trời lâu lắm. Tôi nhìn sang Đặng. Chàng quan ba này vẫn ngồi lì ở một góc nhà, nhất định không nhúc nhích. Hấn cất giọng trầm buồn:

- Thôi đi, Đoàn ơi. Chỗ này nhìn ra ngoài cửa sổ. Không còn bay bổng gì nữa, tao đã mất...không gian. Tao chỉ xin mày một tí khung trời, có núi, có biển, có mây. Mày bắt tao ngồi ở cái bàn ấy, để tao ngẩng mặt lên là nhìn thấy bức tường à? Tao năn nỉ mày, chỉ xin mấy cho tao một tí khung trời, có núi, có biển, có mây....

Tôi muốn tránh gặp những cảnh đó. Tôi đi bộ dọc theo bờ biển, ngồi trong tiếng sóng và thùy dương cho tới chiều tối. Ghé qua nhà Thắng, tôi rủ hấn đi uống cà-phê. Trong cái u buồn của quán cà-phê Trang, hai đứa đã kể với nhau những kỷ niệm ngày xưa, về những thằng bạn đồng con và những thằng chưa vợ. Bốn chục tuổi đầu mà gần một chục đứa con, cũng là một tình cảnh đáng thương. Bốn chục tuổi đầu mà



chưa có vợ, cũng là một tình cảnh đáng thương. Rồi nhìn lại, nào biết thương ai, để rồi cuối cùng, lại thương cho chính thân mình.

Trở về Sài Gòn, tôi lại phải đi...Lần này tôi đi gần hơn, về miền núi có mùi thơm hoa bưởi. Lúc này đã vào cuối năm. Trời năm nay, về cuối năm, tự nhiên có vài cơn mưa lớn, nước xối xả gõ đều nhịp trên mái tôn, hoà lẫn với tiếng thánh ca từ một máy phát thanh bỏ túi. Sinh hoạt ở phi trường này lúc nào cũng ồn ào mà nên thơ, sống động mà âm thầm lặng lẽ, những nét tương phản rõ rệt thật đậm nét.

Trở về Biên Hoà, tôi như trở về miền đất quê hương. Tôi không muốn đóng vai một người khách lạ, một kẻ đứng bên lề. Khi gặp các bạn bè cũ, tôi biểu diễn một bộ mặt buồn buồn và thở một hơi rất dài, dài như xa lộ Saigon - Biên-Hoà: tao đổi lên đây rồi! Lại ăn nằm với chúng mày. Lại phải "đi khách" với mấy chiếc tàu bay khổng nạn. Có nhiều thằng tin, mời tôi về phòng, nhường cho một chiếc giường. Có nhiều thằng không in, chữi ằm lên. Tôi cười, đi lên chỗ ngồi trên cao nơi mà tôi đã ngồi đây hàng mười năm. Người cũ đã phiêu bạt đi tứ phương. Còn lại vài ba thằng, thì một thằng lũng phôi, phải nằm nhà thương. Còn có thằng phải mang đôi kiếng lão. Ôi, làm cái nghề này mà nó mang kiếng lão thì cái tương lai của nó là sẽ được nằm trong khám Chí-Hoà.

Vừa thò đầu lên tầng lầu cao nhất, đã thấy tiếng thằng Trọng la lớn:

- Mệt, mệt quá....Tàu bay ở đ... đâu mà nhiều thế?

Vùng trời như rợp hẳn lại vì bóng phi cơ. Tiếng left, right loạn xạ ngẫu...Hai phi đạo song song, cái nằm bên trái, cái nằm bên phải. Tàu bay nào làm vòng phi đạo bên phải thì cho hạ cánh phi đạo bên phải. Làm vòng phi đạo bên trái thì hạ cánh phi đạo bên trái. Không biết vị trí tàu bay là có quyền ...vỡ mặt. Tôi giơ cả hai tay chào chúng nó, nhưng chỉ nhận được một cái cười nở toe toét và một cái gật đầu.

Trọng trao micro cho một người lính trẻ kèm theo một câu căn dặn: cẩn thận đấy nhé. Cái gì không hiểu thì hỏi lại...Không có gì mắc cỡ. Rồi Trọng lùi lại về sau, nắm lấy tay tôi thật chặt. Tôi gọi lại một chút bâng bạc, tiếc thương hoài cổ:

- Ôi, còn đâu cái ngày xưa thân ái...của phi trường Biên-Hoà. Cứ sáu giờ chiều là tao với mày, xách súng hoả pháo, đứng dưới chân đài. Chờ cho một thằng "tóp tóp" lang thang vào tới vòng chót mới bắn một phát hoả pháo xanh, rồi mặc cho nó hạ cánh. Thời đó, biết đến bao giờ mới tìm lại được.

Trọng nhắm mắt, làm ra cái điều đau khổ:

- Thôi, còn gì mà nói nữa!

Núi Bửu-Long như gần hơn vì cây cối khai quang trống trải. Ngày xưa, ngày đó đã xa lắm rồi...*Ngày đó, anh viết thư cho em: Anh cứ làm lẫn nhiều lần về đèn đặt hai bên cánh phi cơ. Đèn bên trái màu đỏ, đèn bên phải màu xanh. Nhưng rồi anh nghĩ tới em. Bên trái anh, có trái tim,, mỗi lần cầm lấy tay em, là nhịp tim đập liên hồi. Bao nhiêu máu anh đều tụ lại ở tim. Màu máu đỏ tụ lại ở bên trái. Có phải vì vậy mà chiếc đèn phi cơ đặt bên trái, mang màu đỏ hay chẳng?*

Trọng chán nản:

- Lang thang ở khắp nơi, rồi cuối cùng lại về đây. Nhưng buồn hơn ngày xưa vì không có bạn.

Phải rồi, chúng mình sống là phải có bạn. Lúc nghèo đói, về đến nhà mà không mang theo chút đỉnh tiền, vợ con cần năn là lẽ thường rồi. Đến con chó nhà mình, nó thấy vậy cũng sủa ầm ỹ. Chỉ có những thằng bạn là chịu đựng được nhau. Tôi cười:

- Mà y còn quên một loại có thể nuôi mình. Mà y quên các em Dốc-Sỏi ngày xưa rồi sao?

Tôi đã đưa Trọng về một dĩ vãng mù tịt mà bây giờ như không còn dấu vết. Những mái nhà tranh tối mù, leo lét ngọn đèn dầu, có những người con gái vụt tới, vụt biến như những người con gái liêu trai. Ban ngày, nơi đây mang nhiều nét uể oải, chán chường. Mặt trời như xa lánh nơi đây. Con đường xe lửa, lâu lâu mới có một chuyến, ì ạch phun khói, chở vật liệu vào trong căn cứ, rồi lại ì ạch đi ra, gió cuốn bay tung những mảnh giấy báo trắng xoa đặng sau thân tàu. Những đứa con gái, thích chuyện lạ, đổ xô ra ngoài cửa, tay còn cầm từng vốc đậu phộng rang, bốc từng hạt liêng những người lính hộ tống, ngồi trên thành cửa, chân thò xuống đường đu đưa. Phía cuối toa, một người lính đứng “tè” xuống đường tàu làm thanh một cầu vồng nước phản chiếu ánh sáng buổi sớm lung linh, tự nhiên và bình thản... Cảnh đó thoáng qua với Trọng như những bóng ma ngày cũ. Trọng hỏi:

- Mà y còn nhớ em Ngọc không?

- Sao không nhớ? Cái em bé nói tiếng Tây vi va, vi vút, nhưng nói tiếng Việt thì lại ngọng lú, ngọng lô. Nhớ lắm!

Những đứa con gái ở Dốc-Sỏi, không biết sinh trưởng ở miền nào, nhưng cứ khi nào hỏi tới lại tự xưng mình là người Hà-nội. “Em ở đâu ngoài Bắc ta” - “Dạ, thưa anh, em người Hà-lội”. Nhiều lúc, tôi, đã chửi thề: Bố em, chỉ được cái phịa. Anh còn lạ gì đất Hà-nội. Những ngày cuối thu, lá vàng rơi đầy mặt đất. Con đường Rollandes, Carreaux tràn ngập lá vàng, nổi bật màu xanh của rừng áo Trưng-Vương. Trọng bắt chước giọng em Ngọc:

- Gớm, anh “nằm” em giật “lầy” cả mình!

Rồi Trọng hỏi tôi:

- Tối nay, mà y ngủ ở đâu?

- Chưa biết!

- Thế thì tối nay lên đây ngủ một đêm nhìn đèn phi đạo màu trắng, nhìn đường vận chuyển màu xanh biết, ngủ trong tiếng máy phát thanh hét vang bên tai... Chắc đã lâu rồi mà y nhớ những tiếng này lắm.

Tôi thẫn thờ bước xuống thang lầu. Phi trường này thường hay ăn đạn pháo lích. Nằm ở chỗ này cũng đáng sợ đây. Nhưng cái chết đột nhiên tức khắc, chắc là sung sướng mát mẻ hơn cái sống mòn, chết dần. Tôi đi vào khu Tiếp Liệu, chỉ cách một quãng đường ngắn mà như đi vào một thế giới khác. Tiếng người nói chuyện thì thầm. Tiếng máy chữ gõ đều đều. Phát phơ một vài bóng dáng áo màu làm mát mẻ hẳn phi trường. Tôi còn nhớ hai hàng phượng vĩ trên lối đi mà mỗi mùa hè, hoa nở đỏ thắm nổi bật trên những mái nhà fibro trắng. Nhưng những cây phượng giờ này không còn. Tôi hỏi thăm một người bạn già về hai hàng hoa phượng, thì người bạn già cười:

- Tại thuốc khai quang đấy!

Tôi ngạc nhiên:

- Khai quang ngay ở trong căn cứ?

- Không, nhưng gió đã thổi thuốc khai quang ở rừng Tân-Phong về, mây không thấy tất cả cây cối trong căn cứ này đều chết khô cả rồi sao?

Tôi bùi ngùi nhớ tiếc vườn cao su xanh um lá, hai hàng hoa phượng nơi đây. Chắc mùi thơm hoa bưởi cũng không còn. Đất nước quê hương tôi còn chịu đựng chiến tranh không biết tới bao giờ? Hai chiếc kho cháy rụi vì đạn pháo kích ở nơi đây còn trơ lại những dàn sắt cong queo, khoảng nền đất đen sì, vẽ đậm nét hình ảnh chiến tranh của quê hương bị thảm. Tiếng người bạn già lẫn vào tiếng phi cơ cất cánh ở đầu phi đạo:

- Tao đã về đây, thế mà đã gần hai chục năm rồi đấy, mày ạ. Từ ngày ở Tây về, thuyền chuyển lên đây, rồi cứ nằm đây hoài hoài, bèn bèn...Làm việc ở đây, mới đầu thấy cực nhọc, nhưng rồi cũng quen đi. Tao đã tính mua một khoảng đất nghĩa trang nơi đây.

Cái mệt nhọc như thắp thoáng ẩn hiện trong cặp mắt thần thờ. Bên ngoài thì nắng vẫn chói, trời vẫn xanh. Nhưng ở con người, màu xanh mái tóc đã đổi thành màu trắng bạc phơ.

- Anh có điều gì bất mãn không ?

- Làm gì còn có điều bất mãn. Nói cho đúng thì cố làm cho con người mình thật lạnh. Thằng con tao yêu quý nhất mà hay bị thằng hàng xóm giỡn nghịch , cầm cái hộp quẹt “díp-pô” gõ sừng u cả đầu, mà tao còn không muốn gây chuyện. Chỉ dặn dò con mình nên tránh mặt chú Tư. Chỉ một chuyện nhỏ như vậy, mày cũng thấy con người tao hồi này như thế nào rồi!

Cái tật của những thằng già là ngồi đâu cũng nó xấu những người trẻ. Tại sao lại như vậy được nhỉ? Phải tha thứ cho tuổi trẻ. Người lính trẻ “bắt” tàu bay vào sân đậu, hai cánh tay đưa lên, ngoắc tới, ngoắc lui, khi đưa hai cánh tay bắt chéo nhau cho tàu bay tắt máy là ù té vào trong chỗ rợp tránh nắng. Không cần cho tàu bay nằm ngay hàng, thẳng lối. Nhiều khi quên cả việc đá hai miếng gỗ chèn vào hai bánh tàu bay. Tôi cũng vẫn phải đồng ý với anh. Ừ, những cái ngày chúng mình bằng tuổi chúng nó, chúng mình đâu có như vậy...Tôi hiểu rằng những người như anh, lúc nào cũng bàng bạc một tinh thần hoài cổ. Kể chuyện gì cũng bắt đầu bằng hai tiếng *ngày xưa*... Ngày xưa, tàu bay mà chúng mình coi sóc, sạch lắm, cả chỗ ống khói phun ra cũng được rửa kỹ. Bây giờ thì....Tôi lại nghĩ tới Thắng. Tại sao những cái tương phản chỉ cách nhau có một quãng đường ngắn ngủi?

Khi những người dân thành phố muốn làm dáng cho mình, nghĩa là muốn tỏ ra có một chút lòng yêu nước, ai cũng nghĩ đến việc đi thăm chiến sĩ. Nhưng thường họ chỉ nghĩ tới lính chiến. Ít khi, người ta nghĩ tới lính thành phố. Dân thành phố, không muốn nghĩ tới lính thành phố. Họ cho rằng lính thành phố cũng cùng một giai cấp, không còn gì phải ủy lạo, tặng quà hay nói vài câu an ủi...

Một ngày trực, tôi phải đi kiểm soát vòng đai phi trường . Tôi đã thấy cả một gia đình sống trong lô-cốt ngay sát hàng rào kẽm gai. Tôi đã hỏi ông “chủ gia đình”:

- Sao không để vợ con ở nhà? Mang ra đây, lỡ xảy ra chuyện gì thì sao?

Người “chủ gia đình” ngậm ngùi:

- Để ở nhà rồi mỗi bữa cơm, phải mang cơm ra đây cho tôi thì cũng quá tội. Ở gần nhau, lo cho nhau thì vẫn hơn. Với lại, thà chết một đồng, còn hơn sống một người..

Nơi đây rất gần thành phố. Đằng sau lưng, thành phố lên đèn sáng rực. Đằng trước mặt là khoảng mù mù, tím thẫm . Cũng có tiếng ếch kêu hoàng hôn. Cũng có tiếng gió rì rào thổi luồn vào đám cỏ. Những thứ đó làm nơi đây như xa cách hẳn thành phố. Nếu không có tiếng động cơ vang âm thì không khác gì một tiền đồn và kẻ sống ở đây như lính thú đời xưa “miệng ăn măng trúc, măng mai”. Lính thành phố thì có gì sung sướng đâu.

Trời miền Nam , hai mùa mưa nắng không thay đổi. Hết mùa mưa rồi tới mùa nắng. Nghĩ tới thân phận lính thành phố, tôi cũng không mong được hưởng cái vắng vất khó chịu của giữa mùa nắng, tự nhiên nổi một cơn mưa....

**DƯƠNG HÙNG CƯỜNG**

**Nguồn:** [Lính Thành Phố - Dương Hùng Cường - Sách Truyện Tiểu Thuyết Phi Hư Cấu - Thư Viện Việt Nam - Vietnamese Ebooks EPUB PDF. Viet Messenger.](#)

[www.vietnamvanhien.org](http://www.vietnamvanhien.org)

